

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phùng Quán II

#### Tiểu sử

Bút hiệu khác: Trần Vỹ Dạ, Nguyễn Huy, Thanh Tịnh, Vũ Quang Hải.  
Sinh tháng 1.1932 tại Thừa Thiên, Huế. Mất ngày 22.1.1995 tại Hà Nội

#### Tác phẩm

Vượt Côn Đảo (truyện, 1955), Trăng hoàng cung (tiểu thuyết thơ, 1993),  
Thơ Phùng Quán (1995), Huyết lửa chôn chung (thơ),  
Bên bờ Hiền Lương, Tuổi thơ dữ dội (1988), Từ cõi chết trở về,



#### Mục Lục

- Vài hàng về tác giả – 2  
Một vì sao Nhân Văn vừa tắt – Hoàng Khởi Phong – 3  
Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chi – Tường Năng Tiến - 12  
Phùng Quán trong tôi – Hoàng Vũ Thuật - 17  
Nhân văn, "người và việc" - Hoàng Khởi Phong - 22

#### Phụ đính I :

##### Thơ Phùng Quán

- Phùng Quán, vịn vào thơ mà đứng dậy (thơ) – Nguyễn Mạnh Trinh  
Nhật ký về Phùng Quán (thơ) – Viên Linh

#### Phụ đính II :

- Bức thư của Phùng Quán gửi cậu – Xuân Ba – 57  
Xông đất nhà thơ Tố Hữu - 61  
Thiên mã cùng đờ - Ngô Không Phí Ngọc Hùng - 64

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

## Vài hàng về tác giả



Hồn đã *Vượt Côn Đảo*  
Thân vẫn còn trong lao  
Bồi *Nghe Lời Mẹ Dặn*  
Nên suốt đời lao đao

Khi theo kháng chiến, ông viết *Vượt Côn Đảo* (truyện dài), với Nhân Văn Giai Phẩm, ông viết *Lời Mẹ Dặn* (thơ) là hai tác phẩm tiêu biểu của thơ Phùng Quán. Ông là nhà văn, nhà thơ trẻ vào thời điểm 1955 so với Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt...nhưng có những câu thơ “xóc óc”:

Giấy bút tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá

Bị chạm nọc, những quan chức lãnh đạo tư tưởng trù yểm ông, ông không được viết và sống vất vưởng. Sau này ông thường nói đùa với bạn bè: “Giai đoạn tôi bị trù dập này, có thể tóm tắt trong sáu chữ: Cá trộm, rượu chịu, văn chui”.

Cá trộm – Ông luôn luôn đi câu cá trộm ở Hồ Tây, ngay đằng sau khu nhà tập thể của vợ ông là cô giáo dạy trường Chu Văn An.  
Rượu chịu – Ông hay ra uống rượu chịu của bà hàng nước đầu phố, cuối tháng vợ lĩnh lương, xin tiền vợ ra trả nợ.  
Văn chui – Chỉ việc ông thỉnh thoảng viết, nhưng ký tên người khác. Ông thường lấy tên Vũ Quang Hải, là tên...em vợ ông.

Ông ký tên người khác, không ai ngoài bạn ông, trong đó có Nguyễn Hộ, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Xuân Tụ tức Hà Sĩ Phu...

\*\*\*

## Một vì sao Nhân Văn vừa tắt Hàng Khởi Phong



Phùng Quán (1933-1995)

Năm 1954, khi vết dao chém đứt ngang mình đất nước còn đang đổ máu, tổ quốc của chúng ta bị chia thành hai miền thù hận, và toàn thể dân tộc bị đẩy vào thế một mất một còn. Trong bối cảnh lịch sử đó hầu như miền Nam của những người Việt Nam không cộng sản, dưới sự cai trị không mấy sáng suốt của Đệ nhất Cộng hòa, có một nhãn quan thiếu nghiêm chỉnh với mọi sinh hoạt của miền Bắc, phóng ra hét đợt “Tổ cộng” này đến đợt khác, bất cứ cái gì khởi đi từ miền Bắc đều không đáng quan tâm, đều bị bịt kín. Thậm chí quay lưng lại với những sai lầm độc ác của chính quyền miền Bắc trong các đợt cải cách ruộng đất, đấu tố địa chủ, tiêu diệt cường hào diễn ra trên đất Bắc.

Lẽ ra miền Nam phải hỗ trợ cho các cuộc tranh đấu của những người cầm bút bên kia vĩ tuyến 17, khi những người này gióng lên tiếng nói bất khuất của họ ngay từ năm 1956, trong một số sách báo xuất bản vào thời điểm này. Mãi cho tới năm 1959, khi những nhà văn đích thực của miền Bắc đã bị chính quyền cộng sản đàn áp, người thì chết, kẻ thì sống dở, đến độ tiếng ta thán ngút trời mây; chính quyền cộng sản phải trấn an dân chúng bằng những đợt “sửa sai” phát động trên toàn miền Bắc, thì trong Nam học giả Hoàng Văn Chí, sau một thời gian dài quan sát, thu thập tài liệu cho xuất bản một tác phẩm viết về các cuộc tranh đấu của giới trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc. Đó là quyển *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Công trình biên khảo này hoàn toàn có tính cách cá nhân, không hề được sự hỗ trợ của chính quyền miền Nam. Mãi tới lúc đó những người ham đọc sách, thích suy nghĩ và quan sát chính trị và lịch sử ở miền Nam mới có dịp thấy được một phần những sự kiện đang xảy ra bên kia vĩ tuyến 17, bên kia vết thương chém ngang mình tổ quốc, một vết thương không bao giờ lành cho dù lịch sử có trôi đi thêm vài trăm năm nữa. Bởi vì vết thương nơi con sông Bến Hải chỉ là vết thương lập lại, làm rộng thêm miệng một vết thương cũ, kéo dài ba thế kỷ, nơi hai bờ sông Gianh trong thời Trịnh Nguyễn.

Trước khi tác phẩm biên khảo *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* ra đời, tên tuổi của Phùng Quán chỉ được biết tới trên đất Bắc. Khi miền Nam biết tới ông, chính là lúc ông đang sống không sống được, chết chẳng chết cho. Học giả Hoàng Văn Chí giới thiệu Phùng Quán như sau:

“Phùng Quán năm nay (năm 1959) 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trước đi bộ đội, sau được giới thiệu về trường dự bị đại học để học thêm. Về Hà Nội anh lại tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.

Anh viết theo lối hiện thực xã hội và được coi là Triệu Tử Long trong nhóm đối lập. Những bài thơ của anh được dư luận gọi là những “bom nguyên tử”.

Chúng tôi trích đăng bài *Chống tham ô lãng phí* đăng trong *Giai phẩm mùa Thu*, tháng 10. 1956 và bài *Lời mẹ dặn* đăng trong tờ Văn, tháng 9. 1957.

Anh không đòi hỏi gì hơn là quét sạch những rác rưởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm hồn mình: “Yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo là ghét”. Anh bị khủng bố chỉ vì dám nói như vậy.

Phùng Quán bị đưa đi chỉnh huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản thú tội này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm *Nhân văn Giai phẩm* bị giải tán thì suốt ngày chỉ chơi với con bú dũ. Các bạn hỏi tại sao thích nuôi bú dũ, Phùng Quán trả lời: “Chơi với người chán lắm rồi, thành phải chơi với bú dũ.”

Một chế độ đã đào luyện cho thanh niên một tâm trạng như vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy”.

*Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* đưa ra hai bài thơ của Phùng Quán. Một trong hai bài thơ này, bài *Lời mẹ dặn* có thể nói không còn là thơ như chúng ta hằng mong đợi ở thơ. Đó là một bản tuyên ngôn cho nhân phẩm, dưới dạng thi ca. Bản tuyên ngôn giản dị đến độ đọc xong chúng ta cảm nhận được trong hơi thơ của Phùng Quán có hơi thở của cuộc đời ông, và không phải chỉ là hơi thở của một mình ông, đó là hơi thở của cả một xã hội đang dồn dập gấp gáp vì thiếu khí trời để thở. Khi đọc thơ ông, tôi có cảm giác bất gặp hình ảnh những con cá mắc cạn, hai cái mang nhấp nháy liên hồi, và càng quẫy động càng tiến dần đến cái chết.

Ông vốn là người nhiệt thành yêu nước, từ khi còn niên thiếu đã là liên lạc viên cho các mặt trận, rồi từ đó bước một bước Phù Đổng trở thành một người lính, chân thành bảo vệ tổ quốc chống quân cướp nước. Ông lao mình vào tên đạn của quân thù những mong rằng cuộc chiến đấu mà ông góp phần sẽ mang lại tự do, cùng cơm no ấm cho đồng bào ông. Nào ngờ khi bóng quân thù mất đi, ông bỗng đối đầu với một chế độ cai trị còn hà khắc hơn cả quân xâm lược. Do đó trong thi ca của ông, người ta gặp lại anh lính tiên phong ngày nào, viết những dòng thơ như nhắm bắn thẳng vào quân thù trước mặt.

Chỉ với hai bài thơ, Phùng Quán đã hiện nguyên hình một anh lính thiện xạ trong thi ca. Cái đích bây giờ không phải là quân xâm lược mà là cả một guồng máy cai trị nặng nề và kịch cỡm. Trong *Trăng hoàng cung*, tác phẩm mới nhất của ông, do nhà Thanh Văn xuất bản tại Hoa Kỳ, ông viết:

*... Từ năm 24 tuổi cho tới năm 56 tuổi, cơ chế quan liêu đã đánh trả tôi đến chí mạng. Tước đoạt của tôi quyền lao động thiêng liêng: sáng tác, xuất bản, quyền được sinh sống cho ra một con người. Và chìm ngập tôi trong bùn nhơ, lãng nhục trước công luận.*

*Chịu chùng ấy đầy ải, lim thép sắt cũng gãy gục. Nhưng Thơ đã cứu tôi, giúp tôi đứng vững, dạy tôi dũng khí bền gan.*

*Nếu cần đi trở lại  
Tôi lại đi đường này  
Để cuối cùng lại chấm hết ở đây...*

\*\*\*

Nhà văn Phùng Quán sinh năm 1933. Năm 1954, sau hơn 80 năm dùng súng đạn cai trị nước Việt, khi người Pháp phải xuống tàu về nước ông 21 tuổi. Ông tự giới thiệu trong lời khai từ của *Trăng hoàng cung* như sau:

*... Hai mươi một tuổi, tôi, người lính chiến bước thẳng vào làng văn với cuốn tiểu thuyết đầu tay kể chuyện những người vượt ngục thất bại. Ngay sau đó tôi được coi là nhà văn. Nhưng với tôi Thơ mới là tất cả. Thơ là mạng sống, lý lịch của đời tôi...*

Năm 1957, cao điểm của phong trào Nhân Văn, ông 24 tuổi. Trước đó một năm, Phùng Quán viết bài thơ *Chống tham ô lãng phí*, ngay lập tức ông trở thành “cái đích” của những “cái đích” do chính ông chọn. Tuy nhiên trong năm 1956 đó, lời kêu gọi “Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng” (Trăm nhà đua tiếng, trăm hoa đua nở) của Hồ Chí Minh chưa kịp ráo miệng, nên những “cái đích” của Phùng Quán nhìn ông một mũi giáo. Năm 1957, ông xả một đường gươm khốc liệt *Lời mẹ dặn* đúng vào lúc những “cái đích” của ông bắt đầu phản công. Trong thời điểm một mất một còn này, lẽ ra cần có một đạo quân mới mong đánh đổ được những con người trì trệ, quan liêu, máy móc thì nhóm Nhân Văn quanh đi quẩn lại có được một quân số không quá một trung đội. Vài chục người, ném vào một trận chiến mà bên kia là cả một đạo quân nghiêng nước. Thật là một trận chiến không cân xứng. Thế là đem trứng chọi đá, thế là trù dập bắt đầu.

Trong *Cát bụi chân ai* in cuối năm 1993, tác phẩm mới nhất của Tô Hoài, một trong những “cái đích” của Phùng Quán thời 24 tuổi, Tô Hoài hồi tưởng lại giai đoạn kinh hoàng này và tiết lộ cho người đọc những chi tiết không một ai biết được: Có người quá sợ nuốt dao cạo tự tử. Hay một họa sĩ được chọn làm tiểu đội trưởng trong chiến dịch cải cách ruộng đất. Để tránh né cảnh mình phải đứng ra tổ chức những buổi đấu tố, lãng nhục con người, họa sĩ này đã giả vờ đi lạc trong rừng hai ngày đêm. Khi tìm được thì ngờ ngợ ngẩn ngẩn, giống như bị ma ám, mồm miệng đầy đất cát. Tô Hoài cũng cho biết đã gặp Phùng Quán, một nhân vật xung kích khác của nhóm Nhân Văn. Cách mô tả của Tô Hoài cho thấy Phùng Quán như một bóng ma, mới được móc từ huyết ra, lòi từ bã tha ma về, toàn thân là một tổng hợp của mọi thứ bệnh gây nên do đói, nghèo, bệnh hoạn...

Tôi không có ý so sánh kích thước văn chương giữa Phùng Quán và Phùng Quán, nhưng quả thật *Lời mẹ dặn* đau hơn *Con ngựa già của Chúa Trịnh*. Thành thử một bài thơ viết từ năm 24 tuổi đã khiến ông bị trù dập, lãng nhục, tước đoạt quyền sống trong ba mươi hai năm trường, tới năm ông 56 tuổi.

Suốt ba mươi hai năm không được sống như một con người, Phùng Quán không bao giờ vì những áp lực mà uốn cho cong cái lưng thật thẳng của ông. Ông không thể đầu hàng, ông không thể thỏa hiệp bởi một lý do giản dị: ông là tác giả những dòng thơ, tuyệt không bóng bẩy, không kêu, không rỗng, chỉ giản dị nhưng quyết liệt với bất cứ ai

làm cho đời sống của dân chúng trở nên tồi tệ. Tôi xin ghi lại đây toàn bài thơ Lời mẹ dặn của ông:

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi  
Mẹ tôi thương con không lấy chồng  
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải  
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn  
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ  
Ngày ấy tôi mới lên năm  
Có lần tôi nói dối Mẹ  
Hôm sau tưởng phải ăn đòn  
Nhưng không Mẹ tôi chỉ buồn  
Ôm tôi hôn lên mái tóc  
- Con ơi - Trước khi nhắm mắt  
Cha con dặn con suốt đời  
Phải làm một người chân thật.  
- Mẹ ơi chân thật là gì?  
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt  
Con ơi một người chân thật  
Thấy vui muốn cười cứ cười  
Thấy buồn muốn khóc là khóc.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu.  
Từ đấy người lớn hỏi tôi:  
- Bé ơi, bé yêu ai nhất?  
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:  
- Bé yêu những người chân thật.  
Người lớn nhìn tôi không tin  
Cho tôi là con vẹt nhỏ  
Nhưng không! những lời dặn đó  
In vào trí óc của tôi  
Như trang giấy trắng tuyết vờ  
In lên vết son đỏ chói.

Người làm xiếc đi giây thật khó  
Nhưng chưa khó bằng nhà văn  
Đi trọn đời trên con đường chân thật.

Năm nay tôi hai mươi năm tuổi  
Đưa bé mồ côi thành nhà văn  
Đi trọn đời trên con đường chân thật.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu

*Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.*

Với những người yêu thi ca bóng bẩy, lãng mạn thì có thể những dòng thơ trên chưa chắc đã hay, nhưng không một ai có thể phủ nhận kích thích của những dòng thơ này lớn. Không hề dùng những từ ngữ có tính bác học, ai đọc cũng thấm vào hồn, cũng lặn vào máu. Khi viết những dòng thơ này, Phùng Quán đã tuyên chiến với bọn giả hình đầy dẫy trong xã hội miền Bắc. Tất nhiên ông cũng tuyên chiến với bọn giả hình trong miền Nam, bọn giả hình trong hiện tại và trong tương lai vậy.

Bản chất của Phùng Quán là một người lính quật cường, bất khuất. Ông vùng vẫy trong nghịch cảnh, ông không chịu đầu hàng dù cho toàn thể nhóm Nhân Văn đã tan thành những con người tiều tụy, trở thành những mảnh đời vất vưởng không nơi ăn chốn ở. Nguyễn Hữu Đang, một trí tuệ lớn, một kẻ sĩ thứ thật vào ở trong một cái chuồng lợn. Những tên tuổi như Trần Dần, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Sĩ Ngọc, Văn Cao... tan tác trong một sớm một chiều. Đó chỉ là danh tính của những người đã nổi lên trên mặt tầng, còn biết bao người đã ngã quy trong tăm tối như Tô Hoài cho biết trong *Cát bụi chân ai*.

Theo tiết lộ của Văn Xương, một người bạn cũng dân bộ đội phục viên như Phùng Quán, và đã dậy Phùng Quán nghề “câu cá” độ nhật, khi cái bấy đời đã ập xuống đầu ông: Những năm Phùng Quán 27, 28 tuổi mặt ông lúc nào cũng dầu dàu, nhàu nát, quần phục bạc màu, gương mặt xanh xao hốc hác, ánh mắt buồn rầu u uẩn. Ông thường mua một bát cơm và một bát canh, với vẻ lơ đãng như không biết mình đang ăn gì. Câu cá hợp lệ phải mua vé hai đồng câu suốt ngày, nếu ngày nào không có cá cắn câu thì mất cả chì lẫn chài, do đó Phùng Quán đi theo phường câu trộm. Thời gian này ông hay đọc thơ của Esenin, đặc biệt là những câu:

*Những số phận khác thường  
sinh ra thường định trước  
Tôi không thành nhà thơ thì cũng thành  
trộm cướp...*

Trước kia Phùng Quán chê bia, cho là đáng, giờ đây ông nốc rượu cuốc lủi tì tì. Vì không được phép viết dưới tên mình, trong suốt ba mươi hai năm trời mầy mò trong tăm tối, để có thể sống được ông đã “viết chui” hơn năm chục quyển sách dày mỏng, dưới hàng chục bút hiệu. Ông cũng câu trộm hơn 4 tấn cá. Ông được các bạn văn cùng thời vẽ chân dung ông thật giản dị: “*Cá trộm - Rượu chui - Văn chui*”

\*\*\*

Tôi có cảm giác không ổn, khi đọc lời giới thiệu tác phẩm *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán do nhà xuất bản Thanh Văn ấn hành. Người viết lời giới thiệu dường như chỉ nhìn những dòng thơ trong tác phẩm này như những bài thơ tình thuần túy.

Tôi nghĩ có một cách hiểu Nàng Thơ của Phùng Quán khác hơn. Cả cuộc đời ông là một bài thơ hùng tráng, lẫm liệt, quật cường. Nàng Thơ của ông chính là cuộc đời, cho dù cuộc đời đối với ông có tẻ bạc, phũ phàng thế nào chăng nữa, ông vẫn chiến đấu,

vẫn làm thơ cho cuộc đời tươi tốt hơn. Giản dị mà nói thì toàn bộ tác phẩm ngắn gồm thơ trộn lẫn với văn này là một thí dụ điển hình cho thành ngữ: “Ý tại, ngôn ngoại”. Cho dù có một mối tình thật sự của Phùng Quán với một giai nhân nào đó, cho dù ngôn ngữ thi ca của ông trong tác phẩm này đầy những “anh” và “em”, tôi vẫn không tin đây là những bài thơ tình thuần túy. Tôi tin tưởng mãnh liệt vào điều này bởi vì trong *Khai tử* của cuốn sách do chính ông viết, tôi đọc được những điều sau đây:

*Có những phút ngã lòng  
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.*

.....

*Cạn thơ giữa cuộc đời, tôi quyết định rời bỏ thành phố, gia đình, bạn hữu, giữa cái tuổi năm mươi, lên rừng đào tìm mạch thơ giữa thiên nhiên.*

*Tôi đã sống suốt ba năm trong cái lán lợp tranh nửa, giữa một bãi đất phù sa cổ hoang vu, vùng đồi núi Thái Nguyên, mọc lút đầu cỏ dại và cây trinh nữ xanh. Xung quanh bãi đất hoang, con suối lớn Linh Nham vây bọc. Bàn ghế là rễ cây chết tôi lặn lên từ lòng suối. Giường nằm là cây coi cổ thụ bị bão xô bật gốc, con suối Linh Nham mang từ rừng đại ngàn về, dâng lũ lên đến tận thêm lán, trao tặng tôi. Tôi vạt bằng mặt trên thân cây bằng rìu, rồi đục lõm sâu xuống, phẳng phát hình cái áo quan; mùa đông nằm vào đó tránh được cái giá rét và sơn lam chướng khí. Tôi sống cùng một con chó, một con heo, một bầy gà; ăn bắp, sắn, rau lang, ốc suối, tôm cá tự đánh bắt lấy.*

*Mưa lũ không ai dám vượt suối dữ Linh Nham, nên có khi mười ngày liền không nói tiếng người. Trong ba năm thì có hai người bạn lặn lội tìm đến thăm. Trần Quốc Vương, giáo sư sử học; Đỗ Quốc Thuấn, một bạn làm thơ trẻ.*

*Trước mặt lán, sát bờ suối, tôi đào cái huyệt rộng một mét, dài hai mét, sâu mét rưỡi. Tôi nguyện nếu không tìm thấy Thơ, tôi sẽ lặn xuống đó...*

*Đàn mới đất phù sa  
Sẽ thay phu đào huyệt  
Bao nghiệt ngã trần gian  
Chỉ một tuần vui hết...*

Tôi chưa được đọc một tác phẩm nào trọn vẹn của ông ngoài *Trăng hoàng cung*. Theo cách nhìn rất chủ quan của tôi thì cuốn sách này không phải là một cuốn sách hay. Có lẽ lần đầu gặp thơ Phùng Quán trong *Lời mẹ dặn* tạo cho tôi ấn tượng quá lớn. Khi đó tôi hai mươi tuổi, nhìn cuộc đời giản dị và lý tưởng. Những lời thơ tôi đọc trong tuổi thanh xuân đó đã chỉ hướng phần nào cho cuộc đời tôi sau này. Và lại hình ảnh Phùng Quán mà tôi mang trong đầu là hình ảnh của một “kẻ sĩ” trong thế trận bối thủy. Ông tựa lưng vào bờ sông, đánh những đường gươm chí tử cho bản thân ông và cho cuộc đời. Trước mặt ông, hàng hàng lớp lớp những con người, tiêu máu xương dân chúng như tiêu bạc giả đang ùn ùn kéo tới. Thế mà ông vẫn sống còn, cho dù sống như cánh cò trắng phau, bay qua nền trời chiều chập tối.

Trong các tác phẩm xuất hiện dưới tên Phùng Quán, người ta hay nhắc tới *Vượt Côn Đảo* và *Tuổi thơ dữ dội*, tôi chưa có dịp đọc hai tác phẩm này, nhưng cũng qua bài viết của Văn Xương, đăng trên báo Người Hà Nội, tôi nghĩ *Tuổi thơ dữ dội* gồm một bộ ba cuốn có thể là một tác phẩm hay. Nhân vật chính của tác phẩm này, một cậu bé liên lạc



viên 13, 14 tuổi, bị nghi ngờ là Việt gian. Cuối cùng khi đã bị đạ, thương tích đầy thân thể, vẫn cố gắng liên lạc về với anh trung đoàn trưởng, chỉ để thều thào trước khi chết: "... Anh ơi! Em không phải là Việt gian, em là Vệ Quốc quân..." Tôi tin chắc nhân vật chính này có mang phần nào hình ảnh của chính Phùng Quán. Ông từng là liên lạc viên trong thời niên thiếu.

Ông đã hoàn tất hơn năm chục tác phẩm dưới dạng "văn chui" với rất nhiều bút hiệu. Tôi không hiểu sau khi ông nằm xuống, những người làm văn học trong nước có bao giờ nghĩ đến những đóng góp âm thầm, như những bào thai phải đẻ non này. Cóp nhặt, tuyển chọn lại những đóng góp có giá trị cao, in thành một *Phùng Quán toàn tập*. Phải có một cố gắng nào đó để trả ơn cho một nhà văn, nhà thơ đã vì sự sống còn của một xã hội, một dân tộc mà hứng chịu không biết bao nhiêu là oan khiên, cay đắng. Bị bỏ đói, bị lãng nhục, bị chèn ép đến độ không được sống như một con người. Thế mà ông vẫn không bao giờ oán hận cuộc đời. Ông chỉ thản nhiên sống như một con người.

Tôi không biết Phùng Quán có khi nào đọc Hermann Hesse, nhưng cách ông sống làm cho người đọc ông liên tưởng tới một ý tưởng của nhà văn Đức ấy: "*Cho dù có phải đau đớn quằn quại cách mấy đi chăng nữa, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này...*"

Nhưng chỉ cần có một bài thơ *Lời mẹ dặn* mà thôi, ông đã có một chỗ ngồi chắc chắn trong văn học Việt Nam cận đại. Tôi có cảm giác là những đóng góp của ông trên lãnh vực văn học tuy lớn, nhưng hình như không lớn bằng chính cuộc sống của ông.

\*\*\*

Hình như các nhà văn, nhà thơ luôn luôn là kẻ tiên tri cho chính mình. Phùng Quán cũng vậy, làm như ông đã nhìn thấy trước cái chết của ông trong một tầm gần. Cách đây chưa đầy một tháng, tôi nhận được số Xuân Văn Học. Cũng như thường lệ hàng năm số báo này là số báo đúp, dày hơn hai trăm trang, như một quyển sách. Tôi lật qua những trang đầu. Nơi trang mục lục tôi đọc thấy tên Phùng Quán và bài viết *Chút nghĩa cũ càng* của ông. Lúc đó tôi đang bận làm một công việc gì đó trong tòa soạn Người Việt, nhưng tôi nhớ như in, tôi bỏ dở công việc đang làm, vào thư viện, ngồi một cách nghiêm chỉnh nơi bộ bàn ghế mới mua, còn thơm mùi vải mới. Tôi chọn một thể ngồi ngay ngắn, chăm chú đọc bài viết của một thi sĩ đã làm tôi chấn động trong tuổi thanh xuân. Tôi cũng phải thú thật một điều: Người viết lời giới thiệu cuốn *Trăng hoàng cung* làm cho tôi lơ là khi đọc tác phẩm này. Thành thử giữa hai lần đọc Phùng Quán một cách nghiêm chỉnh, có một khoảng cách hơn ba mươi năm. Lần đầu đọc thơ *Lời mẹ dặn*, tôi 20, và lần này đọc văn *Chút nghĩa cũ càng* tôi đã 52. Hình như khoảng thời gian 32 năm cũng bằng khoảng thời gian Phùng Quán bị truy nã, trừ đạ. Ông và tôi có những tiểu dị trong các đại đồng: Ông và tôi cùng mặc quân phục, chỗ khác nhau là ông quân phục miền Bắc và tôi quân phục miền Nam. Ông và tôi cùng bị lưu đầy, tôi lưu đầy ngoài nước, còn ông lưu đầy ngay chính nơi chôn nhau cắt rốn. Ông và tôi cùng cơm hàng cháo chợ, ông ăn cơm "bụi", tôi ăn "food to go". Đó là tôi chưa kể tới ông và tôi cùng viết văn và làm thơ. Ông "văn chui", còn văn chương của chúng tôi nơi đây, người ta rao bán ê hề như những đồ dùng một lần rồi bỏ.

Hai lần đọc ông tôi có hai cảm giác khác nhau. Lần đầu là máu chảy bưng bưng trong huyết quản, lần này là một chút hiu quạnh trong lòng. Thơ của ông ngày trước cho tôi những phần nộ, tưởng như sắp xắn tay áo xông về phía trước. Văn của ông bây giờ cho tôi những đau xót bồng bênh, như những đám mây trắng nổi trên trời. *Chút nghĩa*

cũ càng ông viết về cái chết của nhà thơ Đoàn Phú Tứ, một thi sĩ lớn của văn học thời tiền chiến. Tất nhiên trước khi viết về cái chết của tác giả *Màu thời gian*, ông duyệt qua những công chên cay đắng trong những năm tháng cuối đời Đoàn Phú Tứ. Nào có khác gì đoạn đời của chính ông mấy năm gần đây. Mỗi người khổ một cách khác, đau một cách khác, nhưng sống thì cùng chết dở như nhau. Tôi trích ra đây một đoạn ngắn Phùng Quán viết về Đoàn Phú Tứ, nhưng có lẽ ông cũng viết cho chính ông:

*...Nhà thơ ngồi trên cái hòm gỗ thông xập xệ. Bức phản gỗ được dọn dẹp quang một góc làm bàn viết. Cạnh các tác phẩm của Ra-bơ-le, Stăng-đan, Íp-xen... mà ông đang dịch thuật theo một hợp đồng nào đó, là mùng mền cũ nát ám khói, những cái gối đen đúa mỡ hôi, chiếc chiếu rách xơ cuộn tròn, một chai rượu sắp cạn đến đáy, vài cái chén sứt quai... Tóc ông ngã màu bạc cổ, dọn sóng, đuôi tóc xoắn mềm mại lòa xòa quanh gáy, ria mép hơi vênh lên, chòm râu nhọn được xén tỉa cẩn thận, làm tôn thêm vẻ đẹp thanh tú, quý phái của gương mặt ông. Nom ông như một đại công tước Nga, thời Sa Hoàng đang chơi trò giả trang. Tôi thường ngắm gương mặt ông và thầm nghĩ: Đó là một vẻ đẹp bền vững của thời gian, sự nghèo đói, túng quẫn không sao tàn phá nổi. Và tôi chợt hiểu tại sao vợ ông, chị Khiêm, kém ông những hai mươi tuổi, khá xinh đẹp, con nhà gia thế đã yêu ông say đắm, bỏ cửa bỏ nhà để theo ông...*

*Nhưng rồi năm tháng và cuộc sống cùng quẫn đói nghèo đã làm lụi tàn đi tất cả... Lụi tàn tình yêu, lụi tàn hy vọng, lụi tàn mộng mơ...*

Chỉ một đoạn văn ngắn, người đọc bắt gặp không biết bao nhiêu là hình ảnh, trộn với tình cảm, cộng với xót xa, hòa với khổ đau của Phùng Quán dành cho Đoàn Phú Tứ và dành cho chính Phùng Quán. Thế nhưng văn phong lạnh lùng, thản nhiên, cam chịu, không có vẻ gì là quy lụy, phân bua mà kỳ diệu thay người đọc còn bắt gặp được cái nồng, ấm, dịu dàng, thương yêu giữa hai người bạn.

Tôi chưa bao giờ được nhìn thấy dung nhan ông, nhưng cảm giác về ông thì thật là gần gũi. Trong khi đó nơi tôi đang sống, đang lăn lộn với đời có những người tôi biết mặt, quen tên, thỉnh thoảng có bắt tay mà tôi thấy hình như xa hàng vạn dặm. Càng ngày tôi càng đọc được nhiều tài liệu nói về những nhà văn đích thực của miền Bắc. Bốn chục năm trước là những Phan Khôi, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt... và bây giờ là những Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lưu Quang Vũ, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Trần Văn Thủy... Tất nhiên tôi đang nói tới những người cầm bút ngoài miền Bắc, nên không thể liệt kê những tên tuổi như Doãn Quốc Sĩ vốn là nhà văn của miền Nam, mặc dầu Doãn Quốc Sĩ là người miền Bắc. Chao ôi! cái chữ Bắc, Nam này mỗi lần nghe thấy là một lần tôi phải nhìn trước ngó sau. Thiệt ra Nam và Bắc nếu có, chỉ nằm trong tấm lòng của mỗi con người.

Những tài liệu đã đọc khiến cho tôi cảm thấy tôi phải làm việc nhiều hơn nữa, bởi vì những nhà văn, nhà thơ đích thực trong nước hầu như đã làm được nhiều việc đáng kể, đã mô tả gần đủ xã hội họ đang sống. Để làm được điều này, trong gần nửa thế kỷ qua có nhiều nhà văn trước khi ngã xuống đã bị sỉ nhục, bị đầy ải, bị trấn áp, đè nén... Trong khi ở ngoài này dường như nhà văn chúng ta chỉ mới chạm được tới vành ngoài của sự thật. Chúng ta có quá nhiều điều để viết mà hình như chúng ta chưa... muốn viết. Nếu như sự thật có hai mặt, thì mặt bên trong dường như đã được vẽ lại gần đầy đủ, trong khi mặt ngoài ở phía chúng ta thì chỉ mới có được vài nét phác họa sơ khởi.

Tin Phùng Quán mất đến với tôi thật ngỡ ngàng. Những cơn mưa bão bất thường của California tưởng như kéo dài bất tận. Tôi mang số Xuân Văn Học ra đọc lại bài viết của

ông. Chữ và nghĩa còn rành rành, giấy còn thơm mùi mực. Tôi gọi điện thoại cho Kỳ Hùng, một người có duyên với ông hơn tôi, vừa mới gặp ông không đầy một tháng. Té ra anh đã biết trước tôi vài tiếng đồng hồ. Anh hứa cho tôi mượn tám hình anh chụp Phùng Quán cách ngày ông mất không đầy một tháng. Anh lội mưa mang hai tám hình tới tôi. Một tám ảnh Phùng Quán đang đọc thơ, tám còn lại đang hút điếu cày. Trong ảnh Phùng Quán già hơn tuổi thật nhiều. Ông thua Hoàng Cầm, Văn Cao cả chục tuổi, thế mà trong ảnh ông có vẻ già hơn Văn Cao, hơn Hoàng Cầm.

Kỳ Hùng cho tôi biết khi anh gặp Phùng Quán thì cái bụng của ông đã to chướng lên. Với những người bị bệnh xơ gan cổ chướng như Phùng Quán, mà bụng bắt đầu to là bắt đầu có chuyện. Thế nhưng ông trấn áp những cơn tàn phá thể xác bằng một vẻ thản nhiên như không có gì. Ông vẫn cười nói tự nhiên, vẫn rượu, bia, thuốc Lào, thuốc lá. Vẫn thức khuya, chong đôi mắt nhìn thấu bóng đêm, ngấm bóng mình trên vách. Tất nhiên ông hiểu bệnh trạng ông hơn ai hết, nên ông an nhiên chờ. Ông đã sống đời một người lính bảo vệ tổ quốc. Ông đã sống đời một nhà thơ, viết những bài thơ hết như bản tuyên ngôn của những người cầm bút chống lại bạo quyền. Ông đã sống đời một nhà văn, dùng ngòi bút mình chắm vào Sự Thật, và chấp nhận bất cứ một hậu quả nào. Sống tới ba con người trong một thể xác như thế, mà kéo dài sự góp mặt với đời sống, dưới một chế độ cai trị lạnh lùng, khắc nghiệt của miền Bắc được hơn 60 năm, thì quả là một kỳ lục. Mà lạ một điều, những con người phải đối phó với nhiều nghịch cảnh như ông thì lại hay sống dai. Cho tới nay những ngôi sao Nhân Văn còn nhiều. Trần Dần, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Văn Cao... vẫn còn là những chứng nhân cho một giai đoạn khốc liệt của lịch sử Việt Nam cận đại. Phùng Quán là tay xung kích trẻ tuổi nhất của toàn nhóm Nhân Văn. Ông vội về làm chi, trong khi các nhà văn lớn tuổi hơn ông, ngoài 70, thân thể chỉ còn da với xương, nhưng đứng thật thẳng trên đôi chân, và cái cổ tuy có khểnh khiu nhưng không bao giờ chịu gục xuống.

Ông vội về làm chi, dường trần vẫn còn nhiều điều cần nói. Vẫn theo bài viết của Văn Xương: Ông đã phát thệ ba điều, ông làm được cả ba điều. Nhà văn Việt Nam như thế là nhất, bởi vì ba điều đó thuộc về danh dự của người cầm bút. Thế là ông không còn nợ đời, mà chỉ với một bài thơ *Lời mẹ dặn* không mà thôi, đời cũng đã nợ ông nhiều lắm. Sao không sống thêm ít năm, xem chừng ra bánh xe lịch sử đang quay, đời sắp trả nợ ông thì ông lại cho đời một cơ hội quyết. Ông đâu có giàu có gì, nhưng xem chừng vẫn hào phóng như tay lính trẻ trinh sát ngày nào. Đám tang ông diễn ra tại Hà Nội, mặc dù ông viết thơ cho một người bạn vẫn ở ngoài này là ông muốn được chôn trong mùi thơm của thông Ngự Bình. Theo một nguồn tin tôi đọc được, đám tang ông có 500 người đưa tiễn, một nguồn tin khác cho biết có tới 2000 người. Số người đi đưa như thế nhiều hay ít đối với một nhà văn, nhà thơ có ơn với đời? Tôi không nghĩ Phùng Quán coi điều này là quan trọng. Điều quan trọng với ông chính là ông đã Sống và Chết như thế nào? Và đó cũng là điều những người quan tâm đến văn học trong thời cận đại phải biết: Ông đã sống như một “Nhà văn – Nhà thơ”, và ông đã chết như một “Con Người”.

Trong đám tang ông, người đọc điếu văn hẳn là Hoàng Cầm, chứ còn ai vào đây nữa, bởi vì gần đây khi Hoàng Cầm suy sụp, chính Phùng Quán là một trong những người muốn vực Hoàng Cầm dậy. Phùng Quán đã làm một bài thơ để đẩy lui những mầm suy tàn trong con người Hoàng Cầm, để uơm lại mạch thơ cho bạn và cho chính ông. Ông cũng vẫn là một tiên tri cho cái chết của ông: đằng sau quan tài của ông, không phải chỉ có thân nhân và bằng hữu. Còn có cả những người ông không biết mặt quen tên. Ấy là không kể tới những người xa cách ngàn trùng, muốn về đưa tiễn ông đến nơi an nghỉ cuối cùng nhưng hoàn cảnh chính trị không cho phép. Tôi tin chắc đằng sau quan tài ông, có một chút nhỏ phần hồn của núi sông, của Đảo Côn Sơn, suối Linh Nham, sông

Hương, núi Ngự, hay của những cái hồ mà ông câu trộm cá trong những năm khốn đốn nhất trong cuộc đời. Tôi xin chép lại đây bài thơ của Phùng Quán tặng Hoàng Cầm để chấm dứt bài viết sự ra đi của ông. Để hiểu rằng tại sao người đọc điều văn trước mộ Phùng Quán phải là Hoàng Cầm, và bên cạnh đó phải là những ngôi sao đã tạo nên vòm trời Nhân Văn ngày nào.

### **Thơ Phùng Quán tặng thi sĩ Hoàng Cầm**

*Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin:  
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp  
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết:  
Cách đây 30 năm  
Những vần thơ lẫm liệt!*

.....  
*Tôi có một niềm tin,  
Chắc như đanh đóng cột.  
Ngày mai anh nhắm mắt,  
Đi sau linh cữu anh,  
Ngoài bạn hữu gia đình,  
Có cả con sông Đuống.  
Sông Đuống sẽ mặc đại tang,  
Khóc bên bồi bên lở,  
Sóng cuộn bờ nước nở,  
Ngàn đời chịu tang anh.  
Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin  
Một nhà thơ như anh  
Lại ngã lòng suy sụp.*

Việc Phùng Quán tin vào con sông Đuống sẽ khóc Hoàng Cầm bên lở bên bồi còn có thể hồ nghi, nhưng tôi tin khi nào còn những bà mẹ yêu thơ, dặn dò, dạy dỗ con cái thì ngày đó vẫn còn có người nhớ tới Phùng Quán, người đã làm bài thơ *Lời mẹ dặn*, và đem tặng những vần thơ này cho đời.

*(Viết ngay khi nghe tin Phùng Quán mất ở Hà Nội)*

### **Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chi Tuông Năng Tiên**

*Trăng qua song sắt  
Trăng thăm ngục  
Bỗng ta chợt tỉnh – sững sờ  
Trên vai áo tù  
Trăng vá lụa  
Ngày xưa ơi!*

*Xa mãi đến bao giờ...*

(Trăng Ngục – Phùng Cung)

Những người không uống rượu thường (hơi) nhạt nhẽo. Tôi ít khi giao du với họ. Ông Nguyễn Mộng Giác là một người như thế. Bởi thế, trong suốt thời gian ông ấy còn sống độc thân (tại chỗ) chúng tôi chỉ ngồi lâu được với nhau – đàm thắm và tương đắc – chỉ độ mười lần.

Có lần, ông Giác có tâm sự chi buồn, và (chắc) buồn ghê lắm. Thoáng thấy tôi, đương sự mừng ra mặt, lật đặt lòi đầu ra một chai rượu bự, và hào sảng rót ngay ra hai ly đầy ắp.

Sau vài lần cạ ly đầy (rồi đầy ly cạ) thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác (bỗng) biến thành một... nhà thơ. Ông cao giọng đọc thơ Phùng Quán:

*Thơ ai như thơ ông*

*Mỗi chữ đều như róc*

*Từ xương thịt cuộc đời*

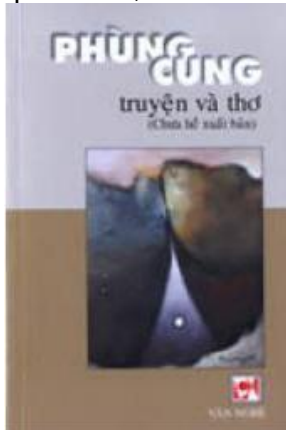
*Từ bi thương phần uất ...*

Rồi trầm giọng bình thơ Khoa Hữu:

“Thơ không còn là món trang điểm đua tranh sức chói lọi nơi cung đình. Thơ không còn là món dưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xòe trước đám đông và che dấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng... Thơ là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” (\*)

Coi: mới hết có nửa chai mà thằng chả đã “xỉn” hết biết luôn! Thay vì nói rằng “tiền là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” thì ông Nguyễn Mộng Giác nói lộn thành “thơ”. Ở đâu mà ra cái thứ thơ văn bánh bao và ngon lành (quá cỡ) như vậy, cha nội?

Tôi cũng thường xuyên uống quá chén, và nói quá lời như thế, nên chả bao giờ bận tâm đến những câu phát ngôn (ấu tả) theo kiểu đó. Tưởng đâu là nghe qua rồi bỏ, và sẽ quên luôn, như thường lệ. Tưởng vậy mà không phải vậy.



Hôm rồi, từ Canada, chị Lâm Thu Vân ghé qua California và có cho tôi tập Truyện Và Thơ của Phùng Cung (\*\*). Tôi đọc gần hết đêm, rồi thức luôn tới sáng chỉ vì (chợt) nhớ lại những câu thơ mà Nguyễn Mộng Giác đã lớn tiếng ngâm nga mấy năm về trước:

*Thơ ai như thơ ông*

*Mỗi chữ đều như róc*

*Từ xương thịt cuộc đời*

*Từ bi thương phần uất ...*

Bữa rượu hôm ấy, không chừng (dám) tôi say chớ không phải là ông Giác. Nhận là mình uống say, hay viết dở, là điều (hơi) khó đối với rất nhiều người – trong số đó có tôi. Dù vậy, xem xong thơ Phùng Cung tôi không chối được rằng:

*Sứ mệnh thơ ơi*

*Trong sáng tuyệt vời!*

Thơ quả đã giúp cho Phùng Cung sống sót, sau những năm dài tù ngục, và là chỗ dựa cho những người thất thế (như ông) đứng lên làm lại cuộc đời.

Và cuộc đời te tua, tả tơi, bầm dập của Phùng Cung cũng khiến tôi thốt nhớ đến những người cầm viết khác – cùng thời với ông – những kẻ đã dựa vào thơ văn chỉ để kiếm chút công danh, hay bổng lộc.

Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi, sở dĩ ông Trần Thanh Mai được mời về làm cột trụ ở Viện Văn Học là nhờ vào công lao chống... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Tuy nhiên, trong cuốn Trần Thanh Mai Toàn Tập (Văn Học xuất bản năm 2004) người ta đã không thấy có in lại những bài viết đấu tranh quyết liệt và nẩy lửa này.

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã nhắc đến sự “thiếu sót” đó với (đôi chút) mỉa mai:

*“... toàn tập chỉ là những gì còn ‘ăn khách’ được với hôm nay? Còn những ‘miếng xấu hổ’ ‘khắc chẳng ra nuốt chẳng vào’ thì thôi, đành theo ý ai đấy giấu nhem đi để người ta quên đi một thời người cầm bút phải thoá mạ nhau tui bụi ‘cho vừa lòng bề trên’ ... Có lẽ như thế cũng là cách xử sự hữu lý chăng?”*

Giời ạ! Tưởng sao chứ như thế thì có gì đâu là lạ. Trước đó 20 năm, năm 1984, người ta cũng đã chứng kiến cách “xử sự cho vừa lòng bề trên” (gần như thế) trong Tuyển Tập Xuân Diệu:

*“Nếu khi khai sinh, nhiều bài thơ của ông có lời đề tặng ở bên cạnh như Đi thuyền tặng Khái Hưng, Đây mùa thu tới tặng Nhất Linh, Vô biên tặng Hoàng Đạo thì trong công trình mà ông đích thân tham gia chuẩn bị là Tuyển tập Xuân Diệu ở trên vừa nói, những giấy mờ rế má đó được ông xoá sạch.”*

*“Sợ liên lụy vì những người bạn cũ, trong các tài liệu chính thức, chẳng hạn, tiểu sử bản thân, đề ở đầu Tuyển tập Xuân Diệu (mà đọc kỹ thấy đúng giọng ông, tức do ông tự tay viết ra) nhà thơ giấu biệt chuyện mình đã từng là một thành viên của Tự lực”*

*“Và có lẽ chịu sự chi phối của ông – những lời năn nỉ thiết tha – nên các tài liệu nghiên cứu về ông, các giáo trình đại học viết về văn học trước 1945, hoặc trong Từ điển văn học in ra năm 1984, chuyện này cũng được lờ đi hoàn toàn.”*

*“Đúng là Xuân Diệu chưa kịp viết hồi ký. Nhưng giá có viết nữa, thì chắc ông không định viết tiểu sử như ông có thực, mà sẽ chỉ viết tiểu sử của ông như nó nên có, như ông bạn đọc biết”. (Vương Trí Nhàn, Cây Bút Đòi Người, Phương Nam Corp., 2002, 319 -320).*

Xuân Diệu đã không có dịp “đeo gọt đời mình cho vừa với lịch sử” nhưng Tố Hữu thì có. Cuối đời, ông ấy đã cố “đeo” mình theo hình ảnh ... Bụt! Những lời tâm sự của Tố Hữu – trước khi nhắm mắt – nghe (rất) đôn hậu, thiết tha và (vô cùng) thương cảm:

- *Tôi đặc biệt cảm ơn nghệ sĩ Hoàng Cầm về những lời phê bình sắc sảo, chính xác và chân thành của anh bốn mươi năm trước đây đối với thơ tôi.*

- *Tôi khâm phục tài năng và ý chí của nghệ sĩ Đặng Đình Hưng. Đối với tôi, cuộc đời anh Hưng là một bài giảng cao cấp về niềm tin ở sự thật.*

- *Trần Đức Thảo là một mẫu mực của lòng say mê nghiên cứu và sáng tạo vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực triết học. Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường đã góp phần khẳng định được vị trí tiên phong của đội ngũ trí thức cách mạng kiệt xuất và hùng mạnh ...*

- *Văn Cao là một trong những nhạc sĩ lớn nhất...*

- *Quang Dũng là một trong những cánh chim đầu đàn của nền thơ cách mạng Việt Nam thế kỉ 20.*

- *Sau Quang Dũng và Hoàng Cầm, Trần Dần cũng là cây bút hạng nặng...*

- Ngoài ra, phải kể đến Hữu Loan, Lê Đạt và Phùng Quán, ba nhà thơ ba vẻ khác nhau nhưng cùng sâu sắc, nóng bỏng tính chiến đấu không kém phần lãng mạn.

- Nhà văn Phùng Cung cũng cần phải được minh oan cùng với truyện ngắn Con ngựa già của chúa Trịnh. Cần lắm. Con ngựa già của chúa Trịnh chỉ là con ngựa già của chúa Trịnh mà thôi, không có ẩn ý gì xấu như bốn mươi năm trước đây một số người làm tưởng...

(Nhật Hoa Khanh, Gặp Tố Hữu Tại Biệt Thự 76 Phan Đình Phùng, 2004, không ghi nhà xuất bản)

Mô Phạt! Cuối cùng Tố Hữu đã buông đao, sau khi đã làm cho vô số cuộc đời bị “rạn vỡ, bị ruồng bỏ và bị lưu đầy” – nếu nói theo lời Phùng Quán. Và đó chỉ là những chuyện nhỏ, những hiện tượng lẻ tẻ và cá biệt của văn học thời “cách mạng.”

Ở bình diện tập thể, còn nhiều vụ đáng ngại hơn nhiều. Xin đơn cử một thí dụ:

“Trong cuốn *Lịch Sử Và Văn Hoá Việt Nam, Những gương Mặt Trí Thức, tập Một, do Dương Trung Quốc, Nguyễn Quang Ân và Tạ Ngọc Liễn sưu tầm và biên tập, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin Hà Nội xuất bản năm 1998, các soạn giả đã chọn ra 71 nhân vật mà họ vinh danh là những trí thức Việt Nam tiêu biểu trải qua 770 năm lịch sử, với 9 thời đại và thời kỳ (Trần, Hồ, Lê, Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn, Nguyễn, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa V.N.)*”.

“Nhưng nhìn vào danh sách là chúng ta thấy ngay sự ăn gian của những người làm sách: trong suốt 720 năm (1225 – 1945) họ chỉ chấm có 38 nhân vật tức 53 %. Đó là Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh, Hồ Nguyên Trừng, Nguyễn Trãi, Triệu Thái, Lê Thánh Tông, Lê Sĩ Liên, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lê Hữu Trác, Nguyễn Thiếp, Lê Quý Đôn, Lê Thị Sĩ, Ngô Thi Nhậm, P Huy Ích, Trần Văn Kỳ, Võ Trường Toản, Phan Huy Chú, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Thuật Duật, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Quang Bích, Lương Văn Can, Nguyễn Phạm Tuân, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn An Ninh, và Phạm Tuấn Tài.”

“Trong 50 năm sau cùng (1945 – 1995), họ đưa ra một số lượng khổng lồ là 33 người, tức 47 %. Trong số 33 tên, chỉ trừ giáo sư Hoàng Xuân Hãn sống ở Pháp, còn lại 32 tên không ai khác hơn là những đảng viên cao cấp của Đảng Cộng Sản Việt Nam và những người phục vụ chế độ cộng sản. Đó là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát ...” (Trần Anh Tuấn, “Khi Chính Trị Chi Phối Văn Hoá,” Khởi Hành Aug. 1999).

Theo truyền thống, những người độc quyền lãnh đạo cũng sẽ là những kẻ độc quyền đi vào lịch sử. Truyền thống này được giữ vững suốt từ thời phong kiến đến... nay, ở Việt Nam. Nó chỉ chấm dứt khi bắt đầu có hiện tượng viết... chui. Phùng Cung là một trong những người làm thơ chui như thế.

Khi cổ “đẻo gọt” đòi mình cho thành một “thi sĩ bỏ tát” (chắc chắn) Tố Hữu đã không biết rằng chân dung, cũng như chân tướng, của ông đã được “tạc” xong – vào năm 1972, tại trại biệt giam Bảo Thắng, Lào Cai – bởi Phùng Cung:

*Tội nghiệp nhà thơ!*

*Bơ vơ một nẻo*

*Hết móc ruột moi gan*

*Lại réo tên chỉ mặt*

*Bởi không biết sống*

*Nên không biết chết*

*Nửa thế kỷ*

*Bị lưu đầy*

*Trong cõi tung hô.*

Tương tự, khi quý vị lãnh đạo đảng CSVN chen lấn để đi quá giang (cho bằng được) vào lịch sử – có lẽ – không ai ngờ rằng nhân cách và trình độ trí thức của họ cũng đã được Phùng Cung ghi nhận từ lâu, trước đó:

*Đất nước tôi  
Triền miên bất hạnh  
Tụi mặt dày – tay bẩn  
Tim rắn – lời cừu  
Văn hoá lớp hai  
Điều hành cuộc sống*

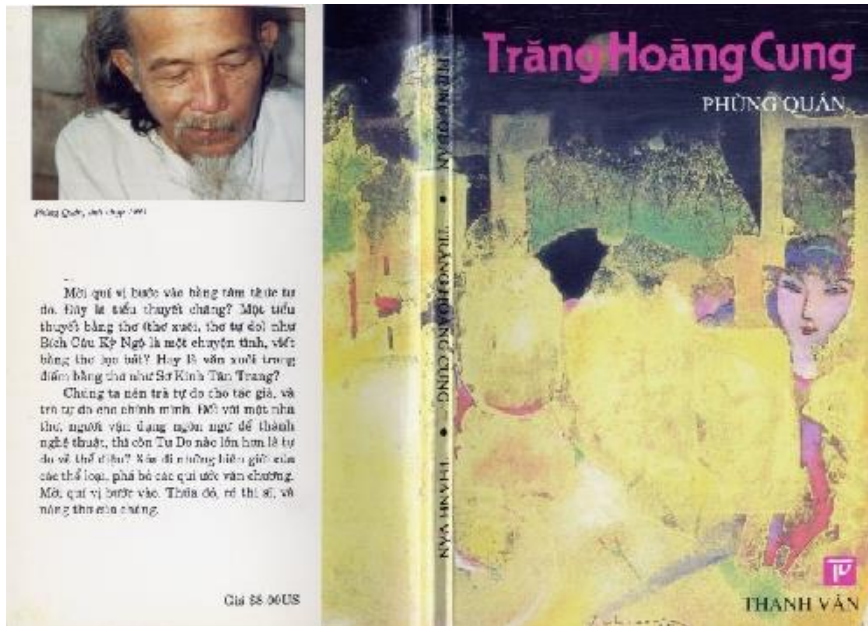
Đám “văn hoá lớp hai” này (chắc) “chưa bao giờ nhìn kỹ vào những nấm mồ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng... Bởi vì bất kỳ ai trò chuyện với các nấm mồ, đối thoại với các vì sao đều sẽ tốt hơn, nâng cao được nhân bản, giảm đi sự tàn ác, bất công với đồng loại. Họ đều sẽ hiểu cái phù du, cái vô nghĩa lý của kiếp người” [Bùi Ngọc Tấn, *Chuyện Kể Năm 2000* (Toronto: Thời Mới, 2000), 279].

Phùng Cung cũng đã nhiều lần ngược nhìn như thế, với nỗi băn khoăn tương tự:

*Tôi đứng trong đêm  
Ngừng đầu nhìn cao xa  
Vọng hỏi  
Có phải nước mắt con người  
Đằm đằm dội xuống  
Mà trên thiên cầu*

*Bao vì sao xao xuyên đổi ngôi.*

Tôi (trộm) nghĩ thêm rằng nếu chợt có lúc “nhìn kỹ vào những nấm mồ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng” thì “tụi mặt dày tay bẩn” (rất có thể) cũng sẽ thôi làm những chuyện lố lăng, kịch cỡm – như đổ gọt đời mình, hay cố chen chân (cho lọt) vào lịch sử.





## Phùng Quán trong tôi Hoàng Vũ Thuật

### 1. Gặp gỡ



Tôi chơi thân với Hải Bằng từ cuối năm 1966, lúc Hội Văn Nghệ và Ty Văn hoá còn sơ tán lên làng Phú Vinh. Qua Hải Bằng tôi được biết rất nhiều về cuộc đời và con người Phùng Quán. Trước đó những năm đầu 60 tôi đã đọc cuốn *Bọn Nhân văn-Giai phẩm trước toà án dư luận* cùng rất nhiều bài viết khác, thông qua Hà Nhật thầy giáo dạy văn và một số học sinh cấp 3 Quảng Bình cho mượn. Chưa gặp nhưng tôi đã trọng, vì đó là con người khác người. Chữ “người” thời ấy gần như cùng chung mẫu số. Ai cũng như ai, khó mà bộc lộ cá tính trước đám đông.

Cuối năm 1973 tôi theo học Trường Bồi dưỡng những Người viết văn Trẻ ở Quảng Bá. Thật may mắn. Tôi nói với Hải Bằng, em học ở Hà Nội, có dịp anh ra chơi để được gặp anh Phùng Quán. Hải Bằng chưa ra, Phùng Quán đã lên Quảng Bá thăm chúng tôi, hỏi thăm Hải Bằng và tình hình Quảng Bình. Hồi đó một lời nói trực tiếp sốt nóng hơn thư từ. Thư gửi đi có lúc sáu, bảy tháng mới nhận được. Phùng Quán đèo tôi về nhà mẹ nuôi. Một căn nhà lá nền đất, nằm sau lưng đình Nghi Tâm bên Hồ Tây. Ông tự ghép lầy chiếc ghế bằng cành ổi, ngồi lâu ngày đôi tay vịn nhẵn bóng. Bà cụ Hai Dơi suốt ngày gánh hàng lật vật lên đê Yên Phụ bán cho người qua đường. Ông vội vã nấu cơm tiếp tôi, rồi ra đường đỡ gánh cho bà cụ vừa về. Đêm ấy, lần đầu tiên tôi được gặp *con người-Nhân-văn* bằng xương bằng thịt. Ông mặc một thứ vải thô nhuộm nâu, chân guốc mộc. Tại nơi đó, cũng lần đầu tiên tôi được nghe nhiều bài thơ ông. Tôi không sao quên được cái giọng đọc pha ngâm, trầm và ấm: *Hồ khuya sương tịch mịch/ Trộn nước lẫn cùng trời/ Con đế chân bờ dậu/ Nỉ non hoài không thôi.../ Tựa lưng ghế cành ổi/ Vai khoác áo bông sòn/ Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ/ Vợ vừa nghe vừa đan*. Ba mươi năm ly quê, cho tận mãi sau này cái giọng vẫn thế, vẫn Huế mà rất Phùng Quán. Rồi ông im lặng, không khóc, nhưng tôi biết ông đang xe xót chìm trong mờ ảo khói thuốc缭绕 rít sau mỗi bài thơ.

Không sai lời hẹn, Hải Bằng ra Hà Nội. Sau bao năm xa kể từ ngày ông vác ba lô về làng Cảnh Dương, rồi làm phát hành sách cho ty Văn hoá. Đến nơi, Hải Bằng giục tôi đèo xe tìm Phùng Quán. Ánh điện nhập nhoà, đường về bà mẹ nuôi đất đá gồ ghề, chúng tôi phải xuống xe đi bộ. “*Anh đi từ sáng đến giờ chưa về, giờ không về là ở lại rồi*” – Bà cụ Hai Dơi nói vậy. Chúng tôi đến 3-Hàng Cân, nhà chị Bội Trâm, vợ Phùng Quán đang ở. Đường phố vắng hoe, Hải Bằng cứ đứng giữa lòng đường gọi hết cỡ: “*Quán ơi*”.

*Quán ơi. Quán ơi!..* Không có tiếng đáp lại. Hải Bằng sốt ruột: *“Phùng Quán ơi! Phùng Quán ơi!..”*. Tôi hiểu vì sao Phùng Quán chưa trả lời. Những năm đó những bài viết đánh *Nhân văn* chỉ còn lác đác, vì tất cả dồn sức vào cuộc chiến. Nhưng không vì thế mà cuộc đấu tranh chống *Nhân văn* đã kết thúc. Một tiếng gọi có thể thân thiết, cũng có thể vận hạn. Hơn nữa Phùng Quán không muốn trong đêm thanh vắng lại oang oang hai tiếng Phùng Quán, gắn với vụ án văn chương. Từ gác hai, Phùng Quán mở cửa nhìn xuống, hốt hái: *“Tôn à. Nhỏ thôi, nói nhỏ thôi, ra khi mô rứa?”* (Tôn tức là Vĩnh Tôn, tên chính của Hải Bằng). Đã lâu quay quắt nhớ, quay quắt gặp, nhưng Hải Bằng vẫn xẵng: *“Mi hỏi tao ra khi mô là rặng? Tao ra là đến mi liền, chứ còn đi mô nữa?”*. Hai người ôm lấy nhau. Hải Bằng khóc hu hu như trẻ nhỏ. Chúng tôi kéo nhau đi ăn, dốc hết tâm sự tới sáng.

## 2. Những đêm ngủ



Phùng Quán có tới ba nơi ở, Nghi Tâm, 3-Hàng Cân và Lê Văn Hưu. Mùa đông tôi thường xuống Nghi Tâm ngủ lại. Có khi Phùng Quán nấu thêm cơm rồi hẹn xuống, có khi nạo cơm cháy qua loa, rồi chuyện trò. Những bài thơ tôi viết hồi đó ông đọc hết và còn góp ý để tôi sửa lại.

Tôn Ái Nhân, Trần Anh Trang ở cùng phòng, thường bảo tôi là đùa ham chơi, ít khi ở nhà trọn một ngày. Tôi nói có việc mình mới đi. Có người gặp tôi đi theo Phùng Quán, nhắc nhở, lãnh đạo biết đấy. Tôi kệ. Gặp được *con-người-khác-người* này là quý hoá, là may mắn cho mình.

Một buổi chiều tôi vừa bước vô nhà đã gặp người khách lạ. Chưa kịp chào, anh ấy đã tự giới thiệu:

*“Mình là Tuân Nguyễn. Mình nghe nói về Hoàng Vũ Thuật từ Quảng Bình ra, đang chờ cậu tới đây”.*

*“Cám ơn, chắc chắn anh Quán kể chứ gì”.*

Tuân Nguyễn vừa ở tù ra sau gần chín năm bị giam vô cớ. Không bản án, không luận tội. Anh bị bắt cũng như được thả, đều mù mờ. Tuân Nguyễn làm ở Đài Tiếng nói Việt Nam, đẹp trai, dong dỏng cao, đeo kính trắng. Phùng Quán nói với tôi, Tuân Nguyễn sẽ tá túc vài ngày, nhờ bạn cho chiếc xe đạp đi lại. *“Tĩnh dưỡng”* cho khoẻ rồi Tuân Nguyễn sẽ tìm cách dịch thuê mà sống. *Tĩnh dưỡng* là nói vậy chứ vợ chồng Tuân Nguyễn chỉ ăn cơm với rau muống luộc, chấm nước mắm hết ngày này qua ngày khác. Đêm lạnh, tôi được nằm giữa. Ba người đắp chung cái chăn bông sờn. Khi Phùng Quán kéo thì

Tuân Nguyễn huyệt, khi Tuân Nguyễn kéo thì Phùng Quán huyệt. Chỉ có tôi là được ấm. Tôi bảo, đổi chỗ em nằm ngoài cho. Tuân Nguyễn ôm lấy người tôi: “*Chín năm anh quen cái lạnh rồi. Em ngủ đi mai còn về trường, khéo mà ngủ gục*”. Phùng Quán ho lốc khốc. Bà Hai Dơi nói vọng: “*Không biết đến bao giờ mới hết lạnh*”.

Tết tôi về Quảng Bình. Tuân Nguyễn gửi thư cho người bà con tập kết đang làm cán bộ có chức vụ trên huyện, gia đình sinh sống gần làng tôi. Anh dặn khi nào ra cậu ghé lại hỏi thăm, có gì gửi không. Tôi ghé nhà, trước lúc ra Hà Nội, người bà con không gửi gì, kể cả thư tay, chỉ nói: “*Cậu ấy làm cậu ấy chịu*”. Tuân Nguyễn cùng Phùng Quán nghe thuật chuyện. Phùng Quán nói, nằm trong tù chẳng ngán, chuyện vặt.

Nhiều lần đến Nghi Tàm không gặp, tôi lên 80 Lê Văn Hưu (hồi đó là nhà khách Bộ Văn hoá). Phùng Quán được bố trí ở trong buồng một toilet không dùng nữa. Ông phủ lên mặt toilet cái thùng gỗ làm chỗ viết. Mùa đông lót báo dưới, trải chiếu lên trên. Nhiều khi ông và tôi không nói gì. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ hoặc công việc gì đó. Ông thường hài hước: “*Ở thế này là sang lắm rồi, tầng hai hẳn hơn*”. Còn tôi thì thương cho cái kiếp lao đao của nhà thơ có đến ba nơi ở mà chỉ là nơi tạm trú mà thôi. Sáng dậy, chúng tôi ra chợ Đồng Xuân ăn bún thang. Thứ bún thêm vào thìa ruốc nêm, ông rất thích. Về tới trường, lại có người nhắc nhở đừng chơi với Phùng Quán, người ta theo dõi đấy. Tôi không để ý tới câu nói, vì mình có làm việc gì đâu. Chính nhờ Phùng Quán tôi mới gặp Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Cung và một số người khác. Phùng Cung chép đề tặng tôi bài thơ, có câu: “*Ngọn đèn toả sáng nước da dưa*”. Một ngọn đèn hiu hắt màu da dưa chỉ đủ soi cho trang giấy. Đêm đêm được Phùng Quán kêu lên, ngồi hút thuốc Lào, bóng mờ in lên vách, bên Hồ Tây để viết “*Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe*”.

#### **4. Phùng Quán đọc thơ ở Huế, in thơ ở Đà Nẵng**

Tôi đang dẫn chương trình Đêm thơ tại 26-Lê Lợi, do Phân hội Văn học tổ chức. Vinh Nguyễn nói nhỏ vào tai: “*Anh Phùng Quán và chị Hương Quân ở Hà Nội vừa vào*”. Tôi ra cửa đón ông và chị, đồng thời giới thiệu với Nguyễn Khoa Điềm. Anh Điềm bắt tay thăm hỏi, nhắc tôi giới thiệu Phùng Quán đọc thơ nữa nhé. Sau vài lời phi lộ, Phùng Quán chấp tay như cúng lễ đọc ngay bài thơ “*Tạ*”:

*Ngày ra trận*

*Tóc tôi còn để chòm*

*Nay trở về*

*Đầu đã hoa râu*

*Sau cuộc trường chinh ba mươi năm*

*Quỳ rạp trán xuống đất làng*

*Con tạ...*

Rồi ông quỳ rạp thật. Ông đứng lên trong tiếng vỗ tay không ngớt. Đêm thơ lắng lại để nghe Phùng Quán đọc tiếp những bài thơ khác. Nếu tôi không nhầm, năm 1986, đêm đầu tiên trở về quê hương, sau bao năm xa cách và lần đầu tiên ông đọc thơ tại nơi chôn rau cắt rốn của ông. Mặc dù bài *Tạ* được ông viết từ 1975. Những ngày sau đó

ông trở thành khách quý của những người ngưỡng mộ ông. Đám trẻ tuổi chúng tôi thường theo ông để được “ăn theo”, “uống theo” “nói theo” cho có bạn.

Một năm sau, Phùng Quán vẫn chưa về nhà. Hương Quân đã ra Hà Nội. Ông nói với tôi, khi đi anh nói với chị ra phố mua bao thuốc lá. May mà bấy giờ đã có điện thoại liên lạc, không thì đã phải báo mất tích từ lâu.

Phùng Quán vào Đà Nẵng. Ông đọc thơ tại Nhà hát Thành phố, ở huyện Điện Bàn và nhiều nơi khác. Trở lại Huế, ông cầm xấp báo *Đà Nẵng chủ nhật*, ra ngày 15/2/87, đăng “Trường ca cây cà”, ký tặng bạn bè. Tôi được một tờ. Đầu chương một, ông viết: “*Ba mươi năm trước/ Tôi chết giữa Hồng Hà sóng dữ/ Tôi lại hồi sinh giữa xanh thẳm Hàn Giang/ Chính cây cà quê mùa lao碌/ Đã dạy tôi dũng khí bền gan*”. Đó là bài thơ đầu tiên ông in tên thật của mình, mãi sau tạp chí *Sông Hương* mới tiếp tục đăng những bài khác.

### **5. Kiểm điểm vì Phùng Quán**

Chia tình, tôi về lại Quảng Bình làm Tổng thư ký (Chủ tịch Hội bấy giờ). Gần hai năm sau, đầu tháng 4/1991, Phùng Quán từ Hà Nội vào thăm chúng tôi. Mừng lắm, không ngờ lại được gặp ông sau ngày chia tình. Tôi hội ý với Ban Thư ký rồi lên kế hoạch, đồng thời đi cùng ông trên chiếc xe la đa cũ, tài sản lớn nhất được chia ra từ Hội Bình Trị Thiên.

Chiều 12/4 chúng tôi đến Hoàn Lão. Ông Lê Chiêu Năm– Bí thư Huyện uỷ Bố Trạch và anh Thoan - Trưởng Ban Tuyên giáo niềm nở đón tiếp chúng tôi. Anh Thoan dẫn chúng tôi về giao lưu với Trường Bồi dưỡng Giáo viên của huyện. Sau buổi tiếp xúc ấy, trường phổ thông trung học số 1 đăng ký mời Phùng Quán nói chuyện thơ. Hôm sau trên đường về anh Thoan tìm gặp xin chuyển địa điểm về nhà Văn hoá Trung tâm để bà con thị trấn được nghe nữa. Cuộc nói chuyện không thành. Họ ghi điện thoại cho tôi xin hoãn. Tôi hỏi, vậy thì bao giờ có thể tổ chức? Họ trả lời không biết nữa.

Thế nhưng Phùng Quán vẫn tiếp tục được mời nói chuyện ở trường phổ thông trung học Đào Duy Từ và trường cấp 2 Đồng Mỹ. Người nghe đứng chật ra tận hành lang. Anh Lại Minh Thương, bạn tôi, học sinh cũ của trường cấp 3 Quảng Bình, là đội trưởng Hợp tác xã đánh cá Hồng Mỹ, Bảo Ninh nghe tin, mời Phùng Quán và tôi sang nhà thiết đãi, nghỉ lại đọc thơ cho xóm giềng. Tôi sung sướng và cảm động. Đâu đâu người ta đều ngưỡng vọng nhà thơ, muốn được nghe thơ, được nhìn rõ con - người - nhà - thơ như thế nào. Đó là dấu hiệu văn hoá lành mạnh. Ông nói chuyện say sưa, đọc thơ say sưa, hồn nhiên như người “cắm khâu” lâu ngày bỗng nhiên bật lên tiếng nói. Không lần nào giống lần nào, con người ấy có sức cảm hoá đến kỳ lạ. Vẫn cái giọng trầm và ấm, cái giọng trải qua nhiều cay đắng nghiệt ngã, kiên gan trước cuộc đời ba động, đã đúc nên thứ âm thanh như có thần phép kia.

Nhưng tất cả những cuộc đi đâu về đâu đều có người theo dõi. Chúng tôi đi là họ đến. Họ cảm không được tổ chức gặp gỡ, đọc thơ hay nói chuyện gì nữa. Phùng Quán là *Nhân văn*.

Những ngày lưu lại nhà tôi đã thành một sự kiện.

Tôi nhớ sáng nào vợ tôi cũng dọn sẵn trên bàn một chén cà sồng, bát ruốc, góc chai rượu ngon. Khi thì đĩa bánh cuốn, khi thì cháo trắng. Những thứ hợp khẩu với ông. Tôi cụng với ông một ly, nhăm nháp qua loa để đến cơ quan kịp giờ làm việc. Ông ngồi bên

chai rượu cho tới khi tôi về để còn đi thăm những người quen biết.

Thế rồi đột ngột tỉnh giao tôi nhiệm vụ thắp tùng đoàn của Bộ Văn hoá lên hai huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá. Ông rất muốn theo tôi. Khi hỏi đi cùng ai, ông bảo, mình trở thành kẻ bị săn đuổi tới nơi rồi. Thôi đi đi, mình không đi nữa. Tôi bàn với ông lên nhà Hải Kỳ, ở chơi vài ngày đợi tôi về. Ông ừ. Sau này được Hải Kỳ kể lại, ông và Hải Kỳ vừa ra khỏi nhà, lập tức công an vào hỏi. Vợ Hải Kỳ khôn khéo đem giấu cái bị cớ của Phùng Quán ra sau bàn thờ, không thì họ lấy cũng nên.

Quả như vậy, khi tôi về đã thấy giấy mời lên làm việc với Thường vụ Tỉnh uỷ. Người trực tiếp gặp tôi là phó bí thư thường trực cùng một số người nữa. Ngồi vào bàn ông nói ngay: *“Anh là cán bộ lãnh đạo Hội. Phùng Quán là ai, anh biết rồi đấy. Gần nửa tháng qua anh đưa anh ta đi đâu, gặp gỡ ai, nói chuyện gì”*. Tôi trả lời ngay không cần nghĩ ngợi: *“Phùng Quán là nhà văn thế hệ chống Pháp. Năm 1988 anh đã được phục hồi hội viên. Anh công tác ở cơ quan văn phòng Bộ Văn hoá, đã từng in...”* Chưa dứt lời ông cắt ngang với hai hàm răng rít chặt: *“Không nói nhiều, anh về viết bản kiểm điểm gửi cho chúng tôi. Cần nhớ rằng anh thuộc diện cán bộ chúng tôi quản lý...”*. Tôi không đáp lại nữa. Ra về mà lòng cứ ảm ức. Chẳng lẽ thế? Chẳng lẽ người ta vẫn còn kỳ thị, nghi ngờ đến thế? Phùng Quán đã xuất hiện ở Huế, lúc ông làm Phó Giám đốc Công an cơ mà. Ông không biết Phùng Quán đã đọc thơ và nói chuyện nhiều nơi, đã in trên báo *Đà Nẵng* và tạp chí *Sông Hương* hay sao. Và lại, hồi năm 81, 82 khác. Năm 86, 87 đất nước đã đổi mới, văn nghệ được cởi trói. Giờ đã là 91. Ông định làm gì nữa đây?

Tôi về nhà viết bản kiểm điểm gửi cho bốn tổ chức, Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng Đoàn Văn nghệ, Ban Thư ký, Chi bộ Cơ quan Hội. Những dòng tôi trích dưới đây y nguyên trong bản đánh máy trên mặt giấy phơi luya màu thâm hồi đó. Tất nhiên tôi phải mất hẳn một buổi tìm lại từ “thư viện gia đình”. Tính tôi luộm thuộm, không ngăn nắp như người ta. Mở đầu tôi viết: *“Nhà văn Phùng Quán, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, tác giả tiểu thuyết Vượt Côn Đảo, gần đây với bộ tiểu thuyết ba tập Tuổi thơ dữ dội được tặng thưởng văn học của Hội Nhà văn, chuyển dựng thành phim được tặng thưởng phim hay năm 1990...”* Không lâu, trên một trang báo *Nhân dân*, in danh mục những phim chiếu phục vụ trong dịp Đại hội Đảng, có *Tuổi thơ dữ dội*. Trang 5, cuối bản kiểm điểm ở phần nhận khuyết điểm, tôi thẳng thừng: *“Song không khí hôm Thường trực Tỉnh uỷ làm việc, rõ ràng là nặng nề. Có một số việc tìm hiểu chưa cụ thể vội vàng kết luận. Thí dụ: Đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ cho rằng, tôi phải chịu trách nhiệm trước Thường vụ toàn bộ sự việc trên. Đồng chí còn nói: Tôi đã bắt chấp chỉ thị cấp trên, tiếp tục tổ chức để anh Phùng Quán nói chuyện hai nơi (tức trường Phổ thông trung học Đào Duy Từ và trường cấp 2 Đồng Mỹ), lại còn qua cả Bảo Ninh.”*

*Tôi là một nhà văn, được Thường vụ giao trọng trách quản lý Hội Văn Nghệ, tôi có nhân cách và lòng tự trọng của mình. Việc gì chưa rõ ràng thì cần được nhắc nhở trao đổi rút kinh nghiệm, sai trái thì kiểm điểm, cao hơn thì kỷ luật. Nhưng không thể xử sự với tôi bằng một thái độ vội vã kết luận, khẩu khí căng thẳng khi chưa điều tra kỹ lưỡng. Việc đó rõ ràng không tạo thuận lợi cho tôi trong việc quản lý Hội và đội ngũ văn nghệ sĩ trong tình hình còn phức tạp hiện nay”*.

Bản kiểm điểm gửi đi. Họ im lặng không tiếp tục hành xử tôi nữa. Nhưng rõ ràng tôi không gặp thuận lợi về sau đó.

Năm ngoài, Phùng Quán được Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Tôi định cầm mấy bộ sách tuyển tập thơ, tiểu thuyết của Phùng Quán và những cuốn khác do

Ngô Minh biên soạn đến nhà ông Phó Bí thư Tỉnh uỷ, chỉ để nói với ông một câu. Ông thấy không, cái bằng chứng này cao hơn cả. Nếu Phùng Quán có gia đình ở đây, chắc ông phải ngậm ngùi tổ chức lễ trao Giải thưởng Nhà nước cho Phùng Quán. Mặc dầu ông đã nghỉ hưu lâu rồi. Nhưng chuyện đời, lẽ sống con người đâu có nghỉ hưu!

### **6. Lễ truy điệu có một không hai**

Tôi thường tâm sự với lớp trẻ, đã làm nhà văn phải có hai nhân cách. Nhân cách sống và nhân cách viết. Nhân cách viết, có thể có nhiều người thành đạt. Nhưng nhân cách sống không hẳn ai cũng được như nhau. Có người im lặng viết, miễn sao tròn một công dân. Có người viết tốt, sống tốt mà vẫn vào vòng lao lụy. Phùng Quán thuộc hạng người này. Cả đời ông là một chuỗi đau thương. Nhưng không lúc nào ông chùn bước. Cuộc đời ông, ai đã biết là mền mọ, kính trọng. Ông bị bệnh gần hai năm nay. Phải nằm ngửa kê tay vào giá đỡ trước mặt mà viết. Một bàn viết ngược. Xưa nay ông đã viết, phải ngồi vào bàn, dù chiếc bàn ấy là tấm ván, hộp gỗ chằng nữa. Giấy của ông được kẻ dòng như loại giấy vở học trò. Phải là người có khí chất sống, khí chất văn chương mới nghĩ ra cái *giá đỡ kỳ quái* để viết cho tới dòng sau chót đời mình.

Tôi định bụng bàn với nhà văn Hữu Phương, bấy giờ là phó chủ tịch Hội, tổ chức lễ *truy điệu vọng* cho ông. Nghĩ lại, bao nhiêu chuyện còn đó, người ta còn đây. Thử có ích gì? Thế là tôi rủ Hữu Phương cùng một số anh chị em, học sinh yêu văn học lên nhà Hoàng Quang Đông chơi. Đông là thầy giáo, bạn tôi, đã có lần gặp Phùng Quán. Tôi thông báo nhà văn Phùng Quán mất rồi, lúc 16 giờ 50 phút, ngày 22/01/1995. Tin này nhờ một người bạn điện thoại vào cho tôi hay. Tất cả bàng hoàng. Im lặng. Không ai nói câu gì. Trong khoảnh khắc đó, tôi lấy ra tờ giấy trắng, chiếc bút dạ, ký hoạ rất nhanh chân dung Phùng Quán. Sau này tôi không hiểu vì sao mình vẽ được như vậy. Một chân dung Phùng Quán trăm phần trăm. Gương mặt hơi trẻ. Chân dung ấy tôi ép latic để trong “thư viện gia đình” như một báu vật.

Không ai bảo ai, người kê tấm ván vuông vức lên chẻ ba cây đào, người hái hoa cắm vào bình, người tìm thứ làm bát hương... Trong làn khói hương thơm phức, tất cả như những pho tượng đứng bất động. Tôi lên tiếng trước: “*Chúng em xin cúng vọng anh, một nhà thơ tài hoa, một nhà văn suốt đời chỉ viết trên giấy kẻ dòng, một nhân cách sống hiếm thấy*”. Mọi người lặng lẽ bước lên cắm những que hương trên chiếc bàn thờ có một không hai.

Lúc ấy là 4 giờ chiều ngày 28 tháng 01. Sau 6 ngày Phùng Quán từ giã bạn bè người thân ra đi.

*Đồng Hới, 4/8/2007*

© 2007 talawas

### **Nhân văn, "người và việc" Hoàng Khởi Phong**

*(Nhân dịp Lê Đạt, Hoàng Cầm cho biết sẽ nhận “Giải thưởng Nhà nước” về những cống hiến văn học của những người đã cấu thành vụ án Nhân văn)*

## 1.

Câu chuyện *Nhân văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mở phòng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", thì một số người cầm bút ở miền Bắc gồm: Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*, đồng một lúc nhà thơ Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Vào thời điểm đó việc chia đôi đất nước qua Hiệp định Genève vừa được chấn tròn hai năm, việc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, cũng như đồng bào miền Nam ra tập kết ngoài Bắc vừa hoàn tất vồn vẹn một năm. Đoàn quân chiến thắng từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp thu Hà Nội, còn đang ngầy ngất vì hào quang kháng chiến. Những người nhìn xa lo kiếm cho mình một chỗ ngồi, một chỗ dựa, một căn nhà... thì các văn nghệ sĩ vốn nhiều mơ ước, lại bị kiểm chế quá lâu trong guồng máy của chiến khu trong thời chiến, bây giờ qua lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, ai nấy đều thở ra một cái nhẹ nhõm. Những người làm văn nghệ có thể mơ hồ về tài năng của mình, nhưng họ cũng đủ tinh tế và nhạy cảm để nhìn thấy những điều diễn ra trước mắt, khi một sắc lệnh liên quan đến giới văn nghệ, được phổ biến vào ngày 15.12.1956. Thật ra những người cầm trịch cho guồng máy văn nghệ của nhà nước cũng chỉ phổ biến sắc lệnh này bằng miệng, trong một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin tại phố Tràng Tiền. Sắc lệnh được ban hành bằng miệng này chỉ là nhắc lại một sắc lệnh đã được phổ biến bằng văn bản, vào tháng 10.1954, khi Hà Nội mới được tiếp thu sau 100 ngày ngổ cựa cho dân chúng di cư. Nội dung của sắc lệnh này bao gồm năm điểm:

- Không được chống chính phủ
- Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn
- Không được nói xấu các nước bạn
- Không được tiết lộ bí mật quân sự
- Không được đăng tải các bài vở phương hại đến thuần phong mỹ tục.

Có một cái gì đó bất ổn trong nội dung năm điểm cấm này, đó là chưa kể tới điều cấm thứ ba không được nói xấu nước bạn" đầy khôi hài, mà lại có nhiều chất nô lệ cũng như phụ thuộc vào những nước nào được gọi là bạn.

Thành thử trước lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, những người làm văn nghệ đã từng nằm gai nếm mật trong chiến khu Việt Bắc hiểu được một điều, mà chính cụ Phan Khôi đã thú nhận: văn nghệ cam chịu phục vụ cho chính trị. Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào chuyên môn của văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

Như vậy *Nhân văn*, "Người và Việc" đã khởi đi từ năm 1956, cho tới nay hơn nửa thế kỷ đã qua đi. Việc thì mỗi ngày mỗi đẻ thêm ra, đến độ không một ai có thể kiểm kê được có bao nhiêu sự kiện đã xảy ra liên quan tới hai chữ *Nhân văn*? Có bao nhiêu cuốn sách, có bao nhiêu bài viết, có bao nhiêu văn thư, có bao nhiêu chỉ thị bằng chữ và bằng miệng, chĩa mũi dùi vào các thành viên của *Nhân văn*. Còn Người nói chung có hai loại: một là người của chế độ, và loại Người còn lại là những Người hình thành nên nhóm *Nhân văn*. Người của chế độ thì cứ lớp này văn tuồng, lớp khác tiến ra. Người

người ló ló tiến lên như tên một tác phẩm của Trần Dần, trong khi đó đạo quân *Nhân văn* vẫn vẹn không đầy một trung đội. Qua nửa thế kỷ hiện nay chỉ còn lại vài ba người, mà trong đó Nguyễn Hữu Đang chỉ mới nằm xuống chưa đầy hai tuần lễ, thì Lê Đạt và Hoàng Cầm trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo điện tử của nhà nước là *VietNamNet*, nhân dịp hai nhà thơ và nhà văn này được trao tặng giải thưởng nhà nước đã cho biết: "... Đây là một cử chỉ đẹp, cho dù đã muộn. Nhưng muộn còn hơn không..."

Trước đó, ông Đỗ Chu, một thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn học, đã phát biểu: "... Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh..."

Ông Đỗ Chu quả là kiêu lời, không nói *lỗi* đó là cái gì, và vì sao mà năm 1988, nghĩa là sau hơn ba chục năm bị trù dập đến độ sống không sống được, chết chẳng chết cho, những người liên quan tới *Nhân văn* đã được phục hồi hội tịch Hội Nhà văn, mặc dù sự phục hồi này theo những người am tường cho biết thì cũng chỉ phục hồi một nửa. Nghĩa là không có văn bản nào xác nhận đã được xoá bỏ các biện pháp kỷ luật, chỉ ngầm cho một số người được vào lại biên chế của nhà nước, với số lương khiêm tốn. Năm 1988 nhiều người trong vụ *Nhân văn* còn sống, nhưng tên tuổi làm nên *Nhân văn* ngoại trừ Phan Khôi đã mất trước đó nhiều năm, nhưng Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang... mặc dù sống như những con ma trôi ngay giữa ban ngày, nhưng vẫn còn hiện diện giữa phố phường Hà Nội. Thế rồi mãi 19 năm sau nữa, năm 2007 mới có giải thưởng của nhà nước dành cho những đóng góp văn học của Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Phải chăng nhà nước muốn làm hơn thế nữa, muốn tặng cho nhiều người xứng đáng hơn trong vai trò chủ chốt của nhóm *Nhân văn*, nhưng đã vấp phải những cái lưng thật thẳng, những tảng đá hết sức kiên trì như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Phùng Quán... nên vì đó mà mọi việc còn phải chờ cho tới khi những tảng đá kiên trì này đã lăn hết dốc đời. Phải chăng những cái lưng thật thẳng đó đòi hỏi mọi việc phải được minh bạch, như những câu thơ của Phùng Quán, trong bài thơ "Lời mẹ dặn":

*"... Yêu ai cứ bảo rằng yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét...  
Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao khắc văn trên đá".*

## 2.

Là một học sinh khá xuất sắc của ban Toán, cái duyên văn tự đến với tôi vào mùa hè năm 1959. Năm đó tôi học đệ tam không phải thi cử, mà lại con nhà nghèo không có phương tiện để đi chơi đây đó. Thú vui duy nhất của tôi trong mùa hè này là coi cạp đá banh, và lên nhà anh cả tôi đọc sách. Lần đầu tiên đến với chữ nghĩa, tôi không hiểu may hay rủi có hai cuốn sách đeo theo tôi suốt đời là cuốn *Giờ thứ 25* của nhà văn Rumania Constant Virgin Gheorghiu, và cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí. Dù bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu tôi có một cái kệ để sách, thì trên cái kệ có hai cuốn sách này, và tôi thường lấy ra đọc lại trong những lúc bị đời bầm dập.



Khi đọc hai cuốn sách này lần đầu, tôi là một học sinh mới 16 tuổi, chưa đủ trí khôn để cảm nhận đầy đủ giá trị văn học của cả hai tác phẩm, song trong lòng tôi là những cơn chấn động mạnh. Có lẽ cái duyên văn tự đến với tôi không phải là những tác phẩm thuần túy văn học, nên vì đó mà đời văn của tôi cũng trải qua, và trả giá khá nhiều cho những suy nghĩ mà tôi bắt được từ trong thơ của Phùng Quán, từ thái độ sống của Trần Dần. Trọn thời trai tráng của tôi, những bài thơ đầu đời được làm rải rác đó đây trên chặng đường quân ngũ, tôi noi dấu theo vết bánh xe mà Trần Dần, Phùng Quán đã từng đi qua.

Với tôi Trần Dần, Phùng Quán là hai cây bút tiêu biểu mà tôi nghĩ: trong một chế độ như miền Bắc, nếu không sản xuất được những nhà văn như nhóm *Nhân văn*, thì số phận của dân chúng ở ngoài đó còn nhiều phần cay đắng hơn. Thỉnh thoảng trong những lúc nhàn rỗi việc quân, nghĩ về văn chương và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra một điều: mặc dù là một sĩ quan của miền Nam, đang tập tễnh cầm bút, tôi gần gũi với các tác giả trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* hơn là phần đông các tác giả của miền Nam. Thật ra tôi cũng chẳng có nhiều tác phẩm của họ để đọc, chỉ thấy rằng những người của *Nhân văn* dường như đã đứng ở thế bồi thủy, tựa lưng vào bờ sông để hành sử tư cách nhà văn của mình, mà trước mặt là cả một đạo quân của guồng máy cai trị đang ầm ầm xóc tới. Cũng trong lúc đó thì ở miền Nam, có thật nhiều người cầm bút rất nổi tiếng, khi cầm bút chỉ mong làm vui lòng các độc giả, viết những cuốn sách bán chạy vì đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc, hơn là nghĩ đến một tác phẩm có thể sống lâu được với thời gian.

Thế rồi đời sống cứ trôi đi, chiến tranh cứ lớn mạnh. Cho tới một đêm cuối tháng Tư năm 75, tôi leo lên con tàu HQ8 của Hải quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, hành lý vốn vẹn có một bộ quần áo trên người, một bộ trong túi xách tay cùng một cuốn sách duy nhất là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, và trong túi vốn vẹn có 20 đô la, do me tôi đã vét hết tiền nhà đổi được cho tôi dần túi mang đi. Cho dù phải sống xa quê hương, tôi vẫn tin rằng một chế độ có bạo tàn tới đâu chẳng nữa, nhưng nếu còn sản xuất được những người cầm bút như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán... thì tôi vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ quay về. Thành thử ngoài hành trang gọn nhẹ tôi đã viết ở trên, món hành trang nặng nhất mà tôi mang đi, chính là lòng cảm phục những người đã dựng nên tờ *Nhân văn*.

Năm 1995 Phùng Quán mất, trong tay tôi vốn vẹn chỉ có một cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, một cuốn *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán, nhưng được in ở hải ngoại (mà tôi nghĩ đây là một tác phẩm không lấy gì làm hay lắm), một bài viết của Phùng Quán về Đoàn Phú Tứ trong số *Xuân Văn Học* 1995, và một vài bài báo liên quan tới Phùng Quán. Chỉ với một ít tư liệu nhỏ nhoi đó, tôi đã mất mười giờ liền để hoàn tất bài viết "Một vì sao *Nhân văn* vừa tắt". Sau khi bài viết được đăng tải trên tờ *Hợp lưu*, tôi nhận được thư của bà Vũ Bội Trâm, cảm ơn về những tình cảm đặc biệt mà tôi đã dành cho chồng bà.

Sau khi Phùng Quán mất, chẳng bao lâu sau là Văn Cao, kế đó là Trần Dần, và chỉ một thời gian ngắn sau khi Trần Dần nằm xuống, nhà xuất bản *Văn nghệ* ở Cali cho phát hành cuốn nhật ký *Ghi* của ông. Nói cho đúng cuốn sách có thể chỉ gồm ghi chú ngắn, về "Người và Việc" đã xảy ra giữa những người cầm trịch chính trị và văn nghệ ở ngoài Bắc, với những Người trong nhóm *Nhân văn*. Những trang nhật ký của Trần Dần đã được gia đình chuyển ra ngoại quốc, và được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập.

Vốn trong lòng lúc nào cũng tâm phục với những người của *Nhân văn*, cuốn *Ghi* đến với

tôi như là một liều thuốc quá mạnh, với đầy đủ những vị cay, đắng, chua, chát, mặn. Vị nào cũng quá đê, đến độ tôi vốn là người đọc sách nhanh, mà không thể nào đọc nổi cỡ hai chục trang một lần. Cứ đọc độ mười trang, tôi lại phải ngừng lại, ngẫm nghĩ, mường tượng ra những sự việc và những cảnh đời, những con người mà Trần Dần đã ghi lại. Cảm giác của tôi khi đọc được nửa cuốn *Ghi*, hết như một thanh niên mới lớn bị tình phụ. Ngoại trừ Hữu Loan đã bỏ về quê đi thồ xe, Nguyễn Hữu Đang bị bỏ tù, những người còn lại chỉ bị kỷ luật. Có nghĩa là chỉ bị kiểm thảo, đuổi ra khỏi hội nhà văn, rút biên chế, cưỡng bách lao động, học tập, chỉ định nơi cư trú... Chẳng lẽ những tính danh mà có một thời tôi đã coi như là chỉ dấu cho đời văn của mình, những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung... lại có lúc cư xử với nhau tệ hại như thế sao?

Để nuốt cho được chén thuốc quá đắng này, tôi viết một bài ngắn đăng tải trên tờ *Việt Tide*, và cho rằng đó chỉ là những ghi chú nhỏ, như những nguyên liệu thô, mà chỉ có chính người ghi lại là Trần Dần mới có thể biết rõ cách sử dụng các nguyên liệu thô này như thế nào, để từ một đồng ghi chú bầy nhầy đó trở thành một tập tài liệu, hay một tác phẩm.

Trước khi Phùng Quán mất chừng hai năm, một thân hữu của tôi về thăm quê hương, khi trở ra anh mời một số bằng hữu đến ăn một bữa cơm thân mật tại nhà, chỉ cốt khoe anh có giao tình với Văn Cao, là em kết nghĩa của Hoàng Cầm. Anh lục lọi mang ra một cuốn băng video, trong đó có cảnh Hoàng Cầm "hét thơ", anh mang ra những bản photo copy các bài thơ của Hoàng Cầm và của Văn Cao, với những lời đề tặng cực kỳ thân ái. Những thước phim cho tôi thấy có một cái gì đó đầy kịch tính, bởi vì những lời đề tặng cực kỳ thân ái đó được dùng cho bất kỳ ai đến thăm, như một sản phẩm được trao đổi giữa người viết và người đọc, mà chế độ cai trị không cho phép những người viết này được in ấn, xuất bản nên không có sách được bày bán trong các tiệm sách.

Sau khi Phùng Quán mất độ vài năm, tôi qua Âu châu lần đầu. Thăm Thế Giang ở Đức, chia với Thế Giang một số câu chuyện liên quan tới Trần Dần, ghé Pháp thăm vợ chồng Trần Vũ, để được nghe người ta bàn ra, tán vào về cách ứng xử của nhà thơ Lê Đạt, một nhân vật trong nhóm *Nhân văn*, được nhà nước cho sang Pháp chơi, cư ngụ tại nhà chị Thụy Khuê, một thân hữu của tạp chí *Văn học*. Thành thử trước khi chính thức uống chén thuốc *Ghi* quá đắng của Trần Dần, tôi đã được ném khai vị một số câu chuyện của vị của một nhân vật *Nhân văn* mà tôi đã hằng tâm phục thời trai trẻ.

Chỉ biết rằng theo những câu chuyện mà tôi nghe được, trong thời gian Lê Đạt ở Paris, lúc nào ông cũng ăn mặc như một tu sĩ tại gia, suốt ngày nằm ở trong phòng riêng. Mỗi khi có khách tới viếng, gia chủ phải vào thỉnh ra phòng khách. Đó là chưa kể gia chủ mỗi buổi sáng trước khi đi làm, đã tề nhị để lại một số tiền trên bàn ăn, để đề phòng khách có đi đâu chơi thì có sẵn tiền xe. Suốt một tháng trời ở Paris, hình như Lê Đạt ít khi ra ngoài, và mỗi khi ra ngoài thì đã có người đưa kẻ đón, thế nhưng tiền xe thì mỗi ngày vẫn cứ nhận. Chắc có lẽ nhà thơ cho rằng với những năm tháng bị đầy đoạ vì vụ *Nhân văn*, người hải ngoại có bổn phận chiều đãi, đền bù và ông có quyền thụ nhận những gì người ta dâng cúng. Ở nước Mỹ cũng có nhiều người vẫn đinh ninh rằng những năm tháng bị cầm tù trong các trại tù cải tạo, là một thứ quyền bất khả tư nghị, và những người đi trước phải có nghĩa vụ nào đó, trách nhiệm nào đó để đền đáp cho những năm tháng bị đoạ đầy này.

Khi viết những dòng chữ này, một lần nữa tôi đọc lại cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đọc thêm cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán mà tôi mới mua trong chuyến về thăm nhà mới đây, tất nhiên tôi cũng đọc lại cuốn *Ghi* của Trần Dần, nhưng cuốn này tôi

chỉ đọc nhảy cóc mà thôi. Tôi vẫn giữ đầy đủ lòng kính trọng những người đã làm nên *Nhân văn*, nhưng chen vào đó là lòng thương cảm vô bờ bến. Lần đầu đọc cuốn *Ghi* tôi bị "sốc", nhưng nhiều năm đã qua đi, cái chết của các ông Nguyễn Hữu Đang, của Đoàn Phú Tứ, của Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung... và đời sống của những nhân vật này trong những năm bị sao chổi quét trên đầu, đã khiến cho tôi thấy chén thuốc *Ghi* coi vậy mà rồi tôi cũng nuốt được.

### 3.

Bản tin được phổ biến trên nhiều báo trong nước cũng như hải ngoại cho tôi biết: bốn tác giả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số bốn người được nhận giải này có hai người đã nằm xuống là Phùng Quán và Trần Dần, thành thử hai người này không có cơ hội để trả lời cho tờ báo điện tử *VietNamNet*. Nhưng nếu Trần Dần và Phùng Quán còn hiện diện trên đời, tôi tin cả hai sẽ làm nhà nước không mấy hài lòng. Hai người còn sống là Hoàng Cầm và Lê Đạt thì mau mắn trả lời sẽ nhận giải thưởng trị giá 60 triệu đồng Việt Nam này.

Trong bản tin của tờ *Việt Tide*, tôi nhìn thấy ảnh Lê Đạt và Hoàng Cầm tươi cười hả hê. Nếu không được coi cuốn video Hoàng Cầm "hết thơ" mà một thân hữu của tôi, một bác sĩ và là em kết nghĩa của Hoàng Cầm đem qua Mỹ cho coi vào đầu thập niên 90, nếu không được nghe những chuyện kể về một nhà thơ *Nhân văn* qua thăm bên Pháp, chắc là trong hai lần ghé Hà Nội vào năm 2005 và 2006 để đi một vòng Bắc Việt, tôi đã có dịp gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt. Ít nhất trong hai lần về Hà Nội này, trong hai lần ghé thăm để thắp hương trên bàn thờ Phùng Quán, tôi đã được gợi ý gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt, nhưng không hiểu sao tôi ngần ngại rồi quả quyết quay về.

Có lẽ dư âm của cuốn *Ghi*, của những thước phim Hoàng Cầm "hết thơ", và cách hành xử của Lê Đạt ở Paris là những ấn tượng quá mạnh, khiến tôi nghĩ mình nên đứng lại ở một khoảng cách đủ xa, để chiêm ngưỡng các nhân vật này, như tôi đã từng chiêm ngưỡng họ trong thời gian tôi còn ở quân đội. Thái độ mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng nhà nước của Hoàng Cầm và Lê Đạt, khiến cho tôi nghĩ nên ghi lại những gì tôi đã đọc về cái "sống" và cái "chết" của những nhân vật đã tạo nên biến cố *Nhân văn*, trước khi có một vài suy nghĩ liên quan tới việc "nhận" hay "không nhận" một giải thưởng được nhà nước trao quá muộn màng sau hơn nửa thế kỷ.

Vì không phải là một bài khảo cứu, tôi chỉ ghi tóm tắt về cuộc đời và cái chết của một vài nhân vật tiêu biểu cho nhóm *Nhân văn* gồm: Phan Khôi, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và một nhân vật còn sống là nhà thơ Hữu Loan. Ngoài ra trong bài viết này, tôi chỉ nêu lên một vài chi tiết nhỏ liên quan tới các tác phẩm của những nhân vật này, bởi vì toàn bộ các sáng tác của nhóm *Nhân văn* đã được đăng tải và lưu trữ ở rất nhiều nơi.

\*\*\*

Người nằm xuống sớm nhất của nhóm *Nhân văn* là cụ Phan Khôi. Ông cũng là đại diện duy nhất của phe cựu học, nguyên là một cậu Tú nho học, sinh năm 1887, và là một nhân vật nổi bật trong buổi giao thời giữa hai nền văn chương Hán Nôm và văn chương Quốc ngữ. Năm 1907 cụ Phan ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục với cụ Lương Văn Can. Trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959 ở miền Nam, và mới đây trong tác phẩm *Nhớ cha tôi* của bà Phan Thị Mỹ Khanh xuất bản ở Đà Nẵng năm 2001, người đọc biết được một điều cụ Phan là một nhà nho yêu nước, nhưng cụ chẳng những không thích mà còn ghét cộng

sản, mặc dù con trai cụ là Phan Thao, là một cán bộ cao cấp của cộng sản trong Ủy ban Trung bộ. Theo Hoàng Văn Chí, cụ lớn tiếng đả kích đường lối sắt máu của cộng sản thi hành ở Quảng Nam quê cụ, khi Việt Minh cướp chính quyền ở đây vào năm 1945. Để dàn xếp cho cụ, đích thân Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cụ cho Phan Bội là em thúc bá của cụ, và là Trung ương Ủy viên Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Trong một bài viết được đăng tải trong cuốn *Nhớ cha tôi*, Thiều Sơn, một nhân vật sau cụ Phan chừng mười tuổi cho biết: "*Ông (Phan Khôi) có một người con là Phan Thao. Con là một cán bộ ở cấp bậc cao. Cha thì ghét cộng sản. Chồng cộng nhưng cũng khảng khái, không thần phục thực dân, không chịu mang tiếng theo giặc. Hai cha con cãi nhau kịch liệt, rồi con không thuyết phục được cha. Nó nói: "Chồng cộng là quyền của cha, nhưng đây là toàn dân kháng chiến. Không lý cha có thể đặt mình dưới sự kiểm soát của giặc".*

Theo học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan Khôi có mặt trong vùng kháng chiến vì hoàn cảnh ép buộc, do đó người ta không lấy làm lạ ngay trong thời kháng chiến cụ đã có những bài thơ ngắn bày tỏ ý kiến của mình, dùng tài văn của mình để viết một câu chuyện trong đó cụ gọi một loại cây mà người Bắc gọi là "cây cứt lợn" còn trong Nam gọi là "cây chó đẻ" là "cỏ cộng sản". Để rồi từ "cỏ cộng sản" cụ viết là cụ đã gặp một ông già người Thổ, gọi cái cây này là "cỏ cụ Hồ". Ông già người Thổ đó cho biết: Từ ngày cụ Hồ về lãnh đạo cách mạng, thấy cỏ này mọc rất nhiều, nên người dân địa phương gọi là "cỏ cụ Hồ", vì thứ cỏ này xuất hiện cùng một lúc với cụ Hồ thì gọi là "cỏ cụ Hồ".

Cụ Phan là một cây bút lý luận trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, mà trong đó bài viết đáng kể nhất là "Phê bình lãnh đạo văn nghệ", truyện ngắn "Ông Năm Chuột", "Ông bình vôi", cùng một số thơ. Năm 70 tuổi cụ làm một bài thơ tự trào, trong đó có hai câu: *...Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi  
Thọ ta, ta chúc lọ phiến ai...*

Bài thơ tuy không xuất bản, nhưng được Nguyễn Công Hoan làm một bài thơ họa lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khôn kiếp ơi  
Thọ mi, mi chúc chớ hồng ai  
Văn chương! Dù mẹ thẳng cha bạc  
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài  
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó  
Nhân văn, nay lại hít gì voi  
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục  
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Chỉ cần đọc bài thơ này, đủ hiểu đời sống của cụ Phan Khôi như thế nào, sau khi chế độ ra tay đàn áp nhóm *Nhân văn*. Cụ vẫn còn may mắn hơn nhiều người trong nhóm, vì chế độ nể mặt Phan Bội và Phan Thao là hai cán bộ cao cấp, bản án dành cho cụ Phan Khôi tương đối nhẹ. Cụ không phải chịu đựng những trừng phạt thể xác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung... mà chỉ bị quản thúc tại gia. Cụ mất năm 1959, nghĩa là chỉ ba năm sau khi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ra đời. Những người của Hà Nội thời đó cho biết: trong đám tang của cụ chỉ có lèo tèo vài người thân trong nhà, đẩy một chiếc xe như xe bò chở quan tài cụ ra nghĩa địa. Không có một vòng hoa, không có một lời ai điếu. Đó là chưa nói tới có một hai người con, vì e ngại cho tiền đồ của mình mà không

dám đưa tang bố.

\*\*\*

Năm 1995 Phùng Quán mất vì căn bệnh ung thư. Trong *Nhân văn* ông là người lính xung kích trẻ tuổi nhất, nhưng lại là người nhanh chân nhất biến khỏi cuộc đời vào năm 62 tuổi. Vào thời điểm này nước Việt đã mở cửa về kinh tế, và cõi trời cho văn nghệ được vài năm, rồi lại trời lại. Khi mở cửa và cõi trời thì có những lời tuyên bố được rêu rao trên toàn bộ các hệ thống báo chí, truyền thanh và truyền hình. Nhưng khi trời lại thì chỉ là những văn thư nội bộ, các biện pháp kỷ luật hành chánh, hay âm thầm tịch thu sách, báo. Tuy nhiên lời tuyên bố cõi trời cho văn nghệ của ông Nguyễn Văn Linh đã ảnh hưởng phần nào tới quyết định phục hồi hội tịch Hội Nhà văn cho các nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vào năm 1988. Tuy được phục hồi hội tịch, chỉ có nghĩa là từ nay Phùng Quán được viết bằng bút hiệu của mình, không phải viết văn chui như trước. Ngay sau khi được thả lỏng, Phùng Quán như một con chim muốn bay vút lên không trung, ông thường xuyên đi đó đây. Khi thì về Thái Bình thăm Nguyễn Hữu Đang, lúc thì về thăm Hữu Loan ở Thanh Hoá, rồi về quê nội ở Huế, rồi vào Đà Lạt chơi với nhóm Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và những chuyến đi này có khi kéo dài cả hai ba tháng trời. Thời gian này ông hít lấy cái không khí tự do cho no buồng phổi, tạm quên việc xuất bản sách cho chính mình, ngoại trừ một số nhà xuất bản tự tìm tới với Phùng Quán để in những tác phẩm của ông, còn chính ông thì để tâm thiết tha vào việc khác. Nên vì vậy mà mọi chi tiêu trong đời sống hằng ngày của gia đình Phùng Quán, vẫn hoàn toàn nằm trong số lương giáo viên cấp 3 ít ỏi của bà vợ.

Khi Phùng Quán mất, mặc dù giới văn nghệ đã bị trời lại, song ảnh hưởng của việc cõi trời còn mạnh, nên đám tang ông được hàng ngàn người yêu thơ ông, cũng như các bạn văn, bạn chiến đấu, bạn câu cá trộm đã đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, không đến nỗi hắt hiu như đám ma cụ Phan Khôi hơn hai chục năm trước, khi việc đàn áp *Nhân văn* còn đang bùng bùng sát khí. Như vậy trong suốt 32 năm từ 1956 tới 1988, bị ra khỏi biên chế nhà nước, thoát đầu là lao động cải tạo tại những công, nông trường rải rác trên lãnh thổ miền Bắc, Phùng Quán còn được lãnh một số tiền phụ cấp hằng tháng không bao giờ đủ dùng cho bản thân mình. Vài năm sau, Phùng Quán là người hoàn toàn không có một công ăn việc làm nào. Cuộc đời Phùng Quán từ sau cải tạo lao động cho đến khi được phục hồi hội tịch hội nhà văn, đã được ông tự tả bằng sáu chữ: "*Rượu chịu - cá trộm - văn chui*", có nghĩa là ông thường xuyên uống rượu mua chịu của những người quen, ông là tay câu cá trộm chuyên nghiệp ở các hồ nuôi cá quốc doanh như ở Hồ Tây, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Hạ-le. Về lao động trí óc, ông viết văn chui dưới rất nhiều bút hiệu ma. Thậm chí có những người chưa bao giờ cầm bút viết một câu văn, nhưng nhờ cho mượn tên mà giờ đây tự nhiên có tác phẩm. Rồi đời sống trôi đi, vài người trong số này đã quên bằng việc cho Phùng Quán mượn tên, và tưởng chừng rằng chính mình đã viết nên một cuốn sách, rồi ra vào khệnh khạng in hết một nhà văn thực thụ.

Ông thú nhận đã câu trộm tới bốn tấn cá, để nuôi mình, bán để phụ tiền mua gạo, cải thiện bữa ăn cho vợ con, và phụ thêm thức ăn với một bà mẹ nuôi. Tưởng cũng nên nhắc lại ông lập gia đình với bà Vũ Bội Trâm, một giáo viên cấp ba của trường trung học Chu Văn An Hà Nội, nhưng vì hoàn cảnh mà bà vợ vẫn ở với gia đình, trong khi đó ông ăn ở tại nhà bà mẹ nuôi. Dù đã có với nhau hai mặt con, ông vẫn cứ phải ăn, ở với bà mẹ nuôi hàng chục năm trời, và chỉ được sống chung dưới một mái nhà với vợ con một thời gian không quá mười năm trước khi qua đời.

Phùng Quán cũng thú nhận về "văn chui", ông đã viết lời cho mấy chục cuốn truyện

bằng tranh cho nhà xuất bản Kim Đồng, dưới những bút hiệu ma do nhà xuất bản tự ý đề tên. Có lần ông đã mượn đại cả tên Thanh Tịnh để dưới các quyển truyện bằng tranh này, khi truyện in xong, ông mang đến biếu Thanh Tịnh, và được nghe Thanh Tịnh nói một câu chí tình: "Anh đã chẳng có gì để giúp cho em, thì cho em mượn một cái tên". Sau Phùng Quán một thời gian không lâu, đến lượt Văn Cao trở về với lòng đất. Nếu như Phùng Quán đến với *Nhân văn* như một tay xung kích trẻ, cả trong văn giới cũng như đời thường, thì Văn Cao là một tên tuổi chói lọi trong vòm trời văn nghệ. Ông là tác giả bài "Tiến quân ca" tức là quốc ca của miền Bắc. Đó là chưa kể những bản nhạc lừng danh khác như "Trường ca sông Lô", "Tình ca trung du", "Không quân Việt Nam", "Hải quân Việt Nam" và một số ca khúc hàng đầu trong thời kỳ phôi thai của âm nhạc Việt Nam như "Thiên thai", "Suối mơ", "Buồn tàn thu", "Khối tình Trương Chi", mà những bản nhạc sau của ông không được trình diễn ở miền Bắc, vì bị quy là sản phẩm của tiểu tư sản, lãng mạn, uỷ mị không phù hợp với không khí của thời chiến và của đường lối sáng tác xã hội chủ nghĩa.

Văn Cao đã từng ở trong Ban Ám sát Thành, đã từng cầm súng giết người, nghĩa là không phải là một người làm văn nghệ bình thường mà là người cách mạng đầy sắt máu nếu cần. Trước khi tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao đã từng được cho đi tham quan Mạc Tư Khoa, và từ đó người ta nghe được những ý tưởng thất vọng của ông về thiên đường xã hội chủ nghĩa. Không một ai phủ nhận được vị trí chói lọi của Văn Cao trong âm nhạc, nên khi ông hoà mình vào nhóm *Nhân văn*, ảnh hưởng của ông với quần chúng thường ngoạn rộng lớn hơn nhiều. Trong mấy số báo ngắn ngủi của *Nhân văn*, ông đã đóng góp chỉ hai bài thơ "Anh có nghe không" và "Những ngày báo hiệu mùa xuân". Khác hẳn với lời ca trong các bản nhạc khi thì hào hùng, đầy tình tự dân tộc, tràn trề sức sống vươn cao trong các bản nhạc được cho phép hát. Hay là những hình ảnh lãng mạn, trữ tình của những bản nhạc không ai cấm, nhưng không một ai muốn trình diễn. Giọng thơ của Văn Cao giờ đây u uất gói gắm những bão táp ẩn trong lòng ông, và trong lòng người.

Vì ảnh hưởng của Văn Cao quá lớn trong quần chúng, nên việc trừng phạt ông tương đối nhẹ hơn. Ông bị đình chỉ công tác trong ngành nhạc, bị đưa đi thực tế lao động một thời gian như là một lời cảnh cáo, rồi sau đó được tha về Hà Nội. Từ đó cho tới năm 1975 ông không hề viết một bản nhạc nào, ông nhận trình bày bì bìa cho tờ *Văn nghệ*, như là một công việc để kiếm cơm. Năm 1976, sau đúng hai chục năm im lặng, ông viết một bản nhạc đầu tiên, được đăng trên một tờ báo ở trong nước, nhưng ngay lập tức tờ báo bị tịch thu, và không một ai được nghe bản nhạc này cho tới năm 1995, tức là gần hai chục năm sau, không khí chính trị đã bớt ngộp, mới được trình diễn trước công chúng. Đó là bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên".

Sau hơn hai chục năm không soạn nhạc, bài hát này có thể không hay bằng những sáng tác trước kia của Văn Cao, nhưng đó là một bài ca thức tỉnh lòng người. Khi mà cả nước vào trong thời điểm đầu sau 75, toàn bộ những người sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngoác miệng ra kêu gào chiến thắng, ca tụng chiến thắng. Không thiếu gì những truyện ngắn, truyện dài, thơ được viết bởi trí tưởng tượng nghèo nàn, lại thiếu học vấn với những chiến công thật và giả, như là những truyện khoa học giả tưởng, mà nếu dùng phân tâm học để phân tích các truyện ngắn này, người ta còn thấy đó là sản phẩm của những đầu óc bệnh hoạn. Chỉ riêng mình Văn Cao viết về hoà bình bằng những lời ca man mác u hoài và đầy nước mắt: "... Từ đây người biết thương người, từ đây người biết yêu người... Giọt nước mắt trên vai anh, giọt nước mắt trên vai em - Mùa xuân êm ấm ấy chưa có về đâu, gà gáy trưa bên ven sông... Từ đây người biết quê hương...".

Lời ca của Văn Cao trong bài hát này vào những năm 77 ấy quả là lạc điệu, và người ta cảm phổ biến. Lời ca như những cái gai nhọn đâm vào mắt những người ngồi trên chót vót của quyền uy, lời ca như cảnh tình những người đang trong cơn lên đồng vì say men chiến thắng, nhưng nó chính là tiếng lòng của toàn dân. Từ năm 77 cho đến khi ông mất, Văn Cao không hề viết thêm một nốt nhạc nào, một dòng thơ nào. Ông uống rượu nhiều, nên hình ảnh ông mà tôi thấy trên một cuốn video dành riêng cho nhạc của ông, bên cạnh những ca sĩ măng tươi mơn mớn và là những giọng ca hàng đầu của thời điểm đó như Ánh Tuyết, Hồng Nhung, Văn Cao là một ông già rúm ró đến thảm hại. Mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy Văn Cao bằng xương bằng thịt, nhưng tự đáy tâm tôi cảm thấy gần gũi với ông hơn nhạc sĩ Phạm Duy, người chỉ trú ngụ cách tôi một hai bloc đường, và một năm đôi lần tôi gặp mặt trong những dịp sinh hoạt của tờ báo *Người Việt*. Tôi phải ghi chú ở đây một điều: Nếu so sánh những gì Phạm Duy và Văn Cao để lại cho đời, thì gia tài của Phạm Duy đồ sộ hơn, nhưng thái độ khệnh khạng kẻ cả của Phạm Duy đã đẩy tôi lùi xa ông ra. Về tài hoa thì chưa chắc ai hơn ai, nhưng Phạm Duy thì may mắn đủ điều so với Văn Cao.

Đám tang của Văn Cao được thu hình để cho vào cuốn video thứ hai của ông, mà ở đó tôi thấy những bài điệu văn bầy tỏ lòng xót thương của loài cá sấu. Nào có hề chi, khi ông còn sống, chính những giọt nước mắt ấy đã từng đầy đọa ông, khiến cho ông sống không ra hình thái một con người, thế nhưng khi ông mằn xuống cũng lại chính những tên giả hình đó đến khóc mướn thương vay. Nhưng quan trọng hơn cả là bên cạnh và đằng sau xe tang, là một đoàn người dài lê thê, để chừng có tới hàng vạn người, chúng tỏ rằng khi nằm xuống ông đã để lại cho đời lòng thương tiếc khôn nguôi. Nào có sá gì trăm vòng hoa giả trá, cùng ngàn lời ai điệu đái bôi.

\*\*\*

Sau Văn Cao đến lượt Trần Dần nằm xuống. Tôi nhớ lại lần đầu khi đọc *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, thái độ sống không khuất phục của Trần Dần khiến cho ông là người tôi cảm phục nhất. Ông sinh năm 1924, được kết nạp vào Đảng từ năm 1951, nhưng cũng sớm đánh mất niềm tin tưởng của ông vào Đảng cũng như của Đảng đối với ông, khi ông được điều về làm công tác viết báo cho Cục Quân huấn thuộc Trung ương. Không chịu nổi bầu không khí lúc nào cũng ngột ngạt, ông xin đổi ra mặt trận, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chứng kiến cảnh quân kháng chiến ào ạt tấn công vào thành lũy kiên cố của quân Pháp, cũng như cái chết thê thảm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông viết tác phẩm *Người người lớp lớp*, và cũng nhờ tác phẩm này ông được Đảng tin nhiệm trở lại, cho đi tham quan Trung Quốc. Nhưng khi từ Trung Quốc trở về, ông đã cùng một số nhà văn khác gửi lên Trung ương một kiến nghị, yêu cầu hạn chế sự can dự của cán bộ chính trị vào văn nghệ.

Cũng đúng vào thời gian này Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự can thiệp của Đảng. Mặc dù là đảng viên nhưng bản chất nghệ sĩ đã khiến cho ông không chịu nổi luyên ải quan Mác-xít, nên thẳng tay từ chối nhiều lần Đảng xây dựng cho ông với các nữ đồng chí khác. Sau cùng ông đã xin ra khỏi Đảng để lấy cho kỳ được người thiếu nữ mà ông yêu quý. Việc đại đột nhất của ông là viết bài phê bình và đả kích tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, nhân vật cầm trịch và đứng ở hàng chót vót của giới văn nghệ miền Bắc. Thế là ông đã đụng đến cái vẫy ngược của thú dữ, nên bị bắt giam ở một nhà giam trên Việt Bắc, trong khi bà vợ trẻ đang bụng mang dạ chửa, mà toàn bộ gia đình bên vợ đã di cư vào Nam. Có thể nói Trần Dần mới chính là linh hồn của nhóm *Nhân văn*, ông đóng góp bài cho tất cả các số báo *Nhân văn*, với khá nhiều bút hiệu mà trong đó hai bài thơ quan trọng nhất là "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi", ký bằng tên thật của ông, khiến cho

người đọc cảm nhận như đây không hẳn là thơ, mà là lời tuyên chiến của ông đối với bọn giả hình đang chễm trệ trên đầu quần chúng.

Vốn là kiện tướng của cả nhóm, trong cuốn *Ghi* của ông, người đọc thấy đủ những đắng cay nghiệt ngã ập đến với ông trong thời gian bị kỷ luật. Từ hành xác, cho tới uy hiếp về tinh thần, ly gián ông với các bạn trong nhóm, khiến người nọ ngờ vực người kia. Đã có lần ông phần chí tự tử, nhưng sau khi được cứu sống ông đã cho biết ông phải sống để làm thơ ca tụng con người. Và quả là trong cuốn *Ghi*, người đọc đã nhận biết được ông đã sống như thế nào. Trần Dần không phải là loại người thúc thủ chịu đòn, ông nghiêng rặng chịu đựng những trận đòn thù, nhưng thỉnh thoảng cũng có những đòn phản công ngoạn mục. Ông không hề mất tinh thần vì bị vây đánh từ tứ phương tám hướng. Khi người ta muốn ông phải cúi gằm xuống để sống, ông ngược mặt lên chịu đựng, nhìn đời và sống như thể một con người.

Ông khác với Phùng Quán một điều: với Phùng Quán thì Đảng có thể tốt, chỉ có những người đảng viên xấu, làm hoen ố xã hội chủ nghĩa, trong khi đó Trần Dần nhìn Đảng Cộng sản nghiêm khắc hơn nhiều. Nếu nổi đau thể xác của cả hai tương đương, thì về mặt tinh thần Phùng Quán bị đau hơn một tầng, bởi ông còn một lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và con người cộng sản. Nổi đau của Phùng Quán là sự oan ức mà ông phải gánh chịu, chỉ vì muốn làm tốt cho Đảng, trong khi đó thì với Trần Dần, đã yên hẳn một bề. Chính vì vậy mà đám tang Trần Dần tuy có đông người tham dự, nhưng có thể nói rất nhiều người đi sau xe tang của ông là người của chế độ. Vừa để làm cảnh đẹp cho màn chót của một vở kịch đời, vừa để phản ứng khi hữu sự. Vài năm sau khi ông nằm xuống, những ghi chú của ông được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập lại và cuốn *Ghi* ra đời. Đây chính là một đòn phản công cuối cùng của ông, mà ở đó người đọc có thể thấy được toàn bộ một vở kịch, mà trước đó người ta chỉ nhìn thấy những góc độ rất nhỏ, qua chủ quan của mỗi cá nhân. Tất nhiên *Ghi* cũng có cái nhìn chủ quan riêng của Trần Dần, song ông ghi lại toàn bộ mọi sự kiện, trong khi các nhân vật khác trong vụ hoặc là né tránh, hoặc là sợ hãi quá mà không dám ngoái đầu nhìn lại. Từ những sự kiện lớn tương đương với nhiều mạng người, cho đến những điều nhỏ li ti như cái kim, sợi chỉ đều được ông ghi lại với ngày tháng đầy đủ, bằng một giọng văn ngắn, gọn, sắc và lạnh. Ông cung ứng cho những thế hệ sau một cái nhìn toàn diện về bối cảnh, diễn tiến, hậu quả và ảnh hưởng của phong trào *Nhân văn*. Ông vẽ cho thế hệ sau bức tranh toàn cảnh của xã hội chủ nghĩa, với đầy đủ cái tính ác của xã hội này. Ông phơi bày cho mọi người thấy cái tâm địa, cái bản chất của những con người trong chế độ, kể cả chính mình.

\*\*\*

Mới đây nhất là cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang vào tháng 2.2007. Nào có gì đáng ghi lại cho cái chết của một ông lão chỉ thiếu 6 năm nữa là chẵn tròn trăm tuổi, nhất là khi còn sống ông không ở trong một chức vụ cao quý nào. Chẳng những thế ông còn tự ý bước ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo, nhập thân vào một nhóm nhỏ chưa quá một trung đội, để mơ đội đá vá trời. Đối với Nguyễn Hữu Đang, tôi chỉ muốn ghi lại ông đã sống như thế nào kể từ khi trận bão *Nhân văn* bắt đầu nổi lên trên các mặt hồ ở Hà Nội.

Đối với một guồng máy tổ chức mà chức vụ "thủ kho" đôi khi to hơn "thủ trưởng", thì cái quá khứ Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ Thanh niên, hay Thị trưởng đầu tiên của thành phố Hà Nội vào những năm 1945 thì ăn thua gì, huống hồ những chức vụ có tiếng mà không có miếng như Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập thì lại càng không đáng kể. Đã thế lại còn bị bắt bỏ tù 17 năm trời, bị quản chế ba năm, và sau đó là hai chục năm trời đối võ bao thuốc lá lấy cóc nhái, làm thức ăn,



chui rúc lọ mọ nơi cái trái của một chuồng lợn ở vùng quê Thái Bình, thì ngay cả khi còn sống cũng không ăn thua gì hưởng hồ lại chết.

Vì vậy khi ông Nguyễn Hữu Đang mất, vài tờ báo in trong nước đưa tin chiếu lệ, nhưng không một tờ báo điện tử nào như *VietNamNet* có được vài dòng. Nhiều người cho rằng các báo điện tử của nhà nước không đưa tin, cốt để giấu người Việt hải ngoại được ngày nào hay ngày ấy về cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang. Tôi không nghĩ như vậy. Người cộng sản làm gì cũng có nguyên tắc, có chỉ thị. Chẳng thế mà triết gia Trần Đức Thảo, một nhân vật khác của *Nhân văn* khi sống cũng chẳng hơn ông Nguyễn Hữu Đang bao lắm, nhưng vì là triết gia nổi tiếng ở Pháp trước khi về Việt Nam vào đầu thập niên 50, nên vào lúc cuối đời ông Trần Đức Thảo được nước Pháp mời qua làm một bản nghiên cứu triết học gì đó. Ông chết ở bên Tây, tro cốt mang về Việt Nam cả hai tháng trời, để chờ quyết định là được để ở nghĩa trang Mai Dịch hay Văn Điển. Sống đã như ma xó, thì chết chôn ở đâu mà chẳng được.

Cũng cần ghi chú là trong thời gian chờ đợi gần hai tháng đó, hũ tro cốt của ông theo Phùng Quán cho biết, đã phải trả tiền thuê chỗ là năm ngàn đồng mỗi ngày. Trở lại với ông Nguyễn Hữu Đang, trong cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán, tôi đọc được một bài ký ghi lại chuyến đi thăm Nguyễn Hữu Đang của Phùng Quán, vào thời gian đầu thập niên 90, khi đó Nguyễn Hữu Đang đang ở Thái Bình, đã dòi khỏi cái trái của chuồng lợn hợp tác xã, dọn về ở trong cái trái của nhà bếp tập thể của một ngôi trường tại đây. Phùng Quán được Nguyễn Hữu Đang đãi cơm với hai món đặc sản chả cóc băm viên, món thứ hai là chả nhái băm viên có mì chính. Nguyễn Hữu Đang cho biết mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng thường xuyên với hai món đặc sản này, mà lúc nào ông cũng khoẻ. Có khi còn khoẻ hơn Phùng Quán là người trẻ hơn ông hai chục tuổi chẵn.

Trong bài ký, Phùng Quán hỏi: *"Thế nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng thường xuyên như thế"*, rồi Nguyễn Hữu Đang trả lời: *"Phải biết huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, mỗi lần lên thị xã Nam Định chơi, tôi nhật nhạnh về, đổi chác cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số, đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái... Mọi tháng tôi chỉ cần ba, bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà lại là loại đạm cao cấp..."*. Thật là đau lòng cho "kinh tế" của một khối óc lớn.

Để biết rõ về con người Nguyễn Hữu Đang, tôi ghi lại thật vắn tắt đôi dòng tiểu sử của ông. Ông sinh năm 1913, theo học sư phạm từ năm 1932-1936. Năm 1937 tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, 1938-1945 tham gia rồi làm Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, 1943 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đại hội Tân Trào 1945, khi thành lập chính phủ lâm thời ông được đề cử Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, rồi Bộ Thanh niên. 1946-1954 Trưởng ban Tuyên truyền Tổng bộ Việt Minh. 1954-1958 Biên tập viên báo *Văn nghệ*. Cuối năm 1956 biên tập báo *Nhân văn*, cộng tác với các giai phẩm. Bị bắt giam năm 1958. Năm 1960 bị kết án 17 năm tù. Được trả tự do năm 1973. 1989 được phục hồi một phần hội tịch Hội Nhà văn. 1990 được hưởng lương hưu trí. Từ năm 1993 về sống tại Hà Nội.

Chẳng biết ông ăn lương hưu trí bậc mấy, chỉ biết rằng ông có một cuốn sổ tiết kiệm gửi tiền ở nhà băng, phòng xa những khi hữu dụng. Khi Phùng Cung muốn in một tập thơ, nhưng không có khả năng chi phí ấn loát, Nguyễn Hữu Đang đã đưa toàn bộ số tiền ông dành dụm trong nhiều năm trời cho Phùng Cung đi in thơ.

#### 4.

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn Hữu Đang, biết ông chưa bao giờ có vợ, rất nhiều lần tôi tự hỏi: Ông thương tiếc cõi đời chớ má này làm chi mà sống dai thế. Sống một cuộc đời không ra dạng con người, mà lại chỉ có một mình một bóng, không có bổn phận trách nhiệm với ai, thì sao không tìm một lối đi thanh thản cho mình, như một giấc ngủ say. Ông có gì để tha thiết, tiếc nuối cuộc sống này? Mà nào có phải cuộc sống, nào có phải trần gian? Nơi ông trú ngụ chính là địa ngục, với ngạ quỷ trá hình người.

Mà không phải chỉ có một mình Nguyễn Hữu Đang sống dai, đa số những người dính líu tới *Nhân văn* đều khá thọ so với tuổi thọ trung bình của nước Việt. Ngoại trừ Phùng Quán mất sớm ở tuổi ngoài 60, theo thứ tự thời gian từ Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung... ai nấy đều mất khi bước qua ngưỡng cửa bảy chục. Nguyễn Hữu Đang khi mất 94. Giờ đây còn lại ba người còn sống là Hoàng Cầm, Lê Đạt đều bước vào tuổi 80, và sau cùng Hữu Loan đã bước qua ngưỡng cửa chín chục. Tôi cứ băn khoăn mãi về sự sống dai của những người đã quá quen với đây ải, khổ đau này. Phải có một lý do nào đó để họ tồn tại bằng mọi giá?

Hiện nay những tên tuổi lớn của *Nhân văn* còn lại ba người là Hữu Loan, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Tôi tự hỏi tại sao Giải thưởng Nhà nước lại phát cho bốn người mà trong đó hai người đã chết là Phùng Quán và Trần Dần? Tại sao không để cho người chết được yên nghỉ, bằng cách bớt đi hai giải cho người đã khuất, nhưng thêm một giải thưởng cho người còn sống là Hữu Loan. Qua thắc mắc này tôi nghĩ chắc Hữu Loan cũng được đề nghị nhưng từ chối.

Đúng vậy, Hữu Loan, tác giả bài thơ tình "Mầu tím hoa sim", một bài thơ mà bất cứ một người lính Việt Nam nào, cả Nam lẫn Bắc đều thuộc vài câu đó là một người có cái lưng thật thẳng. So với Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan nào có thua kém gì.

Theo "Hữu Loan tự phỏng vấn" được đăng tải trên talawas, ông sinh năm 1916, kém Nguyễn Hữu Đang ba tuổi, theo học Quốc ngữ rất sớm và đồng thời hoạt động cách mạng ngay từ thời còn là học sinh trung học từ năm 1936 cho tới 1942. Từ 1943-1945 ông về quê đi cày, đánh cá làm Việt Minh và khởi nghĩa ở ngay huyện nhà. Cũng trong năm ấy, trong Ủy ban Lâm thời Tỉnh, ông giữ chức Trưởng ty cho bốn ty gồm: giáo dục, thông tin, công chính và thương chính, để rồi chán lại về quê đi cày, đánh cá nuôi bố mẹ già. Năm 1954 khi Việt Minh về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông nhận được điện gọi ra làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, được vào biên chế Hội Nhà văn, rồi tham gia *Nhân văn* rồi lại chán những điều trước mắt, về quê đi cày và đi thò từ năm 1958. Hiện nay vẫn cư ngụ ở quê nhà thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ít nhất trong vài dòng tiểu sử do chính Hữu Loan cung cấp, người đọc bắt được hai lần ông chán, và mỗi lần chán là bỏ về quê đi cày, đánh cá, đi thò, mà lần sau kéo dài từ năm 1958 tới nay là gần một nửa thế kỷ.

Cũng vẫn trong bài tự phỏng vấn này, Hữu Loan tiết lộ một điều là ông tham gia Việt Minh, lần đầu bỏ về thì bố mẹ giận, lần thứ hai thì con cháu oán. Thậm chí con trai ông tên Cương, thi đại học thừa điểm đi nước ngoài, nhưng đến trường trong nước cũng không được học, mà người ta lại cho một tên Cường nào đó gần giống tên con ông được thay vào chỗ xuất ngoại của con ông. Con cháu oán trách, giận hờn vì những người hoạt động Việt Minh trong vùng quê ông đều là đàn em ông cả, đều đã từng được ông sắp đặt chức vụ, giờ đây ai nấy đều ăn sung mặc sướng, nhà lầu xe hơi. Chỉ riêng mình ông là cơ cực bần hàn, may mà chỉ bị kỷ luật sơ sơ chưa đến nỗi vào tù ra khám như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần.

Có một đứa cháu điên tiết đã rủa ông: "Ông là ngu nhất, ông bảo ông mẩu mực. Cái mẩu mực ấy đem mà vắt cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông, rồi khổ lây sang con cháu". Lúc đó Hữu Loan lại phải đấu dịu con cháu: "Thôi tao van xin chúng mày, nếu mẩu mực mà lại được ngay ô tô với nhà lầu, thì chúng tranh nhau chết để làm mẩu mực, chứ chả đến phần tao...".

Lần thứ hai Hữu Loan bỏ về nhà chính là sau khi học tập vì vụ *Nhân văn*, khi Nguyễn Hữu Đang bị tố là đầu sỏ phản động, các học viên xúm nhau lại làm kiến nghị lên Trung ương yêu cầu xử tội, thì Hữu Loan là người duy nhất đã ký vào bản kiến nghị với lời ghi chú như sau: "*Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là người có tài có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, nên không có kết luận - Ký tên Hữu Loan*".

Trong bài tự phỏng vấn này, bà vợ ông còn cho biết: Lần cuối còn có hai anh cán bộ đến nhà vận động ông ở lại. Họ nói từ sáng đến trưa, ông nhà tôi cầm cái bút lên bẻ làm đôi, bảo: "*Làm cán bộ, làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi cho, viết vừa lòng dân thì có thể đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cây*".

Cứ như thế, suốt mấy chục năm trời nhà thơ Hữu Loan đi thò đá, cùng với ba người con trai lớn, có khi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, kéo ba chuyến xe cải tiến đá từ trên núi xuống, bán cho các thuyền buôn rồi các con mới ăn bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học. Cứ như thế hai vợ chồng nhà thơ nuôi đủ 10 người con từ năm 1958 cho tới nay, nghĩa là chỉ thiếu một năm là chẵn tròn nửa thế kỷ.

Sau cùng còn lại hai người là Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai nhân vật đã mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng của nhà nước, mà qua lời ông Đỗ Chu nào đó thì phần thưởng này dành cho những đóng góp văn học của *Nhân văn*.

Về Hoàng Cầm thì không một ai phủ nhận được tài năng và những đóng góp của ông với thi ca qua những bài thơ lừng danh như "Bên kia sông Đuống", "Đêm liên hoan.." trong thời kháng chiến, "Em bé lên sáu tuổi" (trong *Nhân văn-Giai phẩm*) và đặc biệt là những vở kịch thơ, do đó những đóng góp của ông xứng đáng để nhận một giải thưởng về văn học. Tôi không phải là người quá khích đòi hỏi mọi nhà văn, nhà thơ phải sống kiên cường, không khuất phục như Trần Dần. Do đó tôi cảm thông với những hành động của Hoàng Cầm, đã được Trần Dần ghi lại trong cuốn *Ghi*. Nhà văn, nhà thơ vốn là những con người yếu đuối nên sợ khổ, sợ tù, sợ chết, là chuyện bình thường. Hoàng Cầm không phải là Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan... do đó không thể đòi hỏi ông hành xử như những tính danh vừa nêu trên. Đòi hỏi như thế thì cũng chẳng khác gì những người đã đầy đoạ *Nhân văn* trong nửa thế kỷ qua.

Với Lê Đạt thì khác. Nếu như giải thưởng nhà nước dành cho những đóng góp văn học, chúng ta thử kiểm điểm thành tích văn học của Lê Đạt. Trước tiên nếu những giá trị văn học ấy liên quan đến *Nhân văn-Giai phẩm*, thì đóng góp của Lê Đạt không có gì là đáng kể, ngoài bốn câu thơ mà cụ Phan Khôi đã dùng để dẫn vào cái truyện "Ông bình vôi". Suy luận của học giả Hoàng Văn Chí khi thực hiện cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* cho rằng bốn câu thơ này ám chỉ ông Hồ, càng già càng nhỏ lại, càng kém đi. Tôi cho cách suy luận này khá mơ hồ. Tôi không được đọc đủ nguyên bản các cuốn *Giai phẩm*, nhưng trong *Trăm hoa đua nở* của cụ Hoàng Văn Chí, thì hình như Lê Đạt chỉ đóng góp vốn vẹn bốn câu thơ này, do đó trong phần mục lục của cuốn sách, không thấy một phần nào dành riêng cho các sáng tác của Lê Đạt. Ông đã trả giá cho bốn câu

thơ này bằng nhiều năm dày ải, nhưng bù lại ông cũng hưởng lộc khá nhiều do bốn câu thơ này. Nếu kể cả những sáng tác sau này của Lê Đạt, gồm một tập văn *Hèn đại nhân*, mà tôi đã viết bài giới thiệu vào khoảng giữa thập niên 90, khi còn giữ phụ trang văn học của tờ *Người Việt*. Tôi còn nhớ như in nội dung bài giới thiệu này, và cho là ông đã khéo sử dụng thủ pháp "ý tại ngôn ngoại" viết những mẩu chuyện về những nhân vật ngoại quốc, nhưng thật ra là để nói chuyện Việt Nam. Đó là một cuốn sách hay, nhưng đóng góp về văn học của nó thì không có gì là cao. Gần đây dư luận ồn ào lên với tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt. Nhiều người cho là ông đang cách tân thơ, tôi không nghĩ như vậy. Về điểm này thì cả Trần Dần sau khi chống trả mãnh liệt với đời, về già cũng hay cổ võ việc làm cách tân thơ, nhưng có lẽ cả Trần Dần, Lê Đạt, cũng như Phùng Cung trong tập *Xem đêm* chưa có một thành tựu nào đáng kể trong ngôn ngữ thi ca mới, mà cả ba đã nhiều lần thử nghiệm.

Sau cùng tôi quay trở lại với ông Đỗ Chu, thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn với lời phát biểu: "*Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...*". Vậy thì *lỗi* đó là *lỗi* gì, cần phải nói thẳng ra.

Thật ra thì chẳng nói người ta cũng biết: *lỗi* đó là cách hành xử của nhà nước với *Nhân văn*, những người đại diện tượng nhà nước chủ trương "Trăm hoa đua nở - Trăm nhà đua tiếng" thật, tượng nhà nước chống tham ô lãng phí thật, chống tệ sùng bái cá nhân thật, nên đã hăm hở xông vào những nơi xú ối, những mong giúp nhà nước dọn sạch những nơi cần dọn. Nào ngờ không phải vậy. Khi mà cả nước nói dối, như ông Hà Sĩ Phu đã nói "*Nói dối là quốc sách*", thì càng háng hái nói thật bao nhiêu, càng háng hái dọn dẹp bao nhiêu thì càng nhiều tội bấy nhiêu. Đó là chưa kể những cái bấy đã được những người sợ lung lay chỗ ngồi của mình, đào sẵn chờ các nhà văn sập hố. Dễ thường có cả trăm, ngàn cái bấy trong cuốn *Ghi* của Trần Dần. Thế rồi để che đậy những lỗi lầm nhỏ, người ta mắc phải những lỗi lầm lớn hơn. Để làm mất đi những cái hố đã đào, người ta khoét to những cái hố đào sẵn.

Cứ lỗi to chòng lên lỗi nhỏ, cứ hố lớn phủ lên hố con, mãi rồi cũng có lúc thời thế đổi thay, và người ta phải một lần nhìn lại những biến cố đã đi vào lịch sử. Cách tuyên bố của ông Đỗ Chu giống như đánh bùn sang ao, sập xí sập ngầu cho qua chuyện. Miễn là có vài nhân vật thành danh của *Nhân văn* đứng ra nhận lãnh giải thưởng của nhà nước, là đã có thể xoa tay đóng lại một hồ sơ tồn đọng quá lâu.

Tôi ngờ rằng sau khi tuyên bố cời trói cho văn nghệ, cho phục hồi hội tịch nhà văn của những người can dự vào *Nhân văn-Giai phẩm*, các nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hữu Loan... đều được tiếp xúc về giải thưởng này, thế nhưng đã không đạt được một sự biểu đồng tình nào. Từ năm 1988 cho tới 2007 là 19 năm trường, trong 19 năm đó thời gian đã cướp đi khá nhiều khuôn mặt tiêu biểu của *Nhân văn*, một nhóm người không lấy gì làm nhiều nhân số. Theo thứ tự thời gian từ năm 1993, thần chết đã đến viếng Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung và mới nhất vào đầu năm 2007 là Nguyễn Hữu Đang. Chỉ sau khi an táng Nguyễn Hữu Đang vài tuần ngắn ngủi, Hoàng Cầm và Lê Đạt có tên trong danh sách những người được giải thưởng nhà nước, khiến tôi ngờ rằng nhà nước đã không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Chờ nữa thì có khi phải lên thiên đàng, hay xuống địa ngục để phát giải thưởng này, do đó phải đành phải hài lòng với hai người tuyên bố nhận giải thưởng này. Nếu nói như ông Đỗ Chu, coi như là lời xin lỗi của nhà nước đối với anh em *Nhân văn*, thì tại sao lại không phát giải này cho cả Hữu Loan, người mà tôi tin rằng sự đóng góp cho văn học ít nhất cũng bằng nếu không muốn nói là nhiều hơn Lê Đạt.

Nhiều người ở hải ngoại cho là dứt khoát phải từ chối, bớt quá khích hơn thì cho là chỉ nhận giải với một đồng danh dự, nhưng phải có một văn bản xin lỗi chính thức của nhà nước. Có người còn dè bủ chê bai ít, có bốn chục triệu chưa đầy ba ngàn đô chẳng bõ bèn gì. Phải ba ngàn đô la ở nước Mỹ hiện nay chẳng làm được cái gì, không đủ tiền đặt cọc mua một cái xe mới, thế nhưng ở trong nước số tiền này là một gia tài không nhỏ, tương đương với bốn cây vàng. Và vì vậy tôi lại khâm phục Nguyễn Hữu Đang thêm một tầng nữa, khi toàn bộ gia tài của ông trong sổ tiết kiệm, công lao chắt chiu dành dụm bốn năm trời vốn vẹn được 4 triệu đồng (độ 250 đô la), ông đưa cả cho Phùng Cung để in thơ.

Tôi cho là Hoàng Cầm, Lê Đạt có thể nhận giải, dẫu cho giải chỉ là một, hai, năm, bảy triệu đồng, chứ đừng nói là tới 40 triệu đồng. Vẫn có thể nhận giải ngay cả khi nhà nước không chịu đưa ra một văn bản chính thức xin lỗi, với điều kiện là trong buổi lễ trao giải, dưới sự chứng kiến của nhiều người trong và ngoài văn giới, và nếu được phát biểu sau khi nhận giải, phải nghiêm trang xác định với mọi người hiện diện, về lời xin lỗi không đúng cách và quá muộn màng của nhà nước. Nếu chỉ im lặng nhận giải, tươi cười chụp hình đăng báo, trả lời phỏng vấn một cách chung chung cho qua chuyện, thì có lẽ tôi cần ghi lại đây bài thơ đã làm cho cuộc đời Lê Đạt có quá nhiều chông gai và lấm đoạn trường. Bởi vì bài thơ đó không chỉ đúng với ông Hồ, mà đúng với mọi người kể cả tác giả của nó là Lê Đạt:

*"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi  
Y như một cái bình vỡ  
Càng sống càng tòi  
Càng sống càng bé lại"*

Viết tới đây thì tôi có thể hiểu tại sao những người như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần và cả Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhiều sức sống mãnh liệt đến như vậy. Với một đất nước như Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua, họ sống không phải chỉ là sống, mà để làm nhân chứng kể cả vật chứng cho những điều ác đang khổng chế cái thiện. Họ càng sống dai, thì cái lỗi càng lộ. Họ càng tiêu tụy đau thương, thì rồi mới có ngày mọi người phải nhìn thấy cái ác và điều quái.

Nếu quả đúng như thế thì tôi cầu chúc cho Hữu Loan sống lâu trăm tuổi. Năm nay ông đã 91. Cách ông tự phỏng vấn, rồi tự trả lời cho biết ông còn rất minh mẫn, và nhìn trong hình ông còn khoẻ lắm. Trong tình hình này chín năm nữa mọi sự phải rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn con đen, như cách ông Đỗ Chu xin lỗi những người dính líu tới *Nhân văn*.

\*\*\*

**Phụ đính:**



## Lời mẹ dặn

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi  
Mẹ tôi thương con không lấy chồng  
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải  
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.  
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ  
Ngày ấy tôi mới lên năm  
Có lần tôi nói dối mẹ  
Hôm sau tưởng phải ăn đòn.  
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn  
Ôm tôi hôn lên mái tóc  
- Con ơi  
trước khi nhắm mắt  
Cha con dặn con suốt đời  
Phải làm một người chân thật.  
- Mẹ ơi, chân thật là gì?  
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt  
Con ơi một người chân thật  
Thấy vui muốn cười cứ cười  
Thấy buồn muốn khóc là khóc.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét.  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu  
Từ đấy người lớn hỏi tôi:  
- Bé ơi, Bé yêu ai nhất?  
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:  
- Bé yêu những người chân thật.  
Người lớn nhìn tôi không tin  
Cho tôi là con vẹt nhỏ  
Nhưng không ! những lời dặn đó  
In vào trí óc của tôi  
Như trang giấy trắng tuyết vờ  
In lên vết son đỏ chói  
Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi  
Đưa bé mồ côi thành nhà văn  
Nhưng lời mẹ dặn thưở lên năm  
Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ.  
Người làm xiếc đi giầy rất khó  
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn  
Đi trọn đời trên con đường chân thật.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu

Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giạt đi  
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

1957



## Say

*Rượu là bậc thiên tài tạo nên ảo tưởng (P.Q.)*

Tăm tằm tình bạn  
Chénh choáng tình đời  
Lúu lưỡi tình người  
Nôn nao thân phận ! ...

Chiều rách ta ngồi  
Lắc lư thuyền sóng  
Cái giường long mộng  
Một giòng sông trắng ...

Ta cũng Lý Bạch!  
Vồ trăng đáy sông  
Mạn thuyền vừa cúi  
Râu tóc bỗng lừng  
Mắm tôm, chanh, ớt ...  
Trăng ta vồ được  
Một mảnh ni lông !  
Ta hơn Lý Bạch  
Ta vồ được trăng  
Trăng ta đem gói  
Nào dôi nào lòng ...

Bên ta mỹ nữ

Mặt hoa che đàn  
Ta Bạch - cư - Dị !  
Khách bến Tầm Dương ...  
Tự mã Nghi Tàm  
Lệ đầm áo rách  
Câu thơ bị biếm  
Mềm môi ngậm tràn

Giai nhân ! Giai nhân !  
Mặt hoa ửng đỏ  
Vì cảm thơ ta  
Hay vì men lửa  
Nghiêng đàn tỳ bà  
Trăng rọi mặt hoa ...

Ta nhìn xuống mâm  
Lòng dỗi như vết ...  
Vùng trắng nhoe nhoét  
Một đồng tỳ bà !  
Ta nhìn giai nhân  
Té mụ nạ giòng  
Ta quen biết cũ  
Nghiêng đàn tỳ bà  
Té ra bát đĩa  
Tay gấp miệng và ...

Ha ha, ha ha !  
Cười đâu ta khóc ...  
Ta cười Lý Bạch  
Cười giòng sông trắng  
Cười Bạch Cư Dị  
Cười bến Tầm Dương  
Ta cười giai nhân  
Mặt hoa che đàn ...  
Ta cười thân ta  
*Thiên sinh ngã tài ...\**  
Mà ta vô ích  
Vô ích ! vô ích !  
Ta cười rượu xoàng  
Uống hoài vẫn tỉnh ! ...

### **Lá khổ sâm**

Ly rượu đòi Thượng đế ban cho tôi  
Quá buồn xin  
Tôi chỉ mới nhấp môi đã cạn  
Khi chén rượu đòi đã cạn  
Mà túi rỗng không  
Phải đứng lên và bước ra khỏi quán  
Nghĩa là



Phải nhắm thái dương mình nổ súng  
Hay xiết dây thòng lọng quanh cổ mình  
Và trở lên cuộc đời những câu thơ tuyệt mệnh  
Như những vết chàm xanh...  
Các anh tôi đó  
Mai-a và Ét-xê-nhin! (1)

Nhưng tôi chưa sống cho tròn nợ sống  
Tôi chưa yêu cho hết nợ tình yêu (2)  
Tôi phải lên rừng  
Hái lá khổ sâm (3)  
Tự mình cất lấy ly rượu sống...

Òi rượu khổ sâm đáng lắm!  
Đáng đến tận cùng nỗi đáng thế gian...

Bạn hữu thân thiết ơi!  
Xin đừng trách cứ tôi  
Sao trong câu thơ tôi cứ lẫn nhiều vị đắng  
Chỉ vì  
Tôi vừa ngâm ngợi câu thơ  
Vừa cạn chén rượu đời  
Cất bằng lá khổ sâm...

*(1) Hai nhà thơ lớn củ Liên bang Xô Viết. Cả hai đều tự sát. Mai-a-cốp-ski tự sát năm 1930, 37 tuổi. Anh nổ súng vào tim, để lại mấy vần thơ tuyệt mệnh:*

*"Chiếc thuyền tình mơ mộng thi ca  
Va phải mỏm đá ngầm dung tục  
Và tan nát..."*

*Ét-xê-nhin tự sát năm 1925, 30 tuổi. Anh tự sát với chiếc cà vạt, nhưng không buồn treo cổ mà buộc cà vạt vào cột lò sưởi, ngồi trên ghế tựa rồi thít cổ mà chết. Trước khi tự thít cổ, anh cắt máu ngón tay viết bài thơ tuyệt mệnh tám câu. Hai câu cuối cùng như vết thương đâm đĩa máu thi ca.*

*"Ở cuộc đời này chết chẳng có gì mới  
Nhưng sống cũng chẳng có gì mới hơn"*

*Hơn nửa thế kỷ qua vết thương thơ vẫn không sao lành được, ngày một nhức nhối hơn trong ký ức những người quyết sống và chết cho Thơ.*

*(2) Thơ Mai-a*

*(3) Một loại cây mọc hoang trên các vùng đồi núi trung du, lá cực đắng, được liệt vào cây thuốc Nam có biệt tài thải độc.*

## **Trái thơ**

Từ khi tôi biết em  
Tôi không còn được ngủ trọn đêm  
Cứ nửa đêm là tôi thức giấc  
Có một con chim gì mỏ rất sắc  
Nó đậu trong tóc tôi  
Nó mổ vừng-trán-trái-thơ chín mồm  
Tôi bàng hoàng thấp thỏm  
Sợ trái-thơ rụng trước bình minh  
Tôi vùng dậy  
Đốt đèn  
Tôi hái...

Từ khi tôi biết em  
Trái-thơ chín nhiều đến nỗi  
Mỗi đêm tôi thức giấc nhiều lần  
Đêm quên ngủ  
Ngày quên ăn  
Rượu như lửa tôi uống tràn thay nước (1)

Chắc chỉ một ngày gần đây  
Tôi sẽ ngã gục  
Dưới chân em  
Chết kiệt sức vì thơ!...

## **Tôi chỉ viết trên giấy có kẻ giòng**

Từ ngày mới tập viết  
Nay gần trọn đời văn  
Số chữ tôi đã viết  
Có thể phủ kín cồn Giã Viên...

Một niềm yêu tôi không đổi thay  
Một niềm tin tôi không thay đổi  
Viết trên giấy có kẻ giòng.

Là nhà văn  
Tôi đã viết suốt ba mươi năm  
Là chiến sĩ  
Tôi là xạ thủ cấp kiện tướng trung đoàn  
Tôi có thể viết như bắn  
Trên giấy không kẻ giòng  
Nhưng tôi vẫn viết trên giấy có kẻ giòng  
Như cái thuở vỡ lòng tập viết

Với nhiều người  
Giấy không kẻ giòng dễ viết đẹp  
Nhưng với tôi  
Không có gì đẹp hơn

Viết ngay và viết thẳng.

Là nhà văn  
Tôi yêu tha thiết  
Sự ngay thẳng tốt cùng  
Ngay thẳng thủy chung  
Của mỗi giòng chữ viết.

Nhưng là nhà văn và xạ thủ  
Tôi biết  
Khó vô cùng bắn trăm phát trúng cả trăm  
Và càng khó hơn  
Viết trọn một đời văn  
Giòng đầu thẳng ngay như giòng cuối  
Khi bàn tay đã đuối  
Khi tấm lòng đã mỏi  
Khi con mắt bớt trong  
Khi dũng khí đã nguội

Trang giấy có kẻ giòng  
Giúp các bé vỡ lòng  
Và nâng đỡ các nhà văn  
Viết ngay và viết thẳng  
Ngay thẳng thủy chung  
Từ giòng đầu đến giòng cuối!

\*\*\*



Nhân tin Nguyễn Hữu Đang vừa từ trần, Diễn Đàn lại nhắc tới nhà thơ Phùng Quán, một người bạn cố tri của cụ Đang.  
Năm xưa, có dịp gặp hai người ở một căn nhà nhỏ cạnh Hồ Tây, tôi được nghe PQ đọc bài thơ "Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe", lòng trào cảm xúc.  
Nhắc tới Phùng Quán, tưởng không thể quên bài thơ này. Đã đi với nhân dân / Thì thơ không thể khác / Dân máu lệ khôn cùng/ Thơ chết áo đắp mặt !

### **Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe**

Ngoài trời trăng như tuyết  
Trắng lạnh đến thấu xương  
Trong nhà vách trống toang  
Gió ra vào thoải thích...

Hồ khuya sương tĩnh mịch  
Trộn nước lẫn cùng trời  
Con đé chân bờ dậu  
Nỉ non hoài không thôi...

Tựa lưng ghé cành ôi  
Vai khoác áo bông sờn

Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ  
Vợ vừa nghe vừa đan...  
Đỗ Phủ tự Tử Mỹ  
Thường xưng già Thiếu Lăng  
Sinh ở miền đất Cửng  
Cách ta hơn ngàn năm  
Thơ viết chùng vụn trang  
Chín nghìn trang thất lạc  
Người đời sau thu nhặt  
Còn được hơn ngàn bài

Chỉ hơn ngàn bài thôi  
Nỗi đau đã Thái Sơn  
Nếu còn đủ vụn trang  
Trái đất này e chật !...

Thơ ai như thơ ông  
Lặng im mà găm thét  
Trang trang đều xé lòng  
Câu câu đều đẫm huyết...  
Thơ ai như thơ ông  
Mỗi chữ đều như róc  
Từ xương thịt cuộc đời  
Từ bi thương phần uất  
Thơ ai như thơ ông  
Kể chuyện mái nhà tốc  
Vác củi làm chuồng gà...  
Đọc lên trào nước mắt !

Giữa tuyết trong đò con  
Đỗ Phủ nằm chết đói  
Đắp mặt áo bông sồn  
Kéo hoài không kín gối.

Ngàn năm nay sông Tương  
Sóng còn nức nở mãi  
Khóc chuyện áo bông sồn  
Đắp mặt thơ chết đói !...

Giật mình trên tay vợ  
Bống nảy một hạt sương  
Hạt nữa rồi hạt nữa  
Tôi ghen dưng giữa trang.

Kéo áo bông che vai  
Ngồi lặng nghe sương rơi  
Con đế chân bờ dậu  
Nỉ non hoài không thôi !...

Vụng về...tôi dỡ vợ:  
Em ơi đừng buồn nữa

Qua rồi chuyện ngàn năm  
Bao nhiêu nước sông Tương...

Miệng nói nhưng lòng nghĩ:  
Ôi thân phận nhà thơ  
Khác nào thép không rỉ  
Ngàn năm cũng thế thôi !...

Đã đi với nhân dân  
Thì thơ không thể khác  
Dân máu lệ khốn cùng  
Thơ chết áo đắp mặt !

Em ơi, nếu Đỗ Phủ  
Vai khoác áo lông cừu  
Bụng no đến muốn mửa  
Viết sao nổi câu thơ  
Ngàn năm cháy như lửa:  
Cửa son rượu thịt ôi  
Ngoài đường xương chết buốt

Em ơi, nếu Tử Mỹ  
Nhà ở rộng mười gian  
Rào sắt với cổng son  
Thềm cao đá hoa lát  
Chắc ông không thể làm  
Mưa thu mái nhà tốc

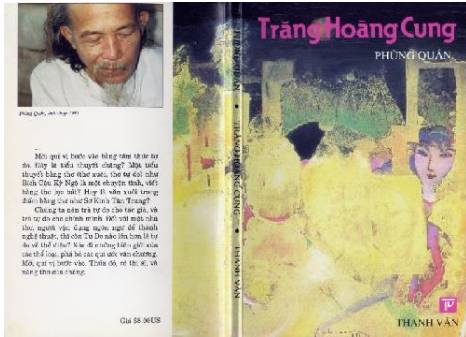
Em ơi, nếu Thiều Lăng  
Cặp kè vợ béo nứt  
Một bước là ngựa xe  
Đứng đi quân hầu chật  
Đời nào ông lắng nghe  
Tiếng gào và tiếng nấc  
Bà cụ xóm Thạch Hào  
Gái quê tân hôn biệt...

Đã đi với nhân dân  
Thì thơ không thể khác  
Dân máu lệ khốn cùng  
Thơ chết áo đắp mặt !

Chính vì thế em ơi  
Nhân loại ngàn năm qua  
Máu chảy như sông xiết  
Cũng là để cho Thơ  
Sẽ không còn phải viết  
Những Hành qua Bành Nha  
Vô gia Thuỳ Lão biệt...  
Cũng là để cho Thơ  
Sẽ không còn phải chết

Giữa tuyết, trong đò con...  
Đắp mặt áo bông sồn.

Đừng buồn nữa em ơi  
Chuyện ngàn năm...ngàn năm



## Phùng Quán, vịn vào thơ mà đứng dậy Nguyễn Mạnh Trinh

Phùng Quán, một khuôn mẫu đời trong một xã hội nhiều biến động. Thuở nhỏ, trải qua “Tuổi thơ dữ dội”, viết “Vượt Côn Đảo,” tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, tiếp theo là chuỗi ngày trường thành gian nan, mà ông thường tự kể “ba mươi năm, cá trộm, rượu chùi, vắn chui.” Bị cấm viết mà vẫn nặng nghiệp cầm bút, viết bằng hàng chục bút hiệu, viết đề mà cố gắng sống còn. Cái đòn thù cơm áo mà Đảng và những tay lãnh đạo văn nghệ tuy độc hại nhưng không làm sồn lòng. Làm thơ, viết văn, như một cách thể trả nợ đời. Và, lúc nào, cũng thẳng lưng:

“Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã...”

Những lúc buồn nản, hoặc tâm tư bị nhiễu xạ trộn của đời sống, tôi lại nghĩ đến câu thơ Phùng Quán :

“Có những phút ngã lòng.  
Tôi vịn câu thơ và đứng dậy...”

Không biết ngôn ngữ thi ca có chất an thần hay không, nhưng lúc ấy, tôi thấy làm thơ hay đọc thơ, đã làm tôi thoải mái khá nhiều. Thơ như một phương thức buông xả, để thấy mọi chuyện trên đời sẽ nhỏ bé biết bao so với cái không gian bao la thăm thẳm của thơ và tâm hồn sẽ nhẹ nhàng triệt tiêu đi cái sức ngàn cân đè nặng. Cứ thử tưởng tượng, con người sẽ bị bào mòn đến rã rời từ thể xác đến tinh thần biết bao nhiêu với nhịp sống quay cuồng ào ào đến chóng mặt hiện nay. Một tuần, bắt đầu một ngày thứ Hai rồi chấm dứt một ngày cuối tuần, vụt qua chớp mắt. Thấm thoát mà hơn hai mươi năm ở xứ người, ngoảnh lại chỉ là một thoáng. Thơ, với tôi, là khuôn trời biển, cho cánh diều bay lên tận trời xanh. Thơ, là cơn gió mát mùa Hạ từ ngoài khơi thổi về mang theo hương vị của muối biển và rong rêu xa lạ. Có những khi ngã lòng, có lẽ tôi cũng phải vịn vào những vần lục bát, những câu bảy chữ, tám chữ thật? Bởi, nếu không có thơ, cuộc

sống tôi vô vị xiết bao!...

Yêu thơ, cũng có nhiều người rất yêu, nhưng có khi, chỉ là thái độ của người “cưỡi ngựa thường hoa” mà thôi. Yêu thơ, để sống chết với thơ như Phùng Quán khá hiếm. Những câu thơ, viết ra với tâm trạng cực kỳ chân thành với chính mình, không ngờ là mầm mống cho những tai họa khôn nguôi cho một cuộc đời. Tôi nghĩ đến câu nói của Tố Hữu khi nói về đứa cháu của mình “Quán nó dại và tôi cũng... dại” lúc bị mất hết quyền hành và nghĩ lại về những việc làm đã qua. Vì thơ, mà Phùng Quán bị biết bao nhiêu đòn thù giáng xuống của một chế độ độc đoán không thích những người có lòng trung thực.

Thực ra, tôi đọc Phùng Quán không nhiều. Tiểu thuyết “Vượt Côn Đảo” tôi chưa được đọc. Chỉ có vài bài viết trên tạp chí Sông Hương và Cửa Việt, nhưng làm tôi xúc động, như bài viết về Nguyễn Hữu Đang hay kể lại cuộc xông đất đầu năm với Tố Hữu. Cũng như những bài thơ của Nhân Văn Giai Phẩm thuở nào...

Gần đây, tôi đọc “Trăng Hoàng Cung,” một cuốn sách kỳ lạ trong một tâm trạng cũng khá kỳ lạ. Cuốn sách được in ở hải ngoại như một cách thổ lộ tâm sự của người trong nước. Một cuốn sách mỏng nhưng chất chứa nhiều nỗi niềm của một người chịu nhiều dông bão của cuộc sống.

Tôi nghĩ một cách chủ quan, tác giả đã viết với tâm đắc của mình. Ông không để ý đến thể loại. Gọi là tùy bút cũng được, mà thơ văn xuôi cũng không sai. Nhưng rõ rệt một điều, những trang sách đậm chất thơ và là những cảm nhận khá sâu sắc và chân thành về nghệ thuật. Nhân vật, dù chỉ là thi sĩ và nàng thơ, cũng chỉ là những biểu tượng. Có khi, thi sĩ không phải là Phùng Quán, mà là một khuôn dáng của tổng hợp giữa tưởng tượng và hiện thực. Và có thể không có thực trên cõi đời này. Còn nàng thơ, có phảng phất bóng dáng của một tôn nữ miền sông Hương, núi Ngự. Biết đâu, chỉ là biểu tượng của ý nghĩ tạo hình thành.

Phùng Quán là người đã viết những câu thơ, của một thời Nhân Văn Giai Phẩm, với tâm huyết dồn lên đầu ngọn bút:

“Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu”

Hoặc, với phong cách của một chiến sĩ, như lời khai từ của “Trăng Hoàng Cung”:

“Hai mươi mốt tuổi, tôi, người lính chiến bước thẳng vào làng Văn với cuốn tiểu thuyết đầu tay kể chuyện những người vượt ngục thất bại. Ngay sau đó tôi được coi là nhà văn. Nhưng với tôi thơ là tất cả. Thơ là mạng sống, là lý lịch đời tôi... tôi dương thơ như ngày nào ngoài mặt trận dương lưôi lê đánh giáp lá cà với thói dối trá, đạo đức giả, tệ nạn quan liêu, lãng phí, bòn rút, ăn cắp của công - tuy ngày đó mới manh nha, nhưng tôi đã dự cảm sẽ là hiểm họa to lớn đang rình phục nhân dân tôi...”

Thơ ông viết ra, đã phải trả giá đắt cho cuộc sống mình. Ba mươi năm của tuổi trẻ thanh xuân sẽ tươi đẹp xiết bao, nhưng vì án văn tự mà ngược lại thành đầy đầy những cơn ác mộng. Toàn là vùi dập đầy ải và dồn đến ngõ đường cùng của kiếp sống. Người cảm

bút mà bị bắt buộc bê bút, sinh kế gia đình bị bao vây khiến có lúc ông đã phẫn nộ thốt lên ông sống được là nhờ văn chui, rượu chui, cá trộm,... Văn chui bởi vì viết ra ký tên thật không chỗ nào dám đăng, phải mượn tên người khác để có chút nhuận bút còm cảm hơi. Rượu chui, uống để thay cho những cay đắng của cuộc đời, uống dù chẳng đủ tiền mua. Cá trộm, ở những ao hồ chung quanh thành phố Hà Nội, phải luôn luôn coi chừng những con mắt rình mò của các “ông” công an. Sinh kế cùng cực đến thế mà thơ vẫn bay bổng, âm áp trong hồn. Thơ như chứa thành lấm, thành kho, miên man bất tận. Những nguồn suối, cội sông thi ca dường muốn hội tụ về biển mẹ bao la.

Nhưng cũng có lúc, thơ không làm được nữa. Thơ dù lao động khổ nhọc vẫn không thành hình. Thi sĩ phải lên rừng đào mạch thơ giữa thiên nhiên. Sống khổ hạnh, mọi vật dụng giản đơn thô sơ như người tiền sử ông quyết đi tìm lại chính cuộc sống mình. Bên cạnh suối Linh Nham ồn ào tiếng nói của thiên nhiên nhưng vắng bật âm thanh con người, ông một mình một bóng sống và tìm kiếm. Tự đào một huyệt đá cho mình, nguyện nếu không tìm được thơ sẽ chôn mình ở đó. Trong ba năm, chỉ làm được một bài thơ duy nhất.

“Tôi phải lên rừng  
Hái lá khổ sâm  
Tự mình cất lấy ly rượu uống  
Ồi rượu khổ sâm đắng lấm!  
Đắng đến tận cùng nỗi đắng thế gian  
Bạn hữu thân thiết ơi!  
Xin đừng trách cứ tôi  
Sao trong thơ tôi cứ lẫn nhiều vị đắng  
Chỉ vì  
Tôi vừa ngâm ngợi câu thơ  
Vừa cạn chén rượu đời  
Cất bằng lá khổ sâm...”

Chàng thi sĩ trở về lại xứ Huế để bắt đầu một cuộc tình. Tình yêu có hai mặt. Bên ngoài là vẻ hào nhoáng lãng mạn, nhưng bên trong là nỗi đau thăm thẳm của đời thường. Thực tế là cuộc tình của anh chàng Trương Chi và nàng công chúa My Nương ngày xưa. Dù chàng thi sĩ làm thơ nhưng cũng không mang cái nét nghệ sĩ để làm nàng xiêu lòng.

Với thi sĩ, bút đòi mực, mực đòi giấy, giấy đòi thơ, chàng vẫn một mực chân thành với chính ý nghĩ mình:

“Với nhiều người giấy không kẻ dòng để viết đẹp  
Nhưng với tôi  
Không có gì đẹp hơn  
Viết ngay viết thẳng  
Là nhà văn  
Tôi yêu tha thiết  
Sự ngay thẳng tốt cùng  
Ngay thẳng thủy chung  
Của mỗi dòng chữ viết...”

Làm gì có cuộc tình đẹp giữa hai người cách biệt như thế. Dù bao nhiêu ghẻ lạnh, dù bao nhiêu đười xua, những bài thơ là chứng từ của cuộc tình đơn phương lãng mạn.



Phùng Quán làm thơ như chàng nghệ sĩ đánh cá ngày xưa mượn tiếng hát để ngỏ thật lòng mình. Nhưng rốt cuộc chỉ là ảo ảnh tan loãng vào đáy cốc. Thiên đường chỉ là tưởng tượng. Trăng hoàng cung, như một biểu tượng. Rồi cũng tan loãng hư vô. Vàng trăng mà chàng thi sĩ tôn thờ đã bị lấm bẩn. Không còn của riêng chàng, mà đã qua tay nhiều kẻ. Trăng không còn trong huyền thoại và chàng thi sĩ khóc:

“Tôi khóc niềm tin yêu nát tan  
Tôi khóc ngai vàng mộng tưởng  
Tôi khóc Trăng Hoàng Cung bị lấm bẩn  
Tôi khóc không biết lấy gì để gột sạch trăng...”

Tôi nghĩ Phùng Quán không chủ tâm kể một chuyện tình. Mà đó chỉ là một cái cớ. Chẳng lẽ ông viết lại một chuyện tình như Trương Chi -My Nương sao? Ông muốn ví von gì với những bài thơ viết không phải với dụng ý tỏ tình? Những câu thơ như muốn bày tỏ một ý hướng nào khác hơn mà thi sĩ muốn bày tỏ. Không hiểu tôi có nghĩ xa hơn những dòng chữ viết không?

“Trên vực thăm vô cùng của hạnh phúc  
Tôi bỗng thấy mình đang đứng quá cheo leo...”

Trăng Hoàng Cung có những nét đẹp trong sự mâu thuẫn. Những câu thơ rất thực, của một chiến sĩ kiên cường. Nhưng cũng có những điều lãng mạn của một người nghệ sĩ biết yêu, dám yêu và sống chết với yêu. Hình như Phùng Quán có ý định viết một trường thi thì phải? Trăng Hoàng Cung có rất nhiều câu thơ tâm đắc của một đời người cầm bút. Biểu tượng vàng trăng của Tử Cầm Thành với người đẹp sông Hương kiều sa có liên hệ gì với thi ca, với quãng đường nhọc nhằn sáng tạo. Hạnh phúc, có khi là sợi khói mơ hồ, rồi sẽ tan loãng khi nắng mặt trời lên. Hạnh phúc, có lẽ nào chỉ trong mộng ảo và chẳng có ở đời thường?

Cho nên tôi cũng chẳng bận tâm khi gọi cuốn sách này là thơ, tiểu thuyết hay tùy bút. Ngôn ngữ đâu cần tách bạch như thế. Tôi chỉ biết mình đang lạc lối trong một không gian, thời gian đầy ắp chất thơ. Và, những ấn tượng mạnh mẽ nhất vẫn là thái độ chân thực với mình, với người của một nghệ sĩ. Không phải “Trăng Hoàng Cung” chỉ có hai nhân vật thi sĩ và nàng thơ. Mà còn có chúng ta, những nhân vật của trường thi cuộc đời đang chia sẻ nỗi niềm với một người luôn băn khoăn tìm cái đẹp vô cùng miên viễn của nghệ thuật sáng tạo...

\*\*\*

## Phụ đính II

### Nhật ký về Phùng Quán Viên Linh

*14 tháng 1, 1997 - Bốn mươi năm trước, báo Văn xuất bản tại Hà Nội, số 21 ra ngày 27 tháng 9, 1957, có đăng bài thơ Lời Mẹ Dặn của Phùng Quán. Bút giấy tôi ai cướp giạt đi - Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.*

Hai câu thơ ấy như một tuyên ngôn của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Người viết tuyên ngôn lúc ấy mới 25 tuổi. Sau đó là tù đày, và ròng rã ba mươi năm sống như ngoi trên mặt nước, chỉ đủ sức để nhô lên để khỏi cái chết ngạt.

Hai năm trước, vào tháng này - 5 giờ chiều Thứ Bảy, 21 tháng 1 năm 1995, Phùng Quán từ trần tại Hà Nội. Trưa Thứ Ba, 24 tháng 1, trên 500 người đưa anh về an táng tại quê vợ ở Ô Cầu Giấy, đi trên hơn 10 chiếc xe vận tải, xe buýt, với 70 vòng hoa. Có mặt khi hạ huyệt là các nhà văn Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Lê Đạt, những người bạn từ thời Giai Phẩm. Nguyễn Hữu Hiệu không về được mặc dù từ năm 1978, Hiệu đã kết nghĩa huynh đệ với Phùng Quán, mặc dù năm 1993, anh Phùng Quán đã cùng vợ chồng Hiệu về Đồng Văn thăm mộ thầy chúng tôi, trước khi Hiệu lo việc táng mộ.

Đời Phùng Quán có nhiều số 1. Anh ra đời tại xã Thủy Dương, thành phố Huế, trong tháng 1 năm 1932, đến tháng 1 năm 1946 gia nhập Vệ Quốc Đoàn, khi mới 13 tuổi. Sau đó chuyển qua làm trinh sát Trung Đoàn 101. Vào năm 1970 anh gửi truyện ngắn nhan đề “Như Con Cò Vàng Trong Cổ Tích” dự cuộc thi viết truyện ngắn do hãng APN Liên Xô tổ chức và được trao giải nhất. Cũng vào tháng 1, đúng hai năm trước đây, anh lia đời.

Thuở Nhân Văn, Giai Phẩm, bài Phùng Quán được anh em trong nhóm gọi là bom nguyên tử. Khi phong trào bị trừ dập, tác giả bài “Thơ Cái Chối” chống tham ô lãng phí đi tù. Sau khi ở tù ra, cũng không được chính thức cầm bút trở lại, do đó anh đã phải viết kiếm sống dưới 30 bút hiệu khác nhau. Nhưng đối với anh, thơ vẫn là chốn trú ẩn cuối cùng: “Thơ là mạng sống, là lý lịch đời tôi.” Hay “có những lúc ngã lòng, tôi vịn thơ mà đứng dậy.”

Căn nhà nhỏ anh chị Phùng Quán-Vũ Bội Trâm ở vốn trước kia là cái chuồng ngựa, số 10 đường Thụy Khuê, trước Hồ Tây, trong khuôn viên trường Chu Văn An. Anh gọi nhà anh là Chòi Ngắm Sóng. Đời sống nhà thơ đã được kể lại phần nào trong bài “30 Năm Cá Trộm, Rượu Nợ, Văn Chui,” thơ hơn là trong bài “Đêm Nghi Tàm Đọc Đỗ Phủ Cho Vợ Nghe.” Anh nói về thơ Đỗ Phủ mà như nói về thơ mình:

Đỗ Phủ tự Từ Mỹ  
Thường xưng già Thiếu Lăng  
Sinh ở miền Đất Cứng  
Cách ta hơn ngàn năm

Thơ ai như thơ ông  
Lặng im mà găm thét  
Trang trang đều xé lòng  
Câu câu đều đầm huyết.

Thơ ai như thơ ông  
Kể chuyện mái nhà tóc  
Vác củi làm chuồng gà  
Đọc lên trào nước mắt!

Thơ ai như thơ ông  
Mỗi chữ đều như róc  
Từ xương thịt cuộc đời  
Từ bi thương phần uất!  
(1969)

Trực tiếp hơn, Phùng Quán nói về mình:

Là nhà văn  
Tôi đã viết suốt ba mươi năm  
Là chiến sĩ  
Tôi là xạ thủ cấp kiện tướng trung đoàn  
Tôi có thể viết như bắn!  
Trên giấy không kẻ dòng  
Nhưng tôi vẫn viết trên giấy có dòng  
Như cái thuở vỡ lòng tập viết.  
Vớ nhiều người  
Giấy không kẻ dòng  
Để viết đẹp  
Nhưng vớ tôi  
Không có gì đẹp hơn  
Viết ngay và viết thẳng.

Và đây là tuyên ngôn thời 70, khi Phùng Quán làm bài “Dịch Thơ Essenhin.” (Theo chú thích của tác giả, Essenhin thất cổ tự tử năm 30 tuổi, vào năm 1925; trước khi chết cắt máu ngón tay viết hai câu tuyệt mệnh: “Ở cuộc đời này chết chẳng có gì mới. Nhưng sống cũng chẳng có gì mới hơn!” Cũng vẫn theo Phùng Quán, nhà thơ Mai-a (Vladimir Mayakovsky) tin rằng Essenhin chết vì tuyệt vọng - song sau đó chính Mai-a cũng tự sát chết năm 37 tuổi. Phùng Quán làm bài “Dịch Thơ Essenhin” như sau, và theo tôi, bài này là một tuyên ngôn nữa của Phùng Quán:

Cả triệu người, nửa thế kỷ qua  
Trong đó có cả Mai-a  
Đều tin Essenhin tự sát vì tuyệt vọng  
Nhưng tôi không tin, tôi biết  
Vì sao Essenhin tự giết

Khi anh thấy thơ không đủ sức mạnh  
Để tiêu diệt cái cũ  
Anh phải lấy máu anh, hồn anh, thân xác thiên tài của anh  
Đúc chiếc chuông-thơ-cảnh-tĩnh  
Sống là phải mới không ngừng  
Nếu không  
Thì cả thơ và đất nước đứng trên bờ vực chết!  
(Dịch thơ Essenhin, 1970)

Năm 1950, rời bỏ nơi chôn rau cắt rốn, ga Đồng Văn lên Hà Nội trọ học, không phải tôi chỉ rời bỏ quê làng, mà không biết rằng từ lúc đó con đã bỏ lại mộ thầy. Đã 47 năm qua, (tới 1997) chưa một lần bái mộ, cho nên khi nhìn thấy tấm hình anh Phùng Quán ngồi nhỏ cổ đại trước mộ phụ thân mình, tôi đã kim dòng lệ, không cho các em tôi biết. Chưa kịp viết thư cảm ơn anh, anh đã qua đời. Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét, hai câu thơ ấy cũng là châm ngôn. Bài thơ “Lời Mẹ Dặn” của anh nói theo cách nói của Lê Quý Đôn - đáng gọi là Bài Châm Bên Minh. Anh viết châm cho người, thật ra cũng là viết châm cho mình:

Là nhà văn và xạ thủ  
Tôi biết  
Khó vô cùng bắn trăm phát trúng cả trăm

Nhưng càng khó hơn  
Viết trọn một đời văn  
Dòng đầu thẳng ngay như dòng cuối.  
(Tôi Thích Viết Trên Giấy Có Kẻ Dòng, 1984)

(Để nói rõ hơn vì sao có việc gặp gỡ giữa nhà thơ Phùng Quán và dịch giả Nguyễn Hữu Hiệu, nguyên trưởng ban Tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, người viết bài này xin trích vài đoạn thư Phùng Quán gửi Nguyễn Hữu Hiệu)

Hà Nội, sáng 25 tháng 2 (1978) - Hiệu biết không, vào tháng 8 năm 1975, mình đã nằm ngủ ở cái giường mà Hiệu đã ngủ rồi đó. Hồi đó mình vào Vạn Hạnh thăm Thượng Tọa (Minh Châu), gặp Chân Nguyên, Chân Hạnh Nhiều buổi trưa, đêm, mình nằm ngủ trên cái giường thoáng mùi ẩm mốc đó, tò mò đọc những giấy tờ rơi vãi Hiệu để lại. Và trong những ngày đó, mình đọc những lời bạt của Hiệu viết về Đốt. (Dostoievsky), bản dịch Vĩnh Biệt Tình Em (Dr. Jivago của Boris Pasternak), những trang thơ Jivago Hiệu dịch. Chơn Nguyên còn cho mình một bản Bác Sĩ Jivago, có nhiều chỗ sửa chữa của Hiệu, chuẩn bị cho một bản dịch mới. Bản sách này mất mấy chục trang cuối, hiện nay mình còn giữ  
Mình quê ở Huế, năm nay đã 46 tuổi.

Chòi Ngắm Sóng 2 giờ sáng ngày 31 tháng 9, 1990 - Hai hôm nay Hà Nội mưa tầm tã, mình ngồi trên Chòi Ngắm Sóng nhìn Hồ Tây phủ mưa, nghĩ đến Hiệu 15 năm trôi qua - cuốn sách (Jivago) mình vẫn còn giữ trong tủ sách của mình. Cách đây hai năm Jivago được Hà Nội in. Cuộc sống của mấy anh em chúng mình ở đây (Trần Dần, Văn Cao, Hoàng Cầm) không còn cam go như cái hồi 56, 57... Nhưng những ngày đó chính là những ngày sống đẹp nhất, trọn vẹn nhất của mấy anh em.  
Hồ Tây sáng sớm, đầy gió 24 tháng 11, 1993  
Hai em Dung Hiệu và cháu Siêu Việt

Anh gửi kèm theo đây tờ báo Pháp Luật đăng bài phản ứng về việc phá bỏ núi Giã Sơn - Cảnh tượng rất hoang tàn - Hai em nhìn thấy chắc phải khóc.  
Anh đã gặp T.T. cho biết đã về Đòng Văn gửi tiền cho ông chú xây mộ cho cụ ý- Trong tuần sắp đến T. sẽ về tận nơi xem xét và sẽ chụp ảnh gửi sang cho hai em yên tâm."  
Bài thơ sau đây là một trong những di cảo của Phùng Quán để lại:

Mời bạn

Tôi muốn mời bạn đến thăm nhà tôi  
Bạn thích đến lúc nào tùy bạn  
Cửa nhà tôi bốn mùa mở rộng  
Chim trời  
Thánh hiền  
Du đãng  
Bước qua ngưỡng cửa nhà tôi đều là thượng khách [à]

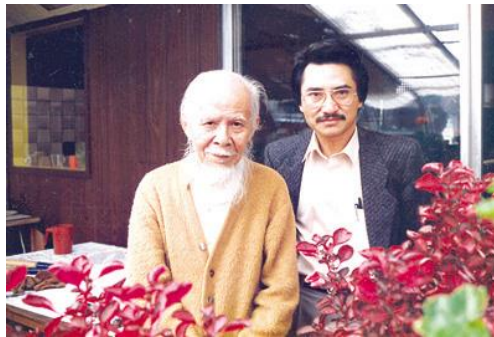
Vĩ nhân  
Anh hùng  
Người đẹp  
Những người từng khuynh đảo thế gian  
Đều trở thành tro bụi  
Chỉ có thiên nhiên

Rượu  
Thơ  
Tình bạn  
Là bất tử.

(Phùng Quán, Hồ Tây sáng sương mù)

## Học giả Hoàng Văn Chí, người phát giác vụ 'Nhân Văn - Giai Phẩm' cuối thập niên '50 Viên Linh

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam hơn nửa thế kỷ nay, từ 1959 tới nay, 2010, bảy chữ Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc, nhan đề của cuốn sách, hay cụm từ Vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, luôn luôn là đề tài nóng hổi của sách báo, của truyền thông các giới, vì nó không những bao hàm cuộc tranh đấu sinh tử - nhiều kẻ chết và nhiều kẻ tự tử - và hàng trăm gia đình văn nghệ sĩ trí thức bị tù đày, hành hạ; nó còn kéo dài tới các thế hệ sau bằng những cuốn hồi ký, tự phê, thật bẽ bàng cho nhân phẩm, đáng xấu hổ cho giới văn hóa liên hệ Những chữ ấy đều hiện ra lần đầu tiên và tồn tại, từ cuốn sách của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản tại Sài Gòn cuối thập niên '50.



*Học giả “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc” Hoàng Văn Chí (trái) và tác giả Viên Linh tại Hoàng Môn, Maryland, vài năm trước khi cụ Hoàng từ trần, 6 tháng 7. 1988. Ảnh do Nguyễn Hữu Hiệu chụp.*

### Tiểu truyện Hoàng Văn Chí

Cuối thập niên '70 tại vùng tam biên Washington, D.C. - Maryland - Virginia, nổi bật hình ảnh hai lão trượng râu bạc như cước, mảnh mai, điềm nhiên thanh thần, người lúc nào cũng cầm trong tay một cái tẩu thuốc màu gụ, kẻ tươi cười hỏi han các thanh niên, phụ nữ dù quen thuộc hay không; đó là học giả Hoàng Văn Chí còn đang làm việc tại bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và nhà thơ họa sĩ Trương Cam Khải, cư ngụ trong ngôi nhà có vườn tược xanh um, thoải mái từ sân trước xuống tháp dần vào thung lũng sân sau. Hội hè nào có hai bóng dáng ấy là hiện ra vẻ văn hiến và phong thái của một cộng đồng lễ nghi trật tự hiếm hoi trong những năm đầu của di tản, của tị nạn cộng sản. Đằm ấm hơn nữa, lễ nghi hơn nữa khi có thêm những nhân vật văn hóa khác, như các cụ Trần Công Kiên và nữ sĩ Song Khê, em ruột bà Tương Phố, ông Trần Văn Kiện, dòng dõi học giả dịch giả Trần Văn Giáp, tác giả “Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam.” Ấy là

không kể tới những quan lại của các triều đình cũ từng phục vụ tại Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở thủ đô Hoa Kỳ, còn sinh sống trong vùng nhiệm sở.

Khi được gặp tác giả “Trăm Hoa,” cũng như của “Từ Thực Dân đến Cộng Sản” đã được dịch ra 12 thứ tiếng, kẻ hậu sinh nào không ngưỡng mộ? Không những thế, từ con người ấy toát ra một phong thái uyên áo, những nhận xét sắc bén kèm theo các thí dụ cụ thể. Được gặp cụ đôi lần, sau này đi định cư xa thì cụ nhắn “khi nào về thăm vùng D.C., ông nhớ ghé tôi.” Tôi có ghé thăm cụ trong ngôi nhà Hoàng Môn ở Maryland, dường như chỉ hai hay ba năm trước khi cụ qua đời, tháng 7, 1988. Ngôi nhà mơn mớn hoa đào hồng phấn, một thứ hoa mà Nguyễn Hữu Hiệu nói rằng không ở đâu có: “Lá thì đỏ, hoa màu phấn hồng.” Hiệu từng được cụ ghi lời cảm ơn trên sách, cùng vài người khác, vì Hiệu đã giúp cụ dịch Phạn ngữ (Sanskrit) trong cuốn “Duy Văn Sử Quan” xuất bản sau này; hay trên những văn bản khác. Hồng Phấn, tên đọc lên nghe tựa tựa khuê danh của cụ bà, Hằng Phấn. Cụ bà không bệnh tật gì, đã lẳng lẳng theo chồng nghe nói trong vòng năm bảy tháng. Tôi cũng được gặp hai cụ đôi ba lần trước khi dời qua California.

Nhắc đến học giả Hoàng Văn Chí, người ta có nhiều điều để chiêm nghiệm, nhiều điều để kể cho nhau nghe; ngay cả về cụ bà, [\* một trong ba con gái của danh sĩ Sở Cuồng Lê Dư, chiến sĩ Đông Du qua Nhật năm 1905 và sau đó và qua Tàu, ông cùng hoạt động với Nguyễn Bá Trác, bình bút các báo Nam Phong, Hữu Thanh. Hai bà kia một người có làm thơ ký tên thật là Hằng Phấn, vợ của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, một lấy Tướng Nguyễn Sơn, do Hữu Loan mai mối.] Điều cụ Hoàng làm tôi phải lắng nghe chăm chú lần thứ nhất là khi cụ nói về “giới truyền thông Hoa Kỳ, tay sai của Do Thái.” Lúc ấy khoảng 1980.

Cụ Hoàng Văn Chí nói, tôi không thể nào nhớ hết và nhớ đúng từng chữ, đã 30 năm qua: “Tuyên thông Mỹ, các đài ABC, nằm trong tay Do Thái. Tài phiệt Do Thái chi phối dư luận theo quyền lợi của họ.” Lúc ấy nghe thế, người nào không ngạc nhiên. “Mấy tờ nhật báo lớn ở Mỹ nằm trong tay Do Thái. The New York Times của Do Thái. The Washington Post của Do Thái. Ba anh lính ở Do Thái bị Ả Rập bắn chết nó dăng 3 cột, hàng trăm người Việt vượt biên chết đuối ngoài biển họ không loán một dòng.” Điều này khiến tôi như bưng tỉnh. Quả thật khi nghe tin hải tặc Biển Đông chặn tàu vượt biển, cướp bóc hãm hiếp đồng bào phụ nữ ta, tôi đã có tìm tin ấy trên tờ Washington Post; không thấy một dòng. đành chỉ căn cứ vào tin báo Việt, vào tin loan truyền trong đám dân tị nạn như mình.

“Nhân loại khổ vì Do Thái, cụ Hoàng Văn Chí nói. Không phải là không có những người Do Thái tốt, như ông Giê-Su là Do Thái, ông rao giảng thuyết bác ái cho loài người từ gần hai ngàn năm nay. Nhưng Karx Marc là Do Thái, thuyết Duy Vật của lão đã giết hại hàng trăm triệu người qua chủ nghĩa Mac-xít. Marx đã sinh ra Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pot Bọn này đã giết biết bao người vô tội?”

Lúc ở Sài Gòn, tôi đã có cuốn Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc của cụ, bản giấy láng, khổ lớn, do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa (hình như do ông Lý Trung Dung đứng đầu?) tái bản. Bản in lần đầu nhỏ hơn, ký tên Mạc Đình. Nay trực tiếp gặp tác giả, nghe chuyện tác giả, tôi đã tìm hiểu về tác giả Hoàng Văn Chí nhiều hơn.

Ông Hoàng Văn Chí sinh ngày 1 tháng 10, 1913 tại Thanh Hóa; khi ra Hà Nội học trường Trung Học Albert Sarraut (1928-1935), và đậu Cử nhân Khoa Học tại Đại Học Đông Dương (1940). Bút hiệu Mạc Đình. Năm 1940 kết hôn với bà Lê Hằng Phấn, ái nữ Sở Cuồng Lê Dư, có ba người con: một trai hai gái.

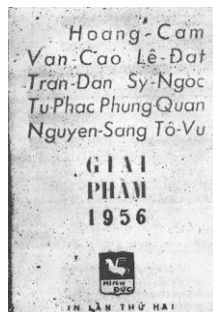
Lúc còn niên thiếu đã tham gia bãi khóa (1926), vào phong trào “Le Travail” (1936); hoạt động trong đảng Xã Hội SF10 (1937-39). Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1946, chính thức hoạt động với chính quyền Việt Minh (1949-53) với tư cách chuyên

viên phụ trách đúc tiền, làm giấy in bạc, chế tạo hóa chất cho quốc phòng, thiết lập hệ thống thủy điện. Năm 1954 ông bỏ kháng chiến trở về thành.

Sau Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, ông di cư vào Nam (1955); cộng tác với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, làm phó lãnh sự tại Tân Đê Li Ấn Độ (1959-60). Tự ý dời khỏi Ấn Độ (tháng 2, 1960) qua Âu Châu lưu trú tại Pháp (1960-65) bắt đầu viết sách và hoạt động văn hóa. Sang Mỹ từ năm 1965, theo lời mời của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Tác giả các cuốn sách: “Phật Rơi Lệ,” 1956 - “Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc,” 1959 - “The New Class in North Vietnam” - “The Nhân Văn Affair” - “From Colonialism to Communism” (1964). Đóng góp tài liệu hoặc bài viết trong các cuốn sách: “North Vietnam Today”, “Vietnam Seen From East and West.”

Nghiên cứu và sưu khảo các tài liệu về chính trị, văn hóa, triết lý cổ kim, Đông Tây với tham vọng đưa ra trong một cuốn sách, tổng nhận định về bước tiến hóa của nhân loại, dẫn đến một học thuyết mới, khả dĩ hướng dẫn được chúng ta trong tiến trình kiến quốc và hưng quốc. Cuốn sách này được thực hiện mang tựa đề: “Duy Văn Sử Quan” với chương XXI đang viết dở dang 1988, thì tác giả từ trần. Công việc đã từng làm: Biên tập viên Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) chuyên bình luận về Bắc Việt (1965-69), Giảng viên về Văn hóa và Triết học cho cơ quan Phát Triển Quốc Tế (USAID), cho các lớp huấn luyện ngoại giao, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và một số trường đại học Hoa Kỳ (1970-79). Thuyết trình với các giới thanh niên dưới hình thức thuyết giảng, hội đàm, mạn đàm về các đề tài văn hóa, giáo dục tại nhiều nơi ở Mỹ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi trong nhiều năm liên tiếp. Thuyết trình trước “Hội nghị bàn về vấn đề hòa đàm Paris 1973 về Việt Nam” tại Paris, Pháp (1987). Từ trần ngày 6 tháng 7 năm 1988 tại Maryland Hoa Kỳ, thọ 75 tuổi.

*Bìa một tờ Giai Phẩm.*



### **“Trăm hoa đua nở trên đất Bắc”**

Cuốn sách này được in đi in lại nhiều lần, song không lần nào được hoàn chỉnh bằng lần in thứ nhất tại Sài Gòn, khổ lớn, giấy mịn, dày gần 400 trang. Nội dung cuốn sách là lịch sử cuộc nổi dậy của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ở miền Bắc vĩ tuyến 17 chống chính sách chỉ huy văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Khi đề cập tới một nhà văn, một nhà thơ hay một nghệ sĩ sáng tác ca khúc, hội họa, nhà biên khảo Hoàng Văn Chí đều cung cấp một tiểu sử tuy ngắn gọn nhưng chính xác. Kèm theo là hình ảnh, hoặc tờ báo, hoặc bia sách, hoặc chân dung người được nói đến. Trang báo này không đủ để nói về cuốn sách, nhưng xin in lại những đoạn hay nhất trong Lời Tựa. Chỉ trong vài trăm chữ, chúng ta đã có thể biết phẩm chất của công việc mà học giả Hoàng Văn Chí thực hiện, ít ra là cho cuốn sách đang được nói đến:

“Trăm hoa đua nở, Trăm nhà (1) đua tiếng” là dịch nôm câu chữ Hán: “Bách hoa tề phóng, Bách gia tranh minh,” trong cổ văn. Đây là một câu mà học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiếu nền văn học cổ điển Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ III trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học, Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu Châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu lịch sử văn hóa Á Đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hóa đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á Đông, đã ví nền văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tưới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tụt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời. (2)

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: Tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, Trăm Hoa lại Đua Nở, mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Chú thích:

*[\*] Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tần Thủy Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép “Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng.” Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung Cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác là hoa Mác-Xít.*

*Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu Cộng Sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.*

*Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối Cộng Sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.”*

*(1) Nhà hoặc gia nghĩa là một học phái.*

*(2) Trong cuốn L'Asie Du Sud-East Entre Deux Mondes của Tibor Mende, bản dịch tiếng Pháp của René Guyonnet, trang 17, Edition du Seuil Paris 1954.*

*Saigon, tháng 1, 1959*

*Hoàng Văn Chí*

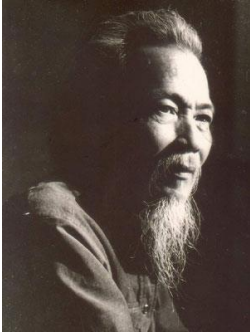
*Trưởng ban biên tập của*

*Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa*



\*\*\*

### Phụ đính II:



### Bức thư của Phùng Quán gửi cậu Xuân Ba

NVTPHCM- Máy bạn cứ dùng dẫu định lên chỗ nhà thơ Lê Quang Sinh đang kiêm phận sự coi sóc Bảo tàng Hội Nhà văn. Ấy là việc đưa cho nhà thơ mấy cái bút tích của nhà thơ Phùng Quán xem có giá trị và giúp ích được gì không trong việc lưu trữ? Vài bút tích ấy là...

Bản thảo bài viết *Bản trường ca bị mối xông* và mười bảy bộ hài cốt. Bản viết tay gồm 29 trang khổ A4. Phùng Quán ghi cuối bài là Hồ Tây ngày 14 tháng 8 Âm lịch năm Nhâm Thân (1992).

Bài thơ chép tay của Phùng Quán Cây xương rồng đính kèm bức ảnh Phùng Quán chụp với Nguyễn Hữu Đang dịp mừng thọ ông Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi. Chót bài thơ là mấy dòng Tặng Xuân Ba Hồ Tây mùa đông năm 1992.

Điều văn nhà thơ Phùng Quán do nhà văn Phùng Cung đọc (Bản chép tay của nhà thơ Phùng Cung tặng tác giả bài viết này).

Và một bản photo bức thư của Phùng Quán gửi ông Tố Hữu...

Tất tật đã xộm vàng thời gian.

Hình như những lưu bút di bút ấy, không phải hơi hướng nữa mà đều toát đều dính đến những chuyện buồn của nhà thơ Phùng Quán?

\*\*\*

Bức thư đây chẳng hạn.

Hà Nội 28 tết  
Kính thưa cậu

Thấm thoát thế mà đã mười mấy năm cháu chưa có dịp gặp lại cậu. Trong hơn mười mấy năm qua cháu được Hội văn nghệ bố trí cho đi lao động thực tế nhiều nơi: Khu công nghiệp Việt Trì, nông trường cà phê cao su Thắng Lợi Thanh Hóa, công trường Trạm bơm điện Cổ Đàm Nam Hà, xây dựng thủy lợi miền núi Lao Cai Hà Bắc... Từ năm 1967 cháu được bố trí về công tác ở Bộ Văn hóa Vụ văn hóa quần chúng - Vụ do anh Trần Tiến phụ trách - từ tháng 10 năm 1971 cháu được các đồng chí ở Bộ điều sang công tác ở Tạp chí văn học nghệ thuật làm biên tập viên.

Sau gần 5 năm công tác ở Vụ văn hóa quần chúng cháu được các đồng chí lãnh đạo Vụ cũng như chi bộ cơ quan xem xét tốt và đã nhiều lần được Hội Nhà Văn Hội văn nghệ cho cháu trở lại sáng tác nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết. Cháu nghĩ rằng việc này hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ tiến bộ của bản thân cháu, các đồng chí lãnh đạo Hội còn thận trọng trong việc giải quyết là vì mức độ đó còn chưa đủ tin cậy. Nó còn đòi hỏi cháu phải cố gắng nỗ lực hơn nữa. Nghĩ vậy nên cháu nhẫn nại kiên trì làm việc, phấn đấu nhiều lần cháu tự viết thư đề nghị với các đồng chí Đảng Đoàn Hội hãy cử cháu đến công tác ở những nơi mũi nhọn của cuộc chiến đấu để cháu được thử thách rèn luyện cao hơn. Nhưng cháu chưa bao giờ được các đồng chí trả lời cho cháu một tiếng về những đề nghị hết sức tha thiết thành tâm này nên không khỏi có những lúc cháu thấy hết sức khổ tâm.

Hồi cậu Sanh (cán bộ cấp vụ, một người bà con gần với ông Tố Hữu và Phùng Quán - NV) còn sống, cậu thường gặp cháu hỏi han động viên cháu. Nhiều hôm cậu Sanh về nhà cháu ở Nghi Tàm Hồ Tây hai cậu cháu ngủ với nhau chuyện trò tâm sự. Cậu Sanh hứa đưa cháu đến thăm cậu để cháu được trình bày tất cả với cậu và xin cậu những lời khuyên. Nhưng rồi cậu Sanh mất. Trước khi cậu mất chừng hơn mấy tháng cháu cùng vợ cháu đến thăm cậu ở bệnh viện có gặp cả thím Ba, Lan Anh, cậu Sanh nói "Tết này thể nào cậu cũng dẫn cháu đến chỗ cậu Ut cho cháu thăm và nói hết nguyện vọng của cháu" và cậu đã mất trong khi cháu đi công tác ở Quảng Bình, Vĩnh Linh.

Trong mười mấy năm qua, cháu đã tranh thủ vừa công tác vừa sáng tác vừa để rèn luyện mình và cũng để báo cáo với Đảng về kết quả lao động của mình. Cháu làm được khoảng hơn 100 bài thơ ngắn dài và viết được một truyện dài về Thừa Thiên kháng chiến. Cách đây mấy năm cháu có chép một tập thơ chừng 20 bài thơ nhờ Văn phòng hội Văn nghệ gửi lên cậu. Trong dịp cuối năm nay cháu cũng một tập về những bài cháu mới làm định gửi lên cậu vì nghĩ rằng thơ sẽ nói rõ được lòng cháu hơn.

Nhiều lần cháu muốn được lên thăm cậu nhưng nghĩ rằng cậu bận quá nhiều việc sợ làm mất thì giờ của cậu nên cháu lại ngại ngần không dám. Tết nay nếu có thể thì cậu cho phép cháu đến thăm và mang thơ gửi cậu xem và mong cậu cho ý kiến.

Vừa rồi tòa soạn Văn hóa nghệ thuật có cử cháu đến gặp anh Trần Quý Hai mời anh viết bài về Ba Tư khởi nghĩa. Anh Hai trước đây là Chính ủy Trung đoàn cháu. Cháu cùng sống và chiến đấu với anh trong thời gian gian khổ nhất của chiến trường Bình Trị Thiên đánh Pháp. Cháu được anh giác ngộ rèn luyện nhiều và rất hiểu cháu. Anh Hai có trao đổi với cháu xem cháu có thể giúp anh ghi lại cuộc kháng chiến Thừa Thiên và sư đoàn 325. Đây là một công việc mà cháu vẫn hằng mơ ước và nếu được làm với anh Hai việc này thì cháu vô cùng sung sướng. Vì cháu sẽ lại được sống lại những năm tháng tốt đẹp nhất của cuộc đời cháu mà cho đến chết vẫn không quên. Nhưng vì hoàn cảnh của cháu hiện nay nên cháu cứ băn khoăn, không biết cháu có thể làm việc với

anh Trần Quý Hai không? Cháu muốn báo cáo việc này với cậu và xin cậu ý kiến. Cháu cũng có đề nghị với anh Hai gặp cậu để nói rõ việc này.

Cháu rất mong được cậu đồng ý. Và nếu được làm việc với anh Hai cháu xin hứa sẽ cố gắng hết sức cháu để phần nào đền đáp công ơn của quê hương kháng chiến cách mạng và Đảng đã dạy dỗ giáo dục cháu.

Cuối thư cháu kính chúc cậu mẹ và cả nhà năm mới được mạnh khỏe.

*Cây hồng như thực như mơ/ Khách qua đường những ngẩn ngơ... ghé nhìn của cậu gần như ngày nào cháu cũng ghé nhìn và thực sự là ngẩn ngơ... tự hỏi "Nhà cậu Lành có cây hồng gì mà lạ lùng như trong truyện cổ tích thế không biết".*

*Cháu của cậu  
Phùng Quán*

Sau bức tâm thư đó một thời gian, nhà thơ Tố Hữu, cậu Lành của Phùng Quán đã phê vào góc bức thư của anh cháu Phùng Quán gửi cho nhà thơ Hoàng Trung Thông khi ấy là người phụ trách Vụ văn hóa văn nghệ.

Nhoáng nhoáng nhiều năm đã qua... Vẫn chưa có dịp hỏi lại nhà văn Phùng Quán, làm sao ông lại có được lá thư của chính mình với mấy dòng bút phê ấy?

*Kính gửi anh Hoàng Trung Thông*

*Anh xem Phùng Quán tiến bộ thế nào? Ý tôi: Không nên sang Hội Nhà văn mà vẫn tiếp tục công tác ở Vụ Văn hóa quần chúng như hiện nay và có thể sáng tác. Nếu tốt thì có thể dùng.*

*Lành*

... Và nữa, nhà thơ Phùng Quán viết đầu thư Hà Nội 28 Tết là năm nào nhỉ? Bao nhiêu là những nhớ nhàng, hồi tiếc... Bởi ông đã biệt cõi dương thế tròn 20 năm rồi!

Nhưng cứ trong ý tứ mà suy, năm 1967 Phùng Quán về Vụ văn hóa quần chúng, như ông viết trong thư 5 năm sau... 28 Tết ấy có lẽ là năm 1973, sau Hiệp định Paris được ký kết?

Dằng dặc bao nhiêu năm, nhà thơ Phùng Quán không phải Tết nay nếu có thể thì cậu cho phép cháu đến thăm mà sau 32 năm, nhà thơ mới đến xông đất nhà ông cậu Tố Hữu của mình!

... Sau cái Tết thân 1992, được ít ngày. Trời không lay rây mưa bụi mà gần trưa ấy nắng hửng. Nhà thơ Phùng Quán quen thuộc trong bộ quần áo màu gụ cúc áo cài bằng nhựa giả ngà, áo chàm khoác ngoài, guốc mộc lóc cóc khua nhẹ bạc cầu thang đá của Tòa soạn báo Tiền phong.

... Vốn quen biết qua mấy lần gặp, nghĩ nên tiếp nhà thơ chỗ khác chứ không phải trong công sở chuyện trò cho thoải mái, nhà thơ Nguyễn Hoàng Sơn, thư ký tòa soạn tờ Tiền phong Chủ nhật và tôi dẫn ông sang cái quán của Chu Thành, con trai tướng Chu Văn Tấn, đối diện với tòa báo.

Nhà thơ Phùng Quán thoải mái xoài người trên ghế rồi dáng vẻ trịnh trọng moi trong bị cói luôn kè kè bên người ra một chai con trắng trắng nút bấc dung lượng chỉ nhỉnh hơn một chút. Cái cười khà quen thuộc và chất giọng trầm rề như mọi bận của nhà thơ bữa nay hình có chút chi đó khang khác?

Rượu Tết đây. Nay uống mừng đi...Tết nay có chuyện đấy nhé...

Chuyện chi chả biết? Nhưng cái nút con con này, từng ấy người nhằm nhò gì? Chợt nghĩ ngay đến cái vò sành màu da lươn mà cô giáo Trâm vợ nhà thơ thường hào phóng dốc ra mỗi khi có khách tụ và đĩa lạc vỡ rang... Chắc nhà thơ khi xuất hành, chai con kia cũng chiết từ vò ấy? Tôi gọi thêm bia (hình như Vạn Lực của Tàu?) và rinh ngay về một cái điều cày, thứ không thể thiếu với nhà thơ. Phùng Quán cười hì hì nhìn cánh nốc bia, vẻ coi thường ra mặt.

Đoạn ông vuốt nhẹ chòm râu thưa phơ phất bạc. Thì ra việc có chuyện là mới Tết rồi, vợ chồng nhà thơ Phùng Quán đến chúc Tết nhà ông cậu Lành...

Trong gia tộc, miêng gọi nhà thơ Tố Hữu bằng cậu. Miền Bắc vẫn thường gọi là bác vì nhà thơ Tố Hữu anh em cô cậu ruột với mẹ miêng. Cậu Lành là con út trong gia đình...

... Trời hửng nhưng thi thoảng vẫn lượn trong vòm hồng xiêm quán vườn Chu Thành những làn gió lạnh lạnh. Câu chuyện của nhà thơ khiến chúng tôi xích lại gần nhau hơn bởi sự tò mò và cả ngạc nhiên nữa về chuyện vợ chồng nhà thơ chúc Tết nhà riêng ông cậu Tố Hữu. Chuyện ông cậu khuyến khích ông cháu đọc thơ và Phùng Quán đã đọc bài Đêm Nghi Tàm đọc thơ Đỗ Phủ cho vợ nghe mà như nhà thơ nheo mắt lè lười đọc xong sợ hết hồn. Rồi trong không khí vui vẻ thân tình, ông cậu cũng đọc bài thơ Anh bộ đội mua đồng hồ... Mà Phùng Quán nhận ra ngay vẻ hăng hụi của những người có mặt... Chuyện vợ chồng nhà thơ gặp ở nhà ông cậu, phu nhân của đồng chí Võ Chí Công với khẩu khí hơi bị lạ. Tôi nói thật, mất đi mười ông Phó Thủ tướng tôi cũng chẳng tiếc bằng mất một nhà thơ như anh... Lạ nữa là câu cuối của ông cậu Lành khi tiễn vợ chồng Phùng Quán ra cổng Thăng Quán đại... Mà cậu cũng đại...  
vv...

Chuyện nói chuyện. Lân cả sang chiều. Một quyết định trong buổi gặp, nói trưa thì hơi quá mà chiều thì hơi sớm ấy là nhà thơ ưng thuận việc viết bài cho Tiền phong chủ nhật.

Bài viết của Phùng Quán *Xông đất nhà thơ Tố Hữu* (đăng sau Tạp chí Cửa Việt) xuất hiện trong số sớm nhất sau Tết. Tôi nhớ số báo ấy với số lượng phát hành nhiều chục vạn bản... Nhuận bút cho bài Xông đất... đâu như 200 ngàn đồng thì phải. Thời ấy tiền đó cũng gọi là to.

Bây chừ ngồi gẫm, không phải tiếc cái thời tira (số lượng phát hành) khủng (!?) mà như hơi tiêng tiếc giá như ngoài vài trăm ngàn và nhiều bạn đọc khác nữa, thời điểm ấy biết thêm và có trong tay cái bức thư buồn của nhà thơ Phùng Quán?

*Theo Văn Nghệ Xuân 2016*

## Xông đất nhà thơ Tố Hữu

Sáng mừng một Tết năm Canh Ngọ. Như thường lệ, vợ chồng chúng tôi xuất hành vào 9 giờ sáng, đến chúc Tết các gia đình họ hàng nội ngoại. Năm đó chúng tôi quyết định xông đất đầu tiên gia đình nhà thơ Tố Hữu.

Trong mỗi liên hệ gia tộc, tôi gọi nhà thơ bằng cậu. Theo phong tục miền Bắc, tôi phải gọi bác, vì nhà thơ là anh em cô cậu ruột với mẹ tôi. Cậu là con út trong gia đình, hàng cháu chúng tôi vẫn quen gọi cậu út. Mọi năm, trên đường đi chúc Tết, tôi thường vẫn đi xe đạp ngang qua trước cổng biệt thự của nhà thơ trên đường Phan Đình Phùng. Cảnh tượng tưng bừng, tấp nập trước cổng biệt thự tôi không tả nổi; chỉ đoán chắc cả Hà Nội cũng chỉ năm bảy nhà sánh kịp mà thôi. Ô tô con đủ hình dáng, màu sắc, nhãn hiệu, choáng lộn như vừa xuất xưởng, đỗ một hàng dài san sát. Những bó hoa tươi thật lớn, thật rực rỡ, được đưa từ trên xe xuống... Công an mặc lễ phục đi lại dọc vỉa hè. Lính cảnh vệ oai nghiêm bồng súng đứng gác bên cổng sắt đồ sộ. Người ra người vào nườm nượp, mặc toàn đồ lớn, nét mặt hồng hào rạng rỡ, đầy vẻ trịnh trọng có pha chút khúm núm. Ngang qua đó, không hiểu sao tôi cứ có cảm giác sờ sợ, đầu không khiến mà chân cứ tự động đạp xe dạt sang bên kia đường.

Nhưng Tết này, trước cổng biệt thự của nhà thơ quang cảnh vắng teo. Không có chiếc ô tô con nào, không công an cũng chẳng lính cảnh vệ. Cái cổng sắt mọi ngày nom như hẹp hẳn lại, hai cánh cửa khép hờ, ai vào cứ việc đẩy cửa mà vào y như thể dân thường. Hai vợ chồng chúng tôi xuống xe đạp đứng tần ngần một lúc trước cổng sắt. "Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương..."

Hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan bỗng đột ngột hiện ra trong trí nhớ của tôi với toàn bộ vẻ đẹp u trầm và sâu sắc đến kinh người của nó.

"Tết này là đúng ba mươi hai cái Tết anh không đến chúc Tết cậu" - tôi nói với vợ, tay khê khằng đẩy cánh cổng sắt. Chúng tôi dắt xe qua khoảng sân lổm đổm những mảnh rêu, dựa xe vào tường dãy nhà ngang dài tít tắp, cuối dãy nhà là gara ô tô. Dãy nhà ngang này, mới năm ngoái năm kia, còn người ra người vào tấp nập, vang vang tiếng chuông điện thoại, tiếng "Alô, tôi nghe đây", tiếng máy chữ lách cách liên hồi; trong gara ngự một chiếc ô tô đen choáng lộn, nhìn thẳng ra cổng với cặp mắt đèn pha sáng quắc, uy nghi. Bây giờ các cửa phòng đều đóng kín, trong gara đậu một chiếc xe con nhỏ thó, màu trắng đục.

Tôi bâng khuâng đưa mắt nhìn cây táo già và cây hồng tơ đứng sát bên rào sắt trước tiền sảnh biệt thự. Đây là hai cái cây nổi tiếng đã đi vào thơ.

Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt", "Quả sơn nhún nhẩy đèn lồng cành tơ". Nhìn cây tôi bỗng chạnh nhớ đến anh lính trẻ thương binh Hoàng Cát viết văn. Chỉ vì cây táo này mà có lần anh phải mang họa vào thân. Anh viết truyện thiếu nhi "Cây táo ông Lành" và đã bị trừng phạt vì có dụng ý nói xấu cán bộ lãnh đạo cao cấp. Giá hồi đó anh đổi thành "cây nhót hay cây ôi ông Lành" chắc đã không phải khổ. Tôi nghĩ vậy và thậm tiếc cho anh. Chúng tôi bước vào phòng khách rộng lớn, thấy nhà thơ đang tiếp mấy vị khách ăn mặc xuềnh xoàng như chúng tôi, trong đó có một phụ nữ đứng tuổi, gương mặt thanh thoát, sắc sảo, cõi mở. Sau đó tôi mới được biết người phụ nữ này là chị Nê, vợ đồng chí Võ Chí Công.

"Thưa cậu, năm mới vợ chồng cháu xin đến chúc Tết, mừng tuổi cậu mợ và các anh chị...". Sau ba mươi hai năm không gặp lại, nhà thơ vẫn nhận ra tôi. "Vợ chồng Phùng Quán" nhà thơ nói như muốn giới thiệu luôn với mấy người khách – "Sao lâu nay cháu không đến cậu?" Giọng nhà thơ ân cần, có pha chút trách cứ của bậc bề trên.

Tôi thoáng một giây bối rối, nhưng nhờ mấy chén rượu xuân trước lúc xuất kích, nên đầu óc tôi trở nên mẫn tiệp. "Thưa cậu" - tôi chấp tay cung kính, ý thức sâu sắc rằng tôi không chỉ nói riêng với nhà thơ mà với cả khách khứa đang có mặt - "Cháu biết như vậy là rất có lỗi với cậu, nhưng mong cậu hiểu cho. Trước đây, lúc cậu còn là uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng thứ nhất, cháu chỉ đến với mục đích duy nhất là để thăm, chúc Tết cậu mợ, nhưng bạn hữu và những người quen biết cháu sẽ đình ninh Phùng Quán đến để cầu cạnh, xin xỏ Tố Hữu điều gì, và Tố Hữu gọi Phùng Quán đến để sai bảo điều gì. Tấm lòng thật của cháu dù biện minh đến ngàn lần cũng chẳng ai tin. Miệng lười thể gian dữ dằn lắm cậu ạ. "Ai biết đầu ma ăn cổ!". Bây giờ mọi việc đã xong rồi, vợ chồng cháu lại được đến chúc Tết cậu mợ...".

Nhà thơ nhìn tôi với ánh mắt vừa thương hại vừa cười cợt. "Thôi, được rồi, hai vợ chồng ngồi xuống đây - nhà thơ chỉ hai cái ghế trống sát bên cạnh. Tôi là anh của mẹ Phùng Quán" - nhà thơ giới thiệu tôi với mấy người khách, trong đó có anh Hồ Ngọc Đại, nhà giáo dục cách tân nổi tiếng. Chúng tôi niềm nở bắt tay nhau. "Cậu có đọc bài thơ "Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe" - nhà thơ nói - Bài thơ được lắm". Tôi thực sự ngạc nhiên trước lời khen về bài thơ đó. Đến chúc Tết nhà thơ tôi ngại nhất là chuyện này. Tôi thầm hy vọng nhà thơ chưa đọc.

Em ơi nếu Tử Mỹ - Nhà ở rộng mười gian - Rào sắt với cổng son - Thềm cao đá hoa lá - Chắc ông không thể làm - Mưa thu mái nhà tốc...

Những câu thơ như thế có thể làm nhà thơ nghĩ rằng có sự ám chỉ cá nhân... Lời khen bất ngờ này toát ra vẻ đẹp trong trắng của tâm hồn nhà thơ: với thơ bao giờ cũng hoàn toàn vô tư.

Nhân nhắc đến chuyện thơ, chị Nè bỗng ngừng câu chuyện với người khách ngồi cạnh, quay sang hỏi nhà thơ với giọng thẳng thắn bộc trực: "Sao lâu nay anh ít làm thơ thế? Anh đừng để tâm gì nhiều đến những chuyện đã qua. Tôi nói thật, mất đi mười ông Phó Thủ tướng tôi cũng chẳng tiếc bằng mất một nhà thơ như anh. Tuổi thanh niên tôi lao vào hoạt động cách mạng một phần cũng do đọc thơ anh. Ngày đó, bao nhiêu bài thơ trong tập Tử ấy tôi thuộc lầu lầu. Hồi bí mật, bọn mật thám bắt tôi, chúng nó tra tấn treo ngược tôi lên, bắt tôi khai báo. Tôi trả lời chúng bằng cách đọc thơ anh, đọc bài này tiếp bài khác, đọc suốt đêm. Sáng hôm sau chúng nó sợ phải cời trói cho tôi... Không phải chúng nó sợ tôi đâu, mà sợ thơ anh đấy...".

Cũng là người làm thơ, nghe người phụ nữ kiên cường này nói về sức mạnh lớn lao của thơ, tôi thầm ao ước cả đời mình chỉ nhận được một phần mười của lời khen tặng đó - "Mọi năm, Tết nào anh cũng có thơ Xuân - chị Nè lại hỏi tiếp - Sao vài năm nay anh không có thơ Xuân?". "Tết này tôi cũng có làm một bài, ngắn thôi, thơ tứ tuyệt...". Vợ tôi nói: "Xin cậu đọc cho chúng cháu nghe với". Nhà thơ cười cười, đọc bài thơ với giọng Huế đặc sệt: "Đầu đề bài thơ là "Anh bộ đội mua đồng hồ". Xin lưu ý là "anh bộ đội" nghe: Có anh bộ đội mua đồng hồ - Thiệt giả không rành anh cứ lo - Đành hỏi cô nàng, cô tằm tằm; từ "tằm tằm" của tôi là đất lắm đấy. "Giả mà như thiệt khó chi mô!". Nhà thơ đọc lại lần thứ hai, nhấn mạnh từng từ một.

Khách khứa nghe cũng đều cười tủm tỉm, nhưng không ai bình luận gì hết. Tôi thì đoán họ đều như bị hẫng. Vì giọng thơ khác lạ biết bao so với giọng thơ quen thuộc của nhà thơ trước đây. Chào 61 đỉnh cao muôn trượng, câu thơ sáng khoái của nhà thơ trong "Bài ca Xuân 61" được nhiều người hết vào những câu thơ sáu chữ. Riêng tôi, bài thơ này làm tôi nghĩ ngợi phân vân: có lẽ nào một nhà chính trị, một nhà thơ từng trải, thông minh như cậu mà mãi cho đến lúc bước vào tuổi bảy mươi mới bắt đầu ngấm cái đờn-giá-thật? Hay cậu đã ngấm từ lâu nhưng phải đến hôm nay, khi không còn hệ lụy gì nữa, mới có dịp bộc bạch với mọi người? "Các cháu ăn mút đi - nhà thơ quay sang nói với vợ chồng tôi". "- Thừa cậu cháu không quen ăn ngọt. Cậu có rượu chi ngon cho cháu uống, cháu xin uống ngay". "Rượu à? Cạnh cái chân lò sưởi có chai rượu gì đó người ta biếu, cháu xem có uống được không?". "A, Rượu Nga? Ararat". Tôi vặn nút rút một ly đầy và uống cạn - Rượu ngon tuyệt cậu ạ. Thế mà vừa rồi nghe đâu Goochbachốp lại ra lệnh cấm rượu, Goochbachốp cùng tuổi với cháu, tuổi Tân Mùi". "Cấm rượu, nhà thơ dần giọng - Do đó mới làm thiệt mất của đất nước một trăm mấy chục tỷ rúp". Gương mặt của nhà thơ đang vui vụt sa sầm, cặp mắt đang vui chợt lóe lên ánh tức giận trước một tổn thất quá lớn về của cải của một đất nước mà nhà thơ yêu mến từ thuở thiếu thời và đã từng viết nên những vần thơ xao xuyến lòng người. Nhà thơ nói tiếp: "Sự đúng đắn và lỗi bịch nhiều khi chỉ cách nhau một sợi tóc".

Sau khi khách khứa ra về, chỉ còn lại ba cậu cháu. Tôi đã uống đến ly Ararat thứ năm. Rượu bắt đầu ngấm làm tôi trở nên mạnh dạn. Tôi hỏi nhà thơ câu hỏi tôi muốn hỏi từ lâu: "Thưa cậu, cháu rất muốn biết, bây giờ thực sự cậu mong muốn điều gì?". Một thoáng trầm ngâm, nhà thơ nói: "Cậu ao ước còn đủ sức khỏe, đạp một chiếc xe đạp về trong quê mình, sống lại kỷ niệm của thời ấu thơ, thời hoạt động sục sôi của tuổi thanh niên, rồi đặt những bài về như Mẹ Suốt, Ba mươi năm đời ta có Đảng, Nước non ngàn dặm... tìm đến nơi có đồng bào, bà con tụ tập, đọc lên cho bà con nghe... Cậu mong muốn được làm người hát rong của nhân dân".

Nhà thơ ngồi yên lặng một lúc lâu. ánh mắt nhà thơ trở nên tĩnh lặng thâm trầm như mặt vực nước của một dòng suối lớn lắng lại sau khi chảy qua biết bao ghềnh thác dữ dội của cuộc sống và cách mạng. "Nhưng cậu còn bận vào việc phải hoàn thành công tác Đảng giao. Và lại sức khỏe cũng kém đi nhiều, nên cái điều ao ước đó e khó lòng thực hiện được...". Nghe nhà thơ tâm sự mắt tôi tự dưng mờ lệ, lòng quặn thắt cảm thương người cậu của tôi sang Xuân này, bước vào tuổi bảy mươi đã trở lại nguyên vẹn một nhà thơ, một NHÀ THƠ viết hoa.

Có lúc nhà thơ đã đạt đến chức Tam Công trong bộ máy quyền lực của đất nước, nhưng cuối đời lại chỉ mong ước được làm một nghệ sĩ hát rong của nhân dân mà không hy vọng thực hiện được. Trong khoảnh khắc đó, lần đầu tiên tôi lĩnh hội được hết vẻ cao sang của thi ca đích thực.

Vợ chồng tôi xin phép cậu ra về để còn đi chúc tết nhiều gia đình khác. Nhà thơ đứng lên tiễn chúng tôi và dặn: "Khi nào có thì giờ hai vợ chồng đến chơi với cậu. Cậu thường rảnh vào buổi chiều". Nhà thơ khoác vai tôi một bên, vợ tôi một bên lưng thưng đi ra cổng. Bước xuống khỏi những bậc tam cấp nhà thơ nói với vợ tôi: "Thằng Quán nó đại...". Khi ra gần đến cổng sắt, nhà thơ dừng lại, nói tiếp như vẫn không dứt dòng suy nghĩ của mình: "... mà cậu cũng đại...". Mấy ly rượu Ararat làm cái lưỡi tôi trở nên phóng túng, tôi bật cười to: "Thưa cậu, thì chính cậu đã viết điều đó thành thơ từ nửa thế kỷ trước: Ai nên khôn mà chẳng dại một đôi lần!"

*Xuân Tân Mùi, 1992*

## Thiên mã cùng đờ

Một nhà văn trẻ viết: “Tên ông là gì, không ai biết. Họ quen gọi là ông Lành, vì ông hiền

lành, lâu dần thành tên. Vườn nhà ông có nhiều cây như mơ, cam, vú sữa, táo...”

Qua vườn nhà, ông làm câu thơ rất mẩu mực *hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng* thế nhưng có một nhà thơ lão làng ở trong nước phản cảm: *Bố ai dám cãi hoa mơ không trắng, vườn cam không vàng*. Ấy vậy mà ông thênh thang đi vào văn học với *Trên đường cái ung dung ta bước - Đường ta rộng thênh thang tám thước*. Trong khi nhà văn trẻ viết về cây táo ở nhà ông lại bán nước chè chén bên vỉa hè, cuộn thuốc lá, bỏ mỗi thuốc lào...

Với văn dĩ tải đạo là chuyên chở chữ nghĩa trên đường thênh thang tám thước lồi lõm ổ gà và lỗ chân trâu thế nào. Thì tôi phải tới căn nhà 76 Phan Đình Phùng để có chất liệu, để “lao động chữ nghĩa”. Thế nhưng là người ngoại đạo, tức không phải nhà văn “chính quy”.

Vì vậy tôi phải về Hà Nội gặp...nó.

Về quê chuyện này, sau mười niên là người di tản buồn, tôi gặp lại thằng em họ. Ăn cơm mới nói chuyện cũ về lại năm 54, tôi láo ngáo đeo tàu há mồm vào Nam, thằng em lớn ngớ ở lại theo kháng chiến cuối...mùa thu chết. Sau 75, may mà nó...chưa chết, với cái nợ văn chương, tôi tạt qua người anh em xã hội chủ nghĩa. Số là với chức phó biên tập bự sự như cái mả liệt sĩ to vật, trộm nghĩ một người làm quan cả họ thơm lây. Bèn hỏi: Chú làm gì mà...”cây đa cây đề” quá thế vậy? Thằng em êm ả hoa rơi cửa Phật: Báu gì, phó khác gì phó rên, phó cối, bình thường mà. Chuyện không bình thường là họ không có chó bắt...em ăn cứt vậy thôi. Số là nó ở nhà quê theo cái cày ngấm đất trâu một dạo, học hết lớp ba là hết đất rồi đi bộ đội. “Đột biến” thằng em được “điều” về Hà Nội tới trường viết văn Nguyễn Du học làm văn. Bởi nhẽ đó tôi nhờ nó dẫn đi thăm...cây táo để có tư liệu làm văn.

Thằng em ủng oảng: Bác đúng là rò chữ.

Ấy thế vậy mà hay, bỗng không lại có...bút hiệu “Rò chữ”. Hoá ra không học trường viết văn Nguyễn Du để thành nhà văn, nên chả phải là nhà văn “chính quy”. Nhưng cứ theo rò chữ tôi...rò chữ thì làm nhà văn cũng dễ thật, dễ như chó ăn trứng luộc. Thế nhưng không ngon cơm, làm như có ngẫu cảm sao ấy...Ngồi trên xe con tới phố Phan Đình Phùng, thằng em làm văn búng lưỡi kể chuyện...”nhà văn” với *Cây táo nhà ông Lành...*

(...) Vườn nhà ông khá rộng, có nhiều cây ăn quả như chuối, măng cầu, vú sữa, táo...Ông Lành thú nhất là cây táo lai. Nó đứng ở góc vườn, trùm cái tán khum khum lên một vạt đất chừng dăm tám chiếu. Cạnh cây táo quý ấy, ông đã cất lên một căn nhà ba gian, hai chái, chung quanh tường xây gạch. Nhiều khi đứng trong cửa sổ nhìn ra, ông thấy lũ trẻ lấy gạch đá hoặc que khăng ném cho táo rụng xuống để nhặt. Ông cũng chẳng la mắng chúng nó làm gì. Chỉ những đứa trẻ nào nghịch quá, ném vung đất đá rơi xuống mái ngói nhà mới của ông, ông mới nhẹ nhàng bảo chúng đừng ném nữa. Lũ trẻ cũng biết nể ông, chúng ngoan ngoãn rủ nhau kéo đi. Chúng vừa đi, vừa nhòm nhào ăn táo, rồi chúng hát nghêu ngao...tạo cho ông niềm vui ngấm trong bụng.

Những đêm sương nặng hạt, nằm không ngủ được, lắng nghe tiếng táo rụng lộp bộp ngoài vườn lẫn với tiếng sương rơi, ông Lành chỉ mong chóng sáng để được thấy lũ học trò đi qua nhặt táo...Nhưng một buổi sáng ông đang hí húi buộc cái nạng, chống cho cây táo đỡ ngã xuống vườn vì nặng quá, thì bỗng “bộp!”, một hòn đất rơi trúng đầu



ông, tung toé cả lên vai, lên gáy! May mà hòn đất bở, không to lắm, chứ không thì có lẽ ông đã vỡ đầu rồi. Thế mà cũng choáng váng mắt một lúc.

Vừa ngẩng lên, ông Lành thấy thằng Thìn đang trôn trôn nhìn ông. Nó lấp bắp:

- Cháu...cháu lỡ!... Ông tha...

Đang cơn bực mình, đang ngồi lúi húi như cóc nhảy, ông Lành nhảy dựng lên, ném cây rựa xuống sân đánh “bịch”, giọng chua như mẻ:

- Ông, ông cái con khỉ!...

Ngày là lá tháng là mây, vì chưng rồ chữ nên tùm tó được mớ cổ ngữ Bắc kỳ đặc “giọng chua như mẻ” đã đi vào quá vãng, thế nên cũng muốn đưa vào văn bài để gọi nhớ chút hương xưa. Ngẫm ra viết văn cũng dễ thôi, như lũ trẻ nhúm nắm đất ném vào vườn nhà ông Lành. Như rồ chữ tôi nhúm một mảng văn chương trên quãng vào vườn văn là thành...văn chương chứ còn khỉ khỉ gì nữa. Đang văn về đến đây thì thằng em làm văn bồm bồm...

Truyện Cây táo nhà ông Lành in trên tuần báo *Văn Nghệ* đã làm xôn xao dư luận. Tác giả của nó, cây bút trẻ Hoàng Cát đã họa vô đơn chí rơi vào cái “nghĩ án” văn chương.

Nghe cái tên “cát vàng, cát trắng”, rồ chữ tôi tú ụ ai vậy? Nó búng lười tách một cái...

Hoàng Cát, “tình trai” của Xuân Diệu, khi lên đường vào B được Xuân Diệu tặng thơ với lời yêu đương thao thiết: *Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga - Chưa chi ta đã phải chia xa.*

Nhưng khi chàng Cát trở về Hà Nội viết truyện cây táo trong sân nhà ông Lành đăng báo bị “đánh” đòn hội chợ, Xuân Diệu đã làm mặt lạ va ngó lơ.

Và thằng em làm văn hành ngôn hành tởi...

Truyện được biên tập, rồi in. Cây táo của ông Lành đã gây xôn xao trong giới nhà văn. Mọi người đều hiểu rằng truyện ngắn nói trên đã mắc một cái tội tày đình là...“phạm húy”. tới nhà thơ Tố Hữu (người ta đã ngại tới mức...không dám viết hai chữ “ông Lành”). Người “nổ phát súng” đầu tiên là một nhà phê bình có cỡ, ông viết một bài dài, phê phán tình hình văn nghệ lúc bấy giờ, rồi lấy ví dụ cụ thể là truyện ngắn cây táo đăng trên báo Văn Nghệ. Rồi một bài xã luận nữa rất “căng” quy chụp cho Hoàng Cát nhiều “tội danh” rất nặng nề. Sau cùng, anh bị treo bút mà không biết mình bị “tội” gì. Cũng vì chẳng có toà nào “tuyên án”, nên cái “nghĩ án” văn chương cây táo cứ lơ lửng “chạm treo ngành” trên đầu Hoàng Cát.

Suốt 4 năm liền Hoàng Cát sống trong tình trạng “dở cười dở mếu” như thế. Dù năm đó Hoàng Cát mới chỉ có 37 tuổi. Cũng vì không được hưởng chế độ hưu, nên Hoàng Cát mất luôn chế độ trợ cấp thương tật của một thương binh. Mặc dù anh chỉ còn mỗi chân phải. Và một mảnh đạn nhỏ vẫn còn nằm trong hộp sọ của anh...Mấy chục năm qua, để kiếm sống, Hoàng Cát đã phải bán nước chè chén vỉa hè, nuôi lợn, nuôi gà công nghiệp, cuộn thuốc lá, bỏ mối thuốc Lào, nuôi chim vẹt cảnh, nấu kẹo vừng. Phải đợi đến khi không khí văn nghệ cởi mở, Hoàng Cát đã viết bài thơ *Em về quê anh*, với sự xúc động chân thành và gửi tặng Tố Hữu. Trong đó có những câu: *Em về quê anh - Một chiều mùa hạ - Trời xanh gió xanh - Con nít, mẹ già - Giọng quê em quá...*Không ai nhắc đến chuyện cây táo với ông Lành nữa. Vậy là sau đúng 25 năm, nghĩa là một phần tư thế kỷ, một khoảng thời gian đáng kể của đời người, nghĩ án văn chương cây táo được xóa bỏ.

Rồ chữ tôi...rồ chữ rằng may mà chàng “tình giai” của Xuân Diệu không viết về cây vú sữa của “bác”. Nếu viết thì bị đánh cho sặc gạch vì đánh chó phải kiêng mặt chủ nhà. Dậu đổ bìm leo, rồ chữ tôi vun chuyện với nó chuyện...con chó của nhà văn Kim Liên...

- Thế còn truyện ngắn *Con chó xấu xí*?

- Tôi viết Con chó xấu xí là viết sau khi xảy ra chuyện Nhân văn Giai phẩm. Tuy tôi (Kim Lân) không bị liệt vào nhóm Nhân văn Giai phẩm nhưng lúc bấy giờ Tố Hữu xướng ra việc đấu tố Nhân văn Giai phẩm có 5 người không tham gia gồm có: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng và tôi. Chúng tôi không viết bài “đánh”... vì cho rằng đó đều là anh em mình cả. Chúng tôi chỉ muốn, nếu thực sự họ sai thì phải thuyết phục họ, vì tất cả đều mới ở trong kháng chiến mà ra cả (Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt...). Nhưng chính vì không tham gia, nên người ta ghét chúng tôi.

- Con chó xấu xí ông viết để tự bạch tâm trạng của mình lúc bấy giờ?

- Đúng thế! Tôi chỉ muốn nói rằng, tuy tôi có là con chó xấu xí nhưng vẫn trung thành với chủ. Nguyễn Công Hoan đọc xong bảo: Thằng này ngu bỏ mẹ, tự nhận mình là con chó. Ông Văn Cao nhận xét: Gớm cậu đánh võ kín quá làm tôi sợ. Thực ra mình chỉ muốn làm kẻ đơ đơn quỳ dưới công đường nói rằng: Tôi bị oan.

- Nhưng ông đâu có bị “đánh” mà kêu oan?

- Cũng bị đánh chứ, vì khi đó tôi có viết một truyện ngắn *Ông lão hàng xóm*, ngày ấy cũng là chuyện nói về sai lầm trong cải cách ruộng đất. Lúc bấy giờ in ra, nhiều người thích vì cho rằng viết thế là liêu lĩnh. Cộng với mình lại thêm tội “không chịu viết bài để đánh Nhân văn Giai phẩm” thế là người ta đánh tôi luôn.

Nghe thủng chuyện dốt trâu qua ông đến đây, làm như chần trâu nhân thể dốt nghe thằng em làm bàm: Đào! Nào có khác gì chuyện ông Nguyễn Khải...

Sau cuộc hội nghị nhà văn đảng viên, bản đề cương của Nguyên Ngọc cũng bị Tố Hữu đánh. Nguyễn Khải vốn “nhất trí” với Nguyên Ngọc trong vụ này, nên sợ quá.

Anh nói thẳng với Nguyên Ngọc:

- Tao nhất lăm, chưa đánh đã khai. Cho tao chạy đi thôi, đừng khai tao ra nhé.

Chưa biết Nguyễn Khải chạy đi đâu thì xe con...chạy tới căn nhà số 76 có cây táo.

Trộm thấy người ta trồng khoai cũng vác mai đi đào. Rồi chữ tôi cũng đào xới nhà ông Tố Hữu qua bài viết của chính cháu ông như thế này đây...

(...) Mọi năm, trên đường đi chúc Tết, tôi (Phùng Quán) thường vẫn đi xe đạp ngang qua trước cổng biệt thự của nhà thơ trên đường Phan Đình Phùng. Cảnh tượng tưng bừng, tấp nập trước cổng biệt thự tôi không tả nổi, chỉ đoán chắc cả Hà Nội cũng chỉ năm bảy nhà sánh kịp mà thôi. Ôtô đủ màu sắc, nhãn hiệu, choáng lộn như vừa xuất xưởng, đỗ một hàng dài san sát. Công an mặc lễ phục đi lại dọc vỉa hè. Lính cảnh vệ oai nghiêm bồng súng đứng gác bên cổng sắt đồ sộ. Người ra người vào nườm nượp, mặc toàn đồ lớn, đầy vẻ trịnh trọng có pha chút khúm núm. Ngang qua đó, không hiểu sao tôi cứ có cảm giác sờ sờ, đầu

trống không khiến chân cứ tự động đạp xe dạt sang bên kia đường.

Nhưng Tết này, trước cổng biệt thự của nhà thơ quang cảnh vắng teo. Không chiếc ô tô nào, không công an cũng chẳng lính cảnh vệ. Cái cổng sắt mọi ngày nom như hẹp hẳn lại, hai cánh cửa khép hờ, ai vào cứ việc đẩy cửa mà vào y như thể dân thường. Hai vợ chồng chúng tôi xuống xe đạp dừng tần ngần một lúc trước cổng sắt. *Đấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương*, hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan bỗng đột ngột hiện ra trong trí nhớ của tôi với toàn bộ vẻ đẹp u trầm và sâu sắc đến kinh người.

"Tết này là đúng ba mươi hai cái Tết anh không đến chúc Tết cậu", tôi nói với vợ, tay khê khàng đẩy cánh cổng sắt. Chúng tôi dắt xe qua khoảng sân lổm đổm những mảnh rêu, dựa xe vào tường dãy nhà ngang dài tít tắp, cuối dãy nhà là gara ô tô. Dãy nhà ngang này, mới năm ngoái năm kia, còn người ra người vào tấp nập, trong gara ngự một chiếc ô tô đen choáng lộn, nhìn thẳng ra cổng với cặp mắt đèn pha sáng quắc, uy nghi. Bây giờ các cửa

phòng đều đóng kín, trong gara đậu một chiếc xe con nhỏ thó, màu trắng đục.

Tôi băng khuâng đưa mắt nhìn cây táo già sát bên rào sắt trước tiền sảnh biệt thự. Đây là cái cây nổi tiếng đã đi vào thơ: *Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt - Quả son nhún nhẩy đèn lồng cành tơ*. Nhìn cây táo tôi bỗng chạnh nhớ đến anh lính trẻ thương binh Hoàng Cát viết văn. Chỉ vì cây táo này mà anh phải mang họa vào thân. Anh đã bị trừng phạt vì có dụng ý nói xấu cán bộ lãnh đạo cao cấp.

Vợ chồng tôi xin phép cậu ra về. Nhà thơ khoác vai tôi một bên, vợ tôi một bên lững thững đi ra cổng. Nhà thơ nói với vợ tôi: Thăng Quán nó đại.... Khi ra gần đến cổng sắt, nhà thơ dừng lại, nói tiếp như vẫn không dứt dòng suy nghĩ của mình: Mà cậu cũng đại.... Mấy ly rượu Tết làm cái lưỡi tôi trở nên phóng túng, tôi bật cười to: Thưa cậu, thì chính cậu đã viết điều đó trong thơ: *Ai nên khôn mà chẳng dại một đôi lần*. (...)

Khi rày, rõ chữ tôi và thăng em đang đứng trước cổng biệt thự vắng teo vắng ngắt.

Bất giác rõ chữ tôi nghĩ đến ông Tố Hữu chỉ sau thất bại cuộc bầu vào Trung ương khóa VI, mới tỉnh ra, thấy bơ vơ, sau này mới có bài thơ *Một tiếng đờn*. Nghe kể, khi biết mình không trúng cử, ông thất thần, mất hồn, đến mức xe ô tô của ông đến đón, đỗ trước mặt, ông không nhận ra, cứ ngơ ngác ngác ngác. Chợt ngơ ngác nhìn trời nhìn đất, rõ chữ tôi ngẫu hứng ư hử câu thơ *ai nên khôn mà chẳng dại một đôi lần*...

Tai như tai đất, thăng em làm văn quệch quạc...

Bác rõ chữ chả biết đếch gì sất! Ông Tố Hữu là người ngồi ở ngôi cao trong hàng ngũ lãnh đạo của đảng, xém chút nữa làm tổng bí thư. Vì vậy với thơ ông là thủ lĩnh, là ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng hiện thực XHCN như những nhà phê bình có tên tuổi khẳng định. Về nghệ thuật thơ cũng vậy: "Thơ mình thì đòi giải nhất, không chịu nhường cho ai" (tập "Việt Bắc", 1956) như một nhà thơ lão làng đã viết. Câu thơ: *Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam - Hoa mơ lại trắng vườn cam lại vàng* theo phân tích của nhà thơ nọ là hai câu thơ mẫu mực, vì bố ai dám cãi... *hoa mơ không trắng vườn cam không vàng*.

Và nó xằng xớm: Bác không biết ấy chứ...chứ có giai thoại kể khi Trần Đăng Khoa độ 10 tuổi, bằng thái độ hồn nhiên phê bình thơ Tố Hữu trong bài thơ "Ta đi tới" có câu...

Ta đi giữa ban ngày  
Trên đường cái ung dung ta bước  
Đường ta rộng thênh thang tám thước

Trần Đăng Khoa lý giải câu: *Đường ta rộng thênh thanh tám thước* phải sửa lại. Vì đã coi là thênh thang, làm gì có giới hạn. Nếu nói 8 thước, không thể gọi là thênh thang được. Tất nhiên lời phê bình của Trần Đăng Khoa bị "ghi vào sổ" vì "mới nứt mắt mà đã kiêu căng". Nên vừa mới 17 tuổi, Trần Đăng Khoa đã...may mắn trúng tuyển nghĩa vụ quân sự.

Bỗng dưng nó lưỡi đá miệng...

Ấy đây, ngày ở chiến khu Việt Bắc, anh em văn nghệ rĩ tai nhau một lần Tố Hữu định đọc thơ cho Văn Cao nghe, nhưng ông Văn Cao gạt đi: Thơ cậu như về có gì mà đọc. Thăng em lậu bậu chuyện rĩ tai về Tố Hữu nhiều lắm. Nhất là cái hỏi ông Tố Hữu làm phó thủ tướng, rồi đồn thổi ông có thể làm tổng bí thư. Cái bả vinh hoa ấy của ông Duẫn, ông Thọ bày ra, làm nhà thơ choáng váng trong hy vọng, nên đã phải biểu lộ cư xử với tướng Giáp để chứng tỏ mình đứng về phía bên nào, nên ông đã xoá câu thơ của mình về tướng Giáp trong bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*.

Về cái hách thi tác giả Nhật Hoa Khanh nói khá kỹ chuyện này:

Có lần trên màn tivi, quay cảnh đón phó thủ tướng Tố Hữu công cán ở nước ngoài về. Nhiều cán bộ cao cấp có mặt ở sân bay. Lần lượt Tố Hữu đi bắt tay từng người. Đến ông Giáp, khi ông Giáp giơ tay thì Tố Hữu lại quay đi chỗ khác như mãi nói chuyện với ai. Những người ngồi xem tivi cùng tôi (Nhật Hoa Khanh) bình phẩm: Quá lắm! Hách quá lắm!.

Rồ chữ tôi lây đây: Ông Tố Hữu hách lắm phải không?. Thế là nó làm bàm chuyện ông Võ Văn Kiệt lúc đang lên ở miền Nam bị Tố Hữu hách xằng và “máng” là... “nó”: Bộ nó tưởng nó là ông vua con ở Sài Gòn hả. Hơ! Cái thằng đầu đất này, rồ chữ tôi hỏi một đàng nó trả lời một nẻo. Bởi rồ chữ tôi muốn hỏi chuyện văn chương thiên cổ sự về nhà văn, nhà thơ hay *nhà phê bình văn học nào đó* chứ đâu có rỗi hơi nghe chuyện hai ông họ Võ.

Nghe thủng xong, thằng em kể lể những giai thoại trong hội Nhà Văn...

Năm 1983, có một cuộc hội thảo ba ngày ở hội Nhà Văn. Hôm ấy tôi (nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh) được chứng kiến Nguyễn Đình Thi sợ Tố Hữu như thế nào.

Giới văn nghệ nói chung rất phục Nguyễn Đình Thi vì anh có thuật nói hấp dẫn. Anh bước lên, đứng trước cái bàn có phủ khăn. Đứng im, không nói gì. Mọi người im phăng phắc chờ đợi. Tưởng như con muỗi vo ve cũng nghe thấy. Bỗng anh bước ra khỏi bàn, vung tay hỏi hội nghị: Chúng ta đang làm cái gì thế này? Mọi người ngơ ngác tự hỏi: Họp ba ngày, không biết mình làm cái gì nhỉ? Càng cảm phục và chờ đợi. Thi vung tay nói lớn: Chúng ta đang làm một nền văn nghệ lớn. Và chúng ta cũng lớn!

Đúng lúc ấy Tố Hữu đi vào, ăn mặc xuềnh xoàng, áo sơ mi bỏ ra ngoài quần. Người nhỏ bé. Nguyễn Đình Thi đang hùng hồn bỗng cụt hứng, xiu hẳn lại, không nói được nữa. Tố Hữu ngồi ngay ghế đầu, vẩy tay nói với Thi: Anh cứ nói tiếp đi! Nhưng Thi chỉ nói lý nhí mấy câu gì đó không nghe rõ, rồi bỏ đi xuống. Tôi hình dung con cua đang giơ hai càng một cách hiên ngang như muốn thách thức với cả trời đất. Con ếch tới, vỗ nhẹ vào mai một cái, con cua vội co dùm người lại. Nguyễn Đình Thi là con cua, Tố Hữu là con ếch.

Hình dung đến Tố Hữu là con ếch... Rồ chữ tôi mắt giương như mắt ếch rồi bật cười hích một cái. Đợi rồ chữ tôi cười đầy đủ lễ bộ xong, thằng em làm văn cách rách...

Nguyễn Khải kể hôm ấy anh ngồi chủ tịch đoàn. Có một bạn nói nhỏ với anh:

– Ông Lành đang nói sao cậu lại cười?

Khải sợ quá, vội chối:

– Không, răng tôi nó *hồ* đấy chứ, tôi có dám cười đâu!

Thế là rồ tôi chả dám cười nữa! Mà chả nhẽ không biết làm gì là làm tinh. Số là gần đây có nghi vấn văn học về Nguyễn Khải phản tình đưa ra tùy bút *Đi tìm cái tôi đã mất*. Giống như Chế Lan Viên qua *Di cảo thơ* trong đó có bài thơ *Cái bánh vẽ*. Tố Hữu cũng vậy với tập di cảo *Những tâm sự của nhà thơ Tố Hữu* lúc cuối đời mà trong chốn làng văn xóm chữ có nghi vấn chả hiểu Tố Hữu phản tình “giả hay thật” đây!

Bèn hỏi thằng em làm văn... Cái thằng quái với cái tật đến chết cũng không chừa là hỏi một đàng trả lời một nẻo với mớ tiếng Tây tiếng u là cứ theo một câu châm ngôn của người phương Tây: *Quis'excuse s'accuse* nghĩa là *kẻ nào tự thanh minh là tự thú nhận*. Rồ chữ tôi sát sà-bông rửa óc nghĩ không ra nó học tiếng Tây hồ nào đây? Thế nên đành hỏi chuyện “bên lề” về tập “Gặp Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng”.

Thằng em đầu đuôi xuôi ngược vì cuộc phỏng vấn có từ năm 1997, mãi năm 2004 mới in ấn. Vì thế sau này có người cho rằng Nhật Hoa Khanh là “âm bản” của Tố Hữu để “di cảo” như Nguyễn Khải, Chế Lan Viên giới giảng. Có người vun chuyện Tố Hữu

chính là Nhật Hoa Khanh, vì “sách” 58 trang khổ lớn lại không ghi nhà xuất bản nên không ai hay biết Nhật Hoa Khanh từ lỗ nẻ nào chui lên. Trong khi bà Vũ Thị Thanh, vợ Tố Hữu phản bác Nhật Hoa Khanh dựng cuộc phỏng vấn “giả mạo” và “bịa tạc” *nhieu chuyện Tố Hữu không nói*. Thành em lui đui rằng sau đây Nhật Hoa Khanh “có thật” công bố nguyên tập ghi chép cuộc phỏng vấn, ông còn ghi âm, và giữ băng ghi âm để làm bằng. Ông khẳng định bà Vũ Thị Thanh (trước kia là thư ký của Tố Hữu) có mặt trong cuộc phỏng vấn kéo dài một tháng tại tư gia.

Thế là rõ chữ tôi hỏi đến cu ti tỉ muội về “những chuyện Tố Hữu không nói”. Làm như đợi dịp này từ lâu lắm rồi, nó phăm phờ những gì qua tập tài liệu đã được ghi âm...

Nhắc đến các văn nghệ sĩ Nhân văn Giai phẩm bị đánh tội bời như Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Hữu Loan, Quang Dũng, sau khi khen từng người cùng những tác phẩm của từng người, Tố Hữu nhận xét:

Tất cả 6 anh đều góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng một nền văn học Việt Nam giàu tính hiện thực, tính phê phán, tính hiện đại và tính truyền thống. Tất cả 6 anh đều bền bỉ tiến bước dưới ngọn cờ cách mạng. Tất cả 6 anh đều là những nhà văn nghệ luôn luôn giữ vững phẩm vàng đạo đức của người cầm bút. Tất cả 6 anh đều xứng đáng được trao tặng những giải thưởng cao quý và những huân chương cao quý. (trg 34. Lời tâm sự)

Tiếp, thành em mà rằng...rằng Tố Hữu còn nói về nhiều anh chị em khác, toàn khen là khen, với lời rất tốt đẹp. Nhưng qua cuộc chống nhóm Nhân văn Giai phẩm do chính Tố Hữu viết, với tiêu đề dài ngoằng ngoẵng: “Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân văn Giai phẩm trên mặt trận văn nghệ”, đã in thành sách, nhà xuất bản Văn Hoá, 1958, trong Thư viện Quốc gia. Nhận định tổng quát về Nhân văn Giai phẩm, Tố Hữu đã viết:

Lật bộ áo Nhân văn Giai phẩm thôi tha, người ta thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, lưu manh, trót-kít, tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái

điểm, bàn đèn, sách báo chống cộng, phim ảnh khiêu dâm. (trg 9. Sđd).

Với Hoàng Cầm, thành em chan canh đổ mẻ qua cái nhìn của Tố Hữu...

*Bên kia sông Đuống* đồng nghĩa với sự bất tử. Chỉ riêng Bên kia sông Đuống cũng đủ đưa Hoàng Cầm lên đài danh dự. Tôi (Tố Hữu) đã đọc Kiều Loan trong 3 thời điểm khác nhau sau giải phóng miền Nam. Cả 3 lần, tôi đều chỉ có một ý nghĩ: Sau giải phóng Miền Nam đến nay chưa ai dựng kịch Kiều Loan là một thiếu sót lớn. Chúng ta biết: Trong khoảng 60 năm nay, Hoàng Cầm là tác giả mấy chục tác phẩm thuộc nhiều loại hình nghệ thuật.

Tôi đặc biệt cảm ơn nghệ sĩ Hoàng Cầm về những lời phê bình sắc sảo, chính xác và chân thành của anh bốn mươi năm trước đây đối với tập thơ *Việt Bắc*.

Đột dưng thành em làm văn búi bán: Bác ăn chữ mẻ bát thiên hạ nhưng bác có hay biết Hoàng Cầm *phê bình sắc sảo, chính xác* như thế nào chẳng? Như thế này ná...

Với tập thơ *Việt Bắc*, Hoàng Cầm một lần đã chê thơ Tố Hữu thiếu chất sống thực tế, “nhạt nhẽo”, “hời hợt”, chỉ “lớn võn” ở bên ngoài chứ không đột phá vào một khía cạnh nào của tâm hồn, những câu văn “đềm đẹp” “rủ rĩ” một lát rồi thôi, chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gặp bất cứ ở chỗ nào, khi ca tụng lãnh đạo thì “đao to búa lớn”, bài “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên” giống như “một vại nước to”, “tràn đầy”, “loãng quá”.

Tiếp đến nó đùm đậu chuyện cụ Hoàng Cầm qua bài viết nhà báo Hoàng Hưng...

(...) Ngày 20/8/1982 đến lượt Hoàng Cầm bị bắt. Sau khi tôi (Hoàng Hưng) và Hoàng Cầm bị bắt. Tôi không thể nào quên cái buổi sáng ấy trong Hỏa Lò, người công an đưa tôi vào phòng hỏi cung, nhưng không có ai trong đó. Mà lại có một tập giấy viết sẵn để trên bàn. Tôi tò mò giờ ra, thì...đó là bản tự khai của Hoàng Cầm. Tôi đọc lướt,

càng đọc càng hoang mang vì ông nhận tuốt tuốt các ý tưởng chống đảng, đả kích chế độ trong tập thơ. (trong đó có ba bài “có nội dung xấu” là: *Cây tam cúc, Lá diêu bông, Quả vườn ổi*). Để cho tôi một mình đọc xong, người ta mới đưa tôi trở lại phòng giam. Và họ bố trí rất khéo, để như tình cờ tôi gặp Hoàng Cầm đang ngồi ở cổng chờ (giữa khu trại giam và khu “làm việc” có cái cổng lớn, sau khi “làm việc” xong phạm nhân ngồi đó chờ “quản giáo” ra nhận để đưa vào buồng giam). Tôi đến bên ông, hỏi: Anh nhận tội phản động thật à? Sao lại thế?. Hoàng Cầm cúi đầu xuống, không nói gì, từ khóe mắt ông lặn ra những giọt nước mắt. Đến tận hôm nay, nhớ lại những giọt lệ tủi nhục của nhà thơ đàn anh, lòng tôi vẫn còn đau. Với tôi, tự buộc mình phải hèn để có thể tồn tại là điều không gì đau hơn cho một kẻ sĩ. (...)

**Nhưng trong lúc Hoàng Cầm ngong ngóng công an thực hiện lời hứa cho về vào dịp Tết, một số trí thức Pháp do Thiên sư Thích Nhất Hạnh vận động đã gửi thư cho Lê Đức Thọ đề nghị thả nhà thơ. Tin đến tai Tố Hữu, ông “bạn thơ” quý hoá phán một câu xanh rờn:**

**- Nước ngoài can thiệp hả? Thế thì giam nó thêm 1 năm nữa cho nó biết!**

Thêm một lần nghe đến tên “Hoàng Hưng”, rõ chữ tôi tú ụ ai vậy? Nó láo quá chuyện là nhà báo Hoàng Hưng từ Sài Gòn ra Hà Nội xin cụ Hoàng Cầm tập thơ chép tay *Về Kinh Bắc*. Hoàng Hưng tự ví mình là một con cá hăm hiu, bị “cá chìm” (tiếng lóng để chỉ trình sát công an thường phục) dàn cảnh bắt ở quán rượu gần nhà ông hoàng “thơ chui” Hoàng Cầm và bị đi tù hơn ba năm qua vụ án mà Hoàng Hưng tự đặt tên là “Vụ án văn tự” hay “Về Kinh Bắc: một vụ án hậu Nhân Văn”. Dẫu đồ bìm leo, rõ chữ tôi góp gió thành bão chuyện một người đi đường gặp Nguyễn Hữu Đang... đi tù. Ông thấy mùa đông mà tù quần áo phong phanh run lập cập nên cởi cái áo len mình đang mặc đưa cho Nguyễn Hữu Đang. Thế ông bị bắt và cũng đi tù cũng hơn 3 năm. Rồi chữ tôi nói sẽ kể cho thằng em nghe sau. Nếu có dịp.

Cái thằng hóm, chuyện trò xong nó phay người “nhiều chuyện” một câu: Bác nhiều chuyện nhưng có biết chuyện Tố Hữu nói gì về Trần Dần không? Rồi nó tiếp: Này nhá...

Sau Hoàng Cầm, Trần Dần cũng là cây bút hạng nặng. Cũng như thơ Hoàng Cầm, thơ Trần Dần có nhiều đổi mới về nội dung và nghệ thuật, đồng thời là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc và phản chiếu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Văn xuôi của anh, *Người về lớp lớp*, về căn bản, có giá trị hiện thực rất cao. Người người lớp lớp là một khẩu pháo binh chủng pháp của văn học Việt Nam thế kỉ 20. Theo tôi nên sớm tái bản.

Ngoài ra, phải kể đến Hữu Loan, Lê Đạt và Phùng Quán, 3 nhà thơ 3 vẻ khác nhau nhưng cùng sâu sắc, nóng bỏng tình chiến đấu nhưng không kém phần lãng mạn.

Ngỡ xong, nó ba điều bốn chuyện về hai cụ Trần Dần và Hoàng Cầm như thế này đây...

Hồi Hoàng Cầm cho in tập Giai phẩm mùa xuân, có đăng bài của Trần Dần. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp có Hoàng Cầm, Văn Phác, Chế Lan Viên... Tố Hữu cầm cuốn Giai phẩm mùa xuân và hỏi mọi người: Các anh thấy tập sách này thế nào? Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Chế Lan Viên nói: Cuốn sách đại phản động! Tố Hữu hỏi Văn Phác: Hiện nay nó đang ở đâu? Văn Phác đáp: Thưa, anh ấy đang đi thực tế ở Yên Viên. Tố Hữu ra lệnh cho Văn Phác:

- Gọi nó về, bắt lấy nó!

Như xắm vớ được gậy thẳng em không khảy...

Nhà thơ Hoàng Cầm kể rằng, nhà văn tướng quân Trần Độ trưởng ban Văn hoá văn nghệ của đại hội đảng lần VI, tổng bí thư là ông Nguyễn Văn Linh, người đã giúp ông Linh tuyên bố những câu đáng ghi vào lịch sử văn nghệ: “cởi trói cho văn nghệ sĩ” - “các văn nghệ sĩ hãy tự cứu lấy mình” - “không bẻ cong ngòi bút” - “trình bày sự thật”...v.v.v...

Trong cái không khí cởi mở ấy của Nghị quyết 5/BCT về văn học nghệ thuật, nhà văn Trần Độ đến gặp Tố Hữu và hỏi ông về thái độ đối với anh em Nhân văn Giai phẩm bấy giờ.

Tố Hữu với giọng trọ trẹ xứ Huế đã nói:

- Rất tiếc! Rất tiếc! Hồi ấy tôi đã không tiêu diệt hết chúng nó đi.

Thằng em lờ đờ như cá ngộp nắng...

Gần ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội văn nghệ Việt Nam họp trên đồi Nhả Nam. Cuộc đấu tố của văn nghệ sĩ diễn ra gay gắt căng thẳng dưới sự chỉ đạo của Tố Hữu. Người ta đã vu cáo những chuyện tày trời, quyết liệt dồn Ngô Tất Tố vào tận chân tường. Tác giả *Lều chông* và *Việc làng* đã phạm tội “phục cổ” nhằm mục đích gì? Đêm 20 tháng 4 năm 1954, Ngô Tất Tố đã thắt cổ tại nhà ở Yên Thế, Bắc Giang. Cái sự chết của nhà văn khắc nghiệt đến mức nghĩa trang liệt sĩ xã ở địa phương đã...*từ chối không cho chôn*.

Với khắc nghiệt của nhà văn với nghĩa trang, rồ chữ tôi mở cửa Cổng Trời Cẩn Tỷ trong đó có một nghĩa trang là “một cái quan tài bằng đất dày một mét” mà tù đang đợi chờ chết...

(...) Chúng tôi đi lên phía bắc. Đến Đuan Hùng. Lúc đó chưa có cầu, phải đợi phà. Chúng tôi vẫn phải ngồi bó gối trong cũi xe ngựa kéo. Để tránh sự chú ý, họ lừa chúng tôi vào sâu trong con đường mòn, ở đó có một trường học. Các em học sinh và các thầy cô tò mò ra xem lũ tù bị nhốt trong cũi xe. Họ chỉ trỏ xì xào. Nguyễn Hữu Đang hỏi: Các cháu có biết Cao Bá Quát không?. Qua phà chúng tôi đến ngủ tạm trại giam Tuyên Quang. Lệnh: Không được cời xích tay. Qua một đêm không thể nào ngủ được. Thằng muốn đi ỉa đi đái, phải đánh thức thằng tù đang ngủ dậy. 4 giờ sáng dậy đi tiếp. Kiểm số tù lần cuối là ông đeo kính đen, mở cái cặp đen lấy tập hồ sơ hỏi anh Đang câu hay chữ gì đó, làm tôi (Kiều Duy Vĩnh) nghĩ đến chuyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân trong *Vang bóng một thời*.

Chúng tôi được đưa về trại tù Cổng Trời Cẩn Tỷ. Hôm ấy, rét làm đông nước. Cứ lạnh âm “zê-rô” độ là họ gọi đi xà lim. Xà lim là *một cái quan tài bằng đất dày một mét*, cùm “răng cá sấu” cắn chân không bao giờ được mở, và có khi bị bỏ đói cho đến chết. Quản giáo Nhân từng tuyên bố vào mặt chúng tôi: Cái sống chết của các anh ở trong tay chúng tôi. Đừng có mơ tưởng hảo huyền gì. Cho dù có động trời, động đất xảy ra, thì trước khi chuyện đó đến với các anh, nó phải tới cái trại đặc biệt này. Trước khi mọi điều vin vông các anh mong đợi xảy ra, các anh đã không còn ở cõi đời này nữa, các anh đã là những cái xác chết rồi. Chúng tôi nghe và cũng hiểu đúng như vậy. Cho nên, động đất, chiến tranh ai chết. Mặc. Với chúng tôi: Stalin chết, John Kennedy bị bắn, Ngô Đình Diệm chết, Kroutchov bị hạ bệ, chả có gì quan trọng cả. Cuối cùng tù Cổng Trời Cẩn Tỷ có 72 người, chỉ sống sót 11 người. (...)

Chợt dòm thằng em lớn hơn vài tuổi mà khộm thấy rõ, nó đang ở cái tuổi “nói tiếng đất, quên tiếng trời”, vừa dẫn nó lên Cổng Trời Cẩn Tỷ rồi, nhưng sợ nó quên. Rồ chữ tôi một sách ăn giấy đầy đưa nó về Phủ Lý với cái ao làng, với cái chết vì đói...

Có trước có sau, Tô Hoài được Tố Hữu giao nhiệm vụ “thuyết phục” Nguyễn Bính ra báo tư nhân *Trăm Hoa* để có tiếng nói chống báo Nhân Văn. Trong một số báo của tuần

báo *Trăm Hoa*, nhà thơ không chống Nhân Văn mà lại viết về giải thưởng thơ để thành chuyện:

(...) Khi bắt đầu giải thưởng văn học toàn quốc 1954-55, anh chị em văn nghệ gặp nhau thường hay nói đùa một câu: Giải thưởng này, cái gì thì không biết, chứ tập thơ *Việt Bắc* thì chém chết cũng được giải nhất rồi!. Tất nhiên ai cũng hiểu câu nói đó không phải câu tán dương. Anh em còn nhớ mãi cuộc tranh luận về quyền thơ Việt Bắc, chưa ngã ngũ ra sao thì các ông trong hội Văn nghệ đã vội vàng đưa ra mấy bài “bịt lỗ châu mai” lại. Ông Hoài Thanh phát biểu: Địch nó không mong gì hơn là ta chê thơ Tố Hữu. Ông đem cả địch ra mà bảo vệ cho thơ Tố Hữu. Mà địch nào đây? Chẳng lẽ Diệm ở trong Nam? Cái lối nịnh trên nạt dưới ấy tất nhiên Hoài Thanh phải đem sử dụng vào việc chấm giải. Vì ông Tố Hữu là lãnh đạo văn nghệ, là thứ trưởng. Trong các thi sĩ có tác phẩm in ở nhà xuất bản của hội Văn nghệ, chỉ duy có thơ Tố Hữu là được sắp vào loại A, và được tính tiền bản quyền tác giả cao nhất. (Giải nhất cho hội viên: 30 đồng. Thời giá năm 1954-55 một bát phở: 3 đồng, tức 10 bát phở. Riêng giải nhất với riêng Tố Hữu: 500 đồng). Nguyễn Bính nêu những đề nghị cụ thể: Muốn cho giải thưởng văn học 1954-55 có giá trị, chúng tôi có ý kiến đề nghị cụ thể là về giải thơ: Nên đưa tập thơ Việt Bắc xuống giải nhì, chưa xứng đáng được giải nhất. (...)

Với trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng, thằng em nhảy bổ vào chuyện mà rằng...

Rằng trong khi Hoài Thanh *nịnh trên nạt dưới* thì cũng là nhà phê bình văn học mà Vũ Ngọc Phan im như thóc ngâm vì rét. Số là trong lý lịch của mình, Vũ Ngọc Phan không dám khai tên ông bố vợ là Sở Cuồng Lê Dư (tên thật Lê Đăng Dư). Chẳng qua vì Lê Dư cùng với Nguyễn Bá Trác bỏ phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu đầu hàng Pháp. Chuyên không ra chuyện thế đấy, nhưng phải đợi nó quá đọa rồi mới lại tiếp với chuyện cái ao...

Đã 46 năm kể từ trưa 29 tết, năm Bính Ngọ, 1966, nhà thơ Nguyễn Bính đã chết trong nghèo đói, bệnh tật tại nhà ông lang Hứa. Tôi (Trần Mạnh Hào) có gặp ông tại tư gia nhà thơ Vũ Quốc Ái ở Nam Định. Ông lang Hứa làm thơ, bút hiệu Tân Thanh kể rằng:

Sau 1958, Nguyễn Bính bị Tố Hữu đuổi về quê vì làm báo *Trăm Hoa*. Nguyễn Bính về quê làm nhân viên hợp đồng sửa bản in cho ty văn hoá Nam Định nên đói lắm. Sau cơ quan ty văn hoá sơ tán lên huyện Lý Nhân, nên Nguyễn Bính hay đến nhà ông lang Hứa ở thôn Mạc Hạ tá túc. Tết đến, không có tiền, Nguyễn Bính tới nhà ông Hứa mượn đỡ chút tiền về cho vợ con có chút tiền ăn tết. Trưa 29 tết, Nguyễn Bính do đói quá, lại làm tí rượu, chóng mặt, ra bờ ao nhà ông Hứa rửa mặt, rơi xuống ao. Ông Hứa và người nhà vớt Nguyễn Bính lên bờ. Nhà thơ thổ huyết, tắt thở.

Về đám tang của nhà thơ, bà Nguyễn Bính Hồng Cầu con gái Nguyễn Bính thuật lại:

Cha tôi được đưa về nghĩa trang Cầu Hợ. Mừng hai tết, bác cả tôi là nhà viết kịch Trúc Đường và con gái về Nam Định đưa tang cha tôi, dọc đường thấy một đám ma không kèn trống, không người đưa tang, đầu ngơ đó lại chính là đám tang em trai ruột thịt của mình.

Với Trần Mạnh Hào thì Nguyễn Bính chết đói. Nhưng Tô Hoài nói khác, cho rằng Nguyễn Bính *chết no, chứ không phải chết đói* như bọn “diễn biến hoà bình” xuyên tạc.

Đang giảng chuyện, nó len chân vào và đâm ngang chuyện Tố Hữu “bị”...

Cuối năm 1956, nói đến báo Nhân Văn và tập Giai phẩm, ông Hồ ra chỉ thị: Đó là những hạt giống xấu gieo trên miếng đất của những tư tưởng sai lầm. Theo chỉ thị mệnh của ông Hồ, Tố Hữu tuyên bố: Nhân Văn Giai phẩm là những hạt giống xấu, phải dọn lại đất cho tốt. Tố Hữu thực hiện *ý nghĩa thâm sâu* của cuộc thanh trừng: Nhỏ cỏ phải nhổ tận rễ. Sau Trường Xuân đến họp ở đại hội nhà văn cho hay ông Hồ có “cảm



ting" với Nhân văn và nói không nên dùng dao mổ trâu để giết gà. Đến khi Tố Hữu mất, Trường Xuân "phản ánh" Tố Hữu đã "bịa" chuyện "nhỏ cỏ" như thế.

Đã từ lâu, nhiều người rất mong muốn Tố Hữu hãy xin lỗi anh em Nhân văn Giai phẩm lấy một tiếng. Như nhà viết kịch Bửu Tiên đã làm trong một đại hội nhà văn. Gần đây nhiều anh em văn nghệ hòa theo Tố Hữu "đánh" anh em Nhân văn Giai phẩm hồi ấy, nay đã nhận sai lầm, họ đã đến từng nhà xin lỗi từng người. Cho lòng mình nhẹ nhõm, cho lòng bạn nhẹ nhõm. Nhưng Tố Hữu đã không làm. Hãy thành thật và sòng phẳng với những sai lầm trước đây của mình. Trong *Lời tâm sự* của Tố Hữu, tác giả Nhật Hoa Khanh đã viết: Không thấy lời nhận lỗi hoặc xin lỗi những nạn nhân trước đây của mình, ai cũng được Tố Hữu đánh giá rất cao, rất tốt đẹp, chỉ thấy khen là khen. Những thế hệ bây giờ không biết chuyện cũ, cứ tưởng Tố Hữu rất tốt với mọi người, ông không thù ghét ai, làm sao ông Tố Hữu lại có thể đánh những tài năng văn nghệ như anh em Nhân văn Giai phẩm?

Vậy mà trong di cảo, sau khi thu băng xong, Tố Hữu nói với tác giả:

- Trước khi gửi đăng bài báo viết buổi trò chuyện thân mật này, anh nên gửi bản thảo đến chị Nghiêm Thúy Băng (chị Văn Cao), chị Quang Dũng, gia đình các anh Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, v...v... Ngoài ra, nên gửi đến các anh Hữu Loan, Lê Đạt, Phùng Cung...

còn một cái tên khác là tập di cảo *Những tâm sự của nhà thơ Tố Hữu*

Hốt nhiên trong trí nhớ mù sương của rờ chữ tôi ẩn hiện tác giả *Con ngựa già của chúa Trịnh* đã "trơ xương cùng tuế nguyệt" trong nhà tù Hỏa Lò, Bất Bạt, Phong Quang 12 năm trời. Ra tù, Phùng Cung còn bị vùi dập cho đến cuối đời. Bèn hỏi. Thăng em dẫn nhời Tố Hữu trong tập tài liệu "Gặp Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng" ...

Nhà văn Phùng Cung cũng cần được minh oan cùng với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*. Cần lắm. Con ngựa già của chúa Trịnh chỉ là con ngựa già của chúa Trịnh mà thôi. Không có ẩn ý gì xấu như bốn mươi năm trước đây một số người lầm tưởng. Ngay từ những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Phùng Cung đã được đồng nghiệp nhìn nhận như một cán bộ văn nghệ đầy nhựa sống, và rất chân thành. Với những ưu điểm nổi bật ấy, suốt cuộc đời mình, anh đã đi cùng dân tộc, đi cùng cách mạng.

Về cụ Văn Cao, thăng em đưa ra "tâm sự" của Tố Hữu với cùng tập tài liệu trên, nhưng còn một cái tên khác là tập di cảo "Những tâm sự của nhà thơ Tố Hữu"...

*Thiên thai* là một ca khúc đạt dào sức sống và thấm đậm chất lãng mạn trong chuyện cổ dân gian. Thiên thai bay bổng, xa vời nhưng vẫn gắn với cuộc sống nơi trần thế. Người Thăng Long Hà Nội rất tự hào về những bài hát trữ tình lừng danh của Văn Cao về thủ đô ngàn năm văn vật. Tố Hữu dừng lại. Tôi (Nhật Hoa Khanh) thấy ông thật sự lặng đi một lát. Rồi nhà thơ nói tiếp với một thoáng nghẹn ngào: Nhớ quá Văn Cao những ngày ở Việt Bắc!

\*\*\*

Mãi cho đến khi rày, thăng em mới mở cánh cổng khép hờ dẫn vào nhà có...cây táo.

Vào đến phòng khách, rờ chữ tôi bắt gặp hồn ma bóng quế ông Tố Hữu đang ngồi ở bộ sa lông tiếp khách. Khách của ông là nhà phê bình văn học cổ đại của đất Thăng Long...

(...) Ấn tượng khó quên nhất của tôi (Nguyễn Đăng Mạnh) là ông nói rất nhiều. Tôi nhớ ông nói từ hai giờ chiều. Nói rất bốc. Lúc đầu còn ngồi ngay ngắn, sau co chân trên salon ngồi như ếch ộp. Tôi ngồi sát cạnh ông, liên tưởng đến Nguyễn Đình Thi mà ông là con ếch, Thi là con cua. Thịnh thoảng ông còn vỗ mạnh vào đùi tôi như con ếch vỗ mai con cua. Sợ quá! Thật ra ông hỏi một câu gì đó. Hỏi không phải để nghe trả lời, mà

là cách gây chú ý, để nghe ông nói tiếp. Thực tình lúc ấy tôi mót đi tiểu quá. Ngồi ngay cạnh ông, đứng lên không tiện. Vả lại biết đi toalet ở chỗ nào! Mà trời sắp tối. Nhưng ông cứ nói, nói liên miên, nói say sưa hào hứng. Lúc đó, thực bụng tôi nghĩ: Trên đời không có gì nhảm nhí bằng chuyện văn chương, chỉ có đi tiểu là quan trọng nhất. Không hiểu sao, ông lại còn giữ tay, nói tiếp mấy câu nữa. Tôi lại nghĩ đến anh chàng Hoàng Cát tả giọng ông chua như mè. Sợ quá!

Hết quyền lực rồi, Tố Hữu vẫn có tật nói nhiều. Hôm báo Văn Nghệ tổ chức hội thảo về cuốn *Chân dung và đối thoại* của Trần Đăng Khoa, ông đến dự. Một mình ông nói hàng tiếng đồng hồ. Lúc Tố Hữu đã mệt nặng, Nguyễn Khải có đến thăm. Khải nói: Ông đã mệt lắm, nói không ra tiếng, vậy mà miệng vẫn mấp má, lấp bắp. Đúng là mắc bệnh nói.

Những năm cuối đời, ở Tố Hữu, có chuyện này cũng lạ: Thường phủ nhận những điều mình đã nói, và đã làm. Trong cuốn *Chân dung và đối thoại*, Trần Đăng Khoa thuật lại cuộc phỏng vấn Tố Hữu về chuyện ở bên ngoài họ đang rĩ tai Tố Hữu xoá một câu thơ về Võ Nguyên Giáp trong bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Sau này Tố Hữu nói: Không hề biết chuyện ấy vì đó là chuyện bịa. Khoa nói với tôi: Em có ghi bằng hẳn hoi, đâu có bịa.

Nhật Hoa Khanh công bố bài phỏng vấn Tố Hữu rất dài. Đọc bài phỏng vấn này, tôi thấy:

Tố Hữu nói ngược hẳn những điều ông nghĩ, ông viết và ông làm trước đây đối với các nhà văn thuộc nhóm Nhân văn Giai phẩm. Ngược hẳn lại như quay 180 độ, khiến rất khó tin là có thật. Khoa cho rằng: Tố Hữu hay phủ nhận những điều mình đã nói, đã làm, nhưng không đến nỗi quá quái như trong bài phỏng vấn của Nhật Hoa Khanh. Tô Hoài thì nói: Những sự kiện, những chi tiết trong bài phỏng vấn đều có thật cả, chỉ có điều Tố Hữu nói ngược lại. Vì anh Nhật Hoa Khanh có ghi âm, còn giữ bằng ghi âm mà.

Sau khi chết, không thể ngờ Tố Hữu xuống giá nhanh chóng và thảm hại đến thế. Ở khoa Văn đại học Sư phạm Hà Nội nếu Tố Hữu sống lại chắc buồn lắm: Hàng năm cán bộ giảng dạy phải hướng dẫn hàng trăm sinh viên cao học, hàng chục nghiên cứu sinh làm luận án thạc sĩ, tiến sĩ. Đề tài ngày càng bí, quanh đi quẩn lại khai thác mãi những Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Thạch Lam, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu...hầu như đã cạn kiệt. Rất bí. Cả thầy lẫn trò đều bí.

Vậy mà không ai chịu làm về Tố Hữu. Vì vậy nếu Tố Hữu sống lại chắc buồn lắm (...)

Về "Tố Hữu sống lại chắc buồn lắm", rò chữ tôi cũng buồn tình mò lên mạng lưới mới hay ông mãi phần ở Hà Nội. Nhưng không thấy ai viết về đám tang ông, nên trộm nghĩ ông ra đi cũng lạnh lẽo lắm vì nhằm vào mùa đông. Tiếp, rò chữ tôi cũng không tìm thấy người ta chôn cất ông ở đâu? Sau hiền thê ông tự xây nhà tưởng niệm ông tốn kém khoảng hai triệu Mỹ kim, nói trộm vĩa ông chur...chứ nhà thơ làm kinh tế như vậy cũng "tốt thôi". Với nhà tưởng niệm hai triệu Mỹ kim, hiền thê ông thế nào chẳng dựng một kệ đài như bàn thờ để trưng bài thơ có hai chữ "thương chồng" đã đi vào văn học sử vào một ngày nắng hạ: Ông Sta-lin ơi! Ông Sta-lin ơi! – Thương cha thương mẹ thương chồng – Thương mình thương một, thương Ông thương mười. Đang lò mò trên mạng bỗng thấy bài viết của Nguyễn Quang Thiều, ông nhà văn này là kẻ hậu sinh chẳng có gì giận hờn với ông nên có câu kết: Cuối cùng như mọi kiếp người, ông đã già từ đời sống về với cát bụi. Về nơi xa xăm không còn hận thù, linh hồn ông đang mỉm cười hay đang suy ngẫm với những dằn vặt, khổ đau.

\*\*\*

Bởi nhẽ rồ chữ tôi cũng đang bí. Nhưng may lại gặp *Con ngựa già của chúa Trịnh*. Thế nên mới chẻ câu chặt chữ để có bài viết dài hơi đầy chữ này với tựa đề: *Thiên mã cùng đồ*.

Với Thiên mã cùng đồ, rồ chữ tôi dàn trải in hịt như trong truyện *Xông đất nhà thơ Tố Hữu* của Phùng Quán. Thêm nữa, hai anh em tôi nghe ông Tố Hữu nói chuyện văn chương giống như nói chuyện với nhà phê bình văn học Hà Nội từ hai giờ trưa đến bảy giờ chiều. Mà rồ chữ tôi đâu có khác gì nhà làm văn học cây đa, cây đề! Chả là đất sinh cỏ già sinh tật, rồ chữ tôi cũng có cái tật đi tiểu vặt và đái dắt, mỗi lần giặt nước cái bồn tiểu lại xót xa cho cái tiền già. Nên sau khi nghe ông nói liên miên, rất bốc, rồ chữ tôi bắm tay thẳng em xin phép nhà thơ ra về vì trời đã tối đất rồi. Hồn ma bóng quế nhà thơ khoác vai rồ chữ tôi một bên, thẳng em một bên lưng thưng đi ra cổng. Bước xuống bậc tam cấp, thẳng em làm văn... làm như nhớ lại trong bài viết *Sự thật ở đâu* của nhà văn Hoàng Tiến: Bạn bè thân nhà văn bảo ông Tố Hữu tuy bây giờ nghỉ làm việc, nhưng thể lực còn mạnh lắm, ông ấy vẫn có thể bóp cổ anh chết tươi bất cứ lúc nào. Vì vậy nó cũng sợ vãi đái ra quần, thẳng em làm văn ăn mày chữ nghĩa của nhà văn Hoàng Tiến chào từ già ông: Hẹn gặp lại nhà thơ cách mạng lão thành. Khi ra gần đến cổng sắt, nhà thơ dừng lại, nói trống không, như không có mặt hai anh em tôi trong cõi nhân gian phù thế này: Lão, nhưng liệu có thành không chứ.

Ra khỏi cổng, nhìn lại với một thoáng mây bay, quang cảnh căn biệt thự đìu hiu với *dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo nền cũ lâu đài bóng tịch dương*. Thêm câu văn trong bài Phùng Quán xông đất nhà ông cậu, căn nhà 76 Phan Đình Phùng phảng phất trong trí nhớ sương khói của rồ chữ tôi: “Toàn bộ vẻ đẹp u trầm và sâu sắc đến kinh người...”. Như Phùng Quán, rồ chữ tôi không thấy công an, lính cảnh vệ, chiếc xe con màu trắng, chiếc ô-tô đen.

Chỉ còn lại cây táo già khú để với một bóng người.

*Bèn đục chữ đẽo câu, rồ chữ tôi viết tiếp in hịt như trong bài Cây táo nhà ông Lành:*

Bóng người bắt gặp thẳng Thìn đang trần trần nhìn mình. Nó lấp bắp:

- Cháu...cháu lỡ!... Ông tha...

Bóng người ném cây rựa xuống sân đánh “bịch”, đứng phắt lên ư hừm:

- Ông, ông cái con khỉ!

*Rồ chữ tôi đang bối rối như sư đẽ vì thẳng em hẹn gặp lại làm khi gì chả biết nữa thì...*

Thì thẳng Thìn ù té chạy về, tay kéo quần, tay ra dấu với bạn và nói:

- Tao đi qua cây táo, tưởng như mọi khi, tao vào nhật trái rụng. Bất chợt có tiếng “ư hừm!” rõ to! Mà giọng ồ ồ kỳ lắm! Nhìn khắp nơi mà chẳng có ai hết. Tao lại nghe “ư hừm” thật to kéo dài lướt nữa. Chừng như có bóng người ngồi trên cây táo. Tao dòm lên, thì eo ôi:

- Một cái sọ dừa đen ngòm trên ấy!

Thạch trúc gia trang  
Tết Bính Thân 2016



Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Nguồn: Lại Nguyên Ân, Lý Hồng Nhân, Thụy Khuê  
Trần Đình, Xuân Sách, Đặng Vương Hưng, Bá Kiên

